



4 • 2017



Sách ấn tống. Không bán.

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NXB TÔN GIÁO



HUỆ KHẢI CHỦ BIÊN

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

TẬP TRÌNH - ĐINH DẬU 2017 • 24

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập TRINH (24) - Quý Bốn 2017

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2017

MỤC LỤC

Giao Cảm – Văn Uyên	3
THÁNH GIÁO	
Ý Thức Hệ Cao Đài – Đức Thái Bạch Kim Tinh	5
KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI	
Đức Giêsu Kitô Đã Trở Lại – Diệu Nguyên	15
Con Thuyền Trong Phúc Âm – Huệ Khải	35
Cha Đẻ Của Internet Là Một Linh Mục Dòng Tên – Bạch Linh	41
Thiện Quang: Một Góc Nhìn Khác – Võ Quốc Phong	47
Chỉ Tại Da Đen – Trần Dã Sơn	53
Chuyện Của Luật – Lê Anh Minh	57
Tự Học: Một Nhu Cầu Thời Đại – Trần Văn Chánh, Dũ Lan	60
Vĩnh Biệt Chị Tôi – Nguyễn Do Đăng	67
Vòng Đồng Một Thuở – Như Không Đặng Công Tạo	71
Sách Và Đồng Nghiệp – Nguyễn Thị Kim Thủy	75
Cà Rem Thơ Ấu – Lê Minh	79
Nhớ Tiếng Rao Của Ba – Huỳnh Khởi Huỳnh	84
Văn Hóa Đọc Truyền Thống... – Dũ Lan	87
Hai Ông Bà Đánh Cầu Lông – Như Không Đặng Công Tạo	98
Những Cơ Hội Bị Bỏ Lỡ... – Cao Văn Thúc	107
Hội Đua Bò Bảy Núi – Nguyễn Thanh Lợi	125
Viễn Kiến Xây Dựng Đất Nước... – Cao Văn Thúc	135
Những Người Phụ Nữ Bán Hàng Rong... – Đông Nhân	143
Thơ Biên Nhân 104, 106 / Đặng Thị Kim Loan 82 / Đỗ Thị Kết 52, 74 / Lê Hoàng Nguyên 103 / Nguyễn Do Đăng 133 / Nguyễn Quốc Huân 134 / Thơ Võ Văn Pho 56, 102, 132, 142	
Gió Bốn Phương / Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tống	151
Bìa 4: Thánh thất Thạnh Tân (HTCĐ Tây Ninh), xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. <i>Ảnh:</i> Tony L. (tháng 5-2015)	

Bìa một Văn Uyển tập Trinh (số 24) kỳ này gửi tới quý bạn đọc thân ái một tranh vẽ mượn tại:
http://www.51huayi.com/product_25897.html

GIAO CẨM

Hình ảnh **con thuyền** lẻ loi không chỉ thơ mộng mà còn gợi nhớ hai câu thánh thi Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch dạy tại thánh thất Từ Quang (Quảng Nam), Thứ Tư 18-02-1948: *Có sông mới đóng ra thuyền / Có người tội lỗi mới truyền pháp tu.* Từ liên tưởng này, chúng ta đọc thêm bài “*Con Thuyền Trong Phúc Âm*” của Huệ Khải (tr. 35).

Cuối quý Bốn này trong cộng đồng tín hữu Cao Đài chúng ta có thánh lễ kỷ niệm **Chúa giáng sinh** vào ngày 24-12-2017. Văn Uyển trân trọng mời quý đạo hữu xem bài “*Đức Giêsu Kitô Đã Trở Lại*” của Diệu Nguyên (tr. 15). Vâng, Chúa đã trở lại với nhân loại một lần nữa để cùng các Đấng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ giong thuyền bát nhã cứu độ quần sinh thoát khỏi biển khổ hạ nguơn. **Con thuyền bát nhã Kỳ Ba đang có Chúa chèo chống**, và Chúa là một trong các vị lái đò siêu việt suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Cầu xin Chúa ban hồng ân dắt dìu chúng dân Diêm Phù Đề trở về cùng Đại Đạo.

Cuối quý Bốn này còn có đại lễ kỷ niệm **Khai Minh Đại Đạo**. Từ năm 1926 tới 2017 là chín mươi một năm dài, cũng là sít sao gần ấy tuổi đời của tôn giáo Cao Đài. Nhưng trải qua gần một thế kỷ lập giáo, thử hỏi tinh

thần Đại Đạo đích thực của cộng đồng Cao Đài thật sự đã được “khai minh” chưa? Hay phần lớn chúng ta vẫn còn loay hoay quẩn quanh trên lối cũ đường xưa một thuở? Những người áo trắng chúng ta vẫn tự hào nêu cao tôn chỉ “quy nguyên” và “hiệp nhất” như một giá trị ưu thắng của Tam Kỳ Phổ Độ, nhưng nếu soi rọi vào chính thực trạng tôn giáo Cao Đài, ắt không khỏi ngậm ngùi khi thấy ngay rằng “nguyên” và “nhất” vẫn cứ là ẩn số đầy thử thách của một phương trình nan giải. Vấn đề là các thí sinh trong trường thi hạ nguơn buổi chót có muốn hiệp lòng chân thành thương Thầy mến Đạo để cùng nhau giải cho xong bài toán này hay không.

Mục thánh giáo cho quý Bốn này thay vì là một đàn cơ nhân kỷ niệm Rằm tháng Mười, lại là một bài Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch giảng dạy vào Rằm tháng Giêng. Sao lạ vậy? Quý đạo hữu ắt vừa hỏi thế.

Xin thưa: Rằm tháng Giêng hơn bốn mươi năm trước, Đức Lý Giáo Tông dạy chúng ta về **Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI**. Xin chúng ta ôn học lời dạy này, để thẩm thía hai chữ “khai minh” hơn nữa, và để thức tỉnh, lãnh hội được lý do vì sao Đức Lý Giáo Tông từng nhắc lại lời Đức Gia Tô Giáo Chủ dạy trong một dịp lễ Giáng Sinh rằng chúng ta “*chỉ có tâm thức thì sáng mà ý thức còn u tối*” (thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu, Thứ Hai 17-02-1969).

*Nam mô Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
Nam mô Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.*

Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Tuất thời, 15-01 Giáp Dần (Thứ Tư 06-02-1974)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ
Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp Đàn: Huệ Chơn. *Đồng tử âm dương:* Hoàng Mai và
Thanh Thủy. *Độc giả:* Hồng Mai. *Diễn Ký:* Ngọc Kiều,
Hồng Cẩm, Kim Nhung, Lập Hạnh.

*

THANH MINH ĐỒNG TỬ

Chào chư Thiên ân sứ mạng, chư liệt vị lưỡng phái.
Tiểu Thánh đến báo tin có Đức Giáo Tông lâm đàn giáo
đạo. Chư liệt vị thành tâm thủ lễ tiếp nghinh. Tiểu Thánh
xin xuất ngoại hộ đàn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH

Mừng chư hiền đệ, hiền muội. Bàn Đạo đến với chư
hiền đệ, hiền muội trong đêm Thiên Quan Tứ Phước,
dưới ánh trăng tròn còn vương vấn tiết đầu xuân để
kiểm điểm lại thành quả của Cơ Quan qua một năm dài
hành đạo. Miễn lễ, an tọa.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ⁽¹⁾ được thành
lập qua chín mùa xuân.⁽²⁾ Chư hiền đệ, hiền muội đã
đem tâm đạo chí thành để phụng Thiên hoàng Đạo. Cái
thành quả ở tinh thần trách nhiệm của chư hiền đệ muội
đã gieo được vào lòng người mộ đạo chơn tu một niềm
tin vững chắc về Đạo. Đó mới thật là thành quả rất
thiên liêng cao quý mà chư hiền đệ muội vẫn không
ngờ.

(...)

Nhân sự hiện diện đông đủ của chư hiền đệ, hiền
muội hôm nay, Bàn Đạo cũng nêu một vài điều cần cho

HUỆ KHẢI chú thích:

⁽¹⁾ Ngày 15-01 Ất Ty (Thứ Ba 16-02-1965) Ôn Trên khai mạc
Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, nhưng trước đó (ngày 14-
01 Ất Ty) như thể một lời báo trước, Đức Chí Tôn dạy: "**Cơ
Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái...**"; quả
thật, qua năm sau (1966) thì danh xưng **Cơ Quan Phổ
Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam** chính thức ra đời.
Năm 1974, khi Đức Lý Giáo Tông dạy bài này, lại bảo "**Cơ
Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo**" như thể một lời báo
trước; quả thật, ngày 15-4 Tân Dậu (Thứ Hai 18-5-1981)
Đức Lý Giáo Tông dạy: "... danh hiệu **Cơ Quan Phổ Thông
Giáo Lý** đến lúc này cũng cần để **Cơ Quan Phổ Thông Giáo
Lý Đại Đạo.**" Tuy nhiên chỉ từ năm 1985 trở đi các văn bản
của Cơ Quan mới bắt đầu dùng danh xưng **Cơ Quan Phổ
Thông Giáo Lý Đại Đạo**.

⁽²⁾ *Chín mùa xuân:* Tính từ mùa xuân Ất Ty (1965) tới mùa
xuân Giáp Dần (1974).

ơ Đạo hiện hữu⁽³⁾ để giúp phần nào cho chư hiền tu thân hành đạo, lập công bồi đức.

Chư hiền đệ, hiền muội là những người chức sắc, chức việc, tín đồ, đạo hữu trong các Hội Thánh, Giáo Hội, thánh thất, thánh tịnh, đoàn thể trong Đại Đạo thì đã có ít nhiều liên hệ, hãy hiến thân để phục vụ thánh thể của Đức Chí Tôn.⁽⁴⁾ Điều mà Bần Đạo muốn nói hôm nay là hình thể Đạo và giáo thuyết hay **ý thức hệ**⁽⁵⁾ **Cao Đài**.

⁽³⁾ *Hiện hữu*: Đang có, hiện có (*available, existing*).

⁽⁴⁾ *Thánh thể của Đức Chí Tôn*: Tức là Hội Thánh, Tòa Thánh, Giáo Hội, thánh thất, thánh tịnh, đoàn thể trong Đại Đạo mà mỗi người đạo Cao Đài đang làm thành viên.

⁽⁵⁾ *Ý thức hệ (ideology)*: Một hình thức triết học mang tính xã hội, trong đó các yếu tố thực hành cũng nổi bật như các yếu tố lý thuyết. Ý thức hệ là một hệ thống các ý tưởng đầy khát khao nhằm giải thích thế giới và đồng thời muốn đổi thay thế giới cho tốt đẹp hơn. Như thế, hàm chứa bên trong ý thức hệ là một sứ mạng nhằm phục vụ con người và cứu rỗi con người.

Cha đẻ của thuật ngữ ý thức hệ (*idéologie*) là Desbutt de Tracy (1754–1836), ông muốn đem những ý tưởng của mình để cải cách xã hội Pháp vào cuối thế kỷ 18, và đã có bốn năm ngắn ngủi (1795-1799) để ứng dụng vào nước Pháp, nhưng rồi về sau ông không được tiếp tục ủng hộ. Tracy thất bại nhưng sau ông các nhà tư tưởng trên thế giới đã dùng thuật ngữ ý thức hệ để gọi bất kỳ một lý thuyết nào có xu hướng về hành động thực tiễn (*action-oriented theory*) nhằm cải thiện thế giới theo sự soi sáng của một hệ thống các ý tưởng. Các sử gia đã gọi thế kỷ 19 là kỷ nguyên

Hình thể Đạo là thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế. Đại Đạo khai minh qua bốn mươi chín mùa xuân tô điểm.⁽⁶⁾ Những ngôi thánh đường đồ sộ uy hùng vươn lên khắp nơi, khắp chốn. Dầu trải qua bao nhiêu biến chuyển của cuộc đời nhưng hình bóng Đạo vẫn theo thời gian mà xuất hiện. Duy có một điều mà chư đệ muội hầu hết ít lưu tâm là nhân sự và hành chánh Đạo.

Này chư hiền, Thượng Đế không ngự trị trên vật thể vô tri, mà trái lại Thượng Đế ngự trong tâm tháp ngà⁽⁷⁾ của tâm hồn nhân loại. Hình thể Đạo chỉ mượn đó để thể hiện thánh thể Chí Tôn tại thế.

Thượng Đế không là một hình bóng của thần tượng, nhơn tượng hay vật tượng.⁽⁸⁾ Chính biểu tượng⁽⁹⁾ Thiên

của ý thức hệ (*the age of ideology*). Ở Việt Nam hiện nay ý thức hệ được gọi là “*hệ tư tưởng*” còn người Hoa gọi là “*ý thức hình thái*” 意識形態.

⁽⁶⁾ Đại Đạo khai minh năm Bính Dần (1926). Đức Giáo Tông dạy bài này năm Giáp Dần (1974).

⁽⁷⁾ *Tháp* hay *đài (tower)* là kiến trúc xây cao lên để làm nơi thờ phượng các Đấng thiêng liêng. *Tháp ngà (ivory tower)* là bửu tháp rất quý báu, ví như dùng ngà (*ivory*) làm vật liệu xây dựng. *Tâm tháp ngà* là tâm thánh thiện, rất quý báu, xứng đáng để Trời Phật ngự vào.

⁽⁸⁾ *Thần tượng*: Tượng một vị thần (*statue of a god; idol*). *Nhơn tượng*: Tượng một người (*statue*). *Vật tượng*: Tượng một vật (*icon, image*).

⁽⁹⁾ *Biểu tượng (symbol)*: Một vật hữu hình, cụ thể được dùng để thay cho một cái gì vô hình, trừu tượng.

Nhân cũng chỉ là tạm mượn để gởi gắm chơn lý trong một cụ thể chủ quan ⁽¹⁰⁾ mà thôi. Chính vì vậy, kiến tạo hình thể Đạo có được giá trị cùng chẳng ⁽¹¹⁾ là phải có nhơn tâm làm chứng thị.⁽¹²⁾ Giá trị của nhơn sanh giác ngộ sẽ định vị cho hình thể Đạo của từng địa phương.

Chư hiền thử nghĩ: Người nông phu nào cũng gieo mầm lúa trên thửa ruộng màu mỡ mà không bao giờ gieo trên tấm thảm nhung tơ. Dầu tấm đó có thêu được đẹp nổi muôn màu nhưng giá trị của tấm thảm vẫn là tấm thảm để trang trí kiêu sa, chớ làm gì khơi động được mầm sinh sôi bất tận. Tấm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh, tạo thế an bình cho nhân loại. Vì vậy nhơn tâm Đạo phải phát khai, phải sum sê tàn lá. Thửa ruộng không được chăm sóc màu mỡ thì bông lúa nào được nặng trĩu đua chen.⁽¹³⁾

⁽¹⁰⁾ *Một cụ thể chủ quan*: Một vật cụ thể được chọn do ý kiến hay quan niệm riêng của mình (*a concrete chosen subjectively*).

⁽¹¹⁾ *Có được giá trị cùng chẳng*: Có được giá trị hay không có giá trị (*to have a value or not*).

⁽¹²⁾ *Chứng thị*: Chứng minh là đúng, là thật (*to testify*).

⁽¹³⁾ Thí dụ minh họa cho ý tưởng này: Một Tòa Thánh, thánh thất nguy nga, lộng lẫy đến đâu chẳng nữa mà nơi đó thiếu người chân tu, không có được pháp môn cứu độ chúng dân, thì tòa nhà tráng lệ đó vô hồn, vô tri cũng y như tấm thảm nhung kiêu sa không thể gieo được mầm sống (hạt giống) nào trên đó.

Nền Đạo không được khai minh ⁽¹⁴⁾ thì nhơn tâm Đạo quá ư là ít ỏi. Người chèo thuyền bát nhã, kẻ phát độ càn dương là cần vớt cho hết người chết đuối, cứu cho cùng khắp kẻ nạn tai, nào phải đợi người lụy dòng ⁽¹⁵⁾ trèo lên thuyền cứu độ hay kẻ bệnh ngặt đến hứng giọt cam lồ rồi đành bảo bởi vô minh duyên nghiệp làm cho sóng dập kiếp phù sinh.⁽¹⁶⁾

Có tập thể là phải có tổ chức. Hành chánh Đạo ⁽¹⁷⁾ không phải để phục vụ cho Thượng Đế. Thượng Đế nào có cần chi, nhưng thế sự chỉ để phục vụ cho nhơn sanh tất cả. Mượn hành chánh Đạo là làm thế nào để thể hiện được tương liên tương trợ dìu dắt lẫn nhau từ kẻ nhỏ nhit cùng trở về với Đại Linh Quang ⁽¹⁸⁾ trong buổi chót.

Thế nên thiết lập một cơ cấu hình thể Đạo mà bảo tồn không được cũng không khai sáng thêm hơn, thiệt là một điều thiếu sót và tội lỗi lớn với chính mình. Đừng để

⁽¹⁴⁾ *Nền Đạo không được khai minh*: Đạo Cao Đài không được chúng dân hiểu biết rõ các giá trị độc đáo của đạo (*Caodaism is not enlightened; people are not given greater knowledge and understanding about unique values of Caodaism*).

⁽¹⁵⁾ *Lụy dòng*: Rớt, ngã xuống dòng nước.

⁽¹⁶⁾ *Kiếp phù sinh*: Kiếp sống ngắn ngủi, trôi nổi bấp bênh.

⁽¹⁷⁾ *Hành chánh Đạo*: Hệ thống tổ chức đạo Cao Đài từ trung ương (Tòa Thánh) xuống địa phương (họ đạo).

⁽¹⁸⁾ *Đại Linh Quang*: Đức Chí Tôn, Thượng Đế. (Con người là tiểu linh quang.)

cho một tâm hồn nào phải thương xót trước một thánh thể của Chí Tôn.⁽¹⁹⁾ Đã tạo được thì phải cố gắng khai minh và phát huy cho đúng với sự tạo dựng của mình hay của người đi trước.

Ngoài ra chư hiền cần nên lưu tâm về hình thức vì hình thức cũng sẽ thể hiện là tạo nên sự nhứt trí của tâm hồn và uy lực của thể đạo trong công cuộc xây dựng tâm linh và cứu độ nhơn sanh. Đừng bảo đó là giả mà không lưu tâm.⁽²⁰⁾ Có mấy ai chỉ mơ về bên kia bờ giác mà quên đóng con đờ để vượt qua chướng ngại an toàn. Không bát nhã thuyền nào chở đặng thân phàm xác thịt sang khỏi sông mê.

Chư hiền đệ, hiền muội có nghĩ gì về giáo thuyết hay ý

⁽¹⁹⁾ *Đừng để cho một tâm hồn nào phải thương xót trước một Thánh thể của Chí Tôn:* Đừng để cho ai phải chạnh lòng buồn thương, xót xa khi nhìn thấy trước mắt họ chỉ là một thánh sở Cao Đài vô hồn, vô tri, vì chỗ đó không phải là một nơi cứu độ tâm linh xứng đáng cho chúng dân trọn lòng tin yêu mà thiết tha tìm đến cầu đạo.

⁽²⁰⁾ Nói theo triết học, đây là mối quan hệ tác động qua lại giữa hình thức và nội dung. Thí dụ: Ngài Ngô khi xưa hay lấy tiền riêng giúp đạo hữu nghèo may áo dài. Ngài bảo: *Minh ăn mặc lèng xèng nói đạo ai nghe.* Thí dụ khác: Chúng ta viết bài phổ thông giáo lý mà dùng tiếng Việt quá tẻ, sai chánh tả be bét, câu văn luộm thuộm; hoặc đi thuyết đạo mà phát âm ngọng nghịu, không đúng... thì người đời dễ nghi ngờ “trình độ” của mình, không thuyết phục được bá tánh.

thức hệ Cao Đài?

(...)

Hỡi chư hiền đệ muội, có sự đánh mất vật chất hay tiền tài nào nguy hại bằng sự đánh mất ý thức hay tâm hồn?

Chư hiền ôi, manh áo sô gai,⁽²¹⁾ nhà tranh vách đất, ngao du sơn thủy⁽²²⁾ mà tâm hồn trong sạch an vui còn hơn ngựa xe chen chúc, gác tía đài son,⁽²³⁾ bon chen xuôi ngược với sự việc đánh mất cả chính mình mà nào ai có biết. Mượn phương tiện để phục vụ cho cứu cánh,⁽²⁴⁾ đừng để cứu cánh phải vùi chôn trong phương tiện phù ba.⁽²⁵⁾ Chân lý không là sự rải rác chấp nhận.⁽²⁶⁾ Chân lý là sự giác ngộ đơn thuần.

⁽²¹⁾ *Áo sô gai:* Áo dệt thưa bằng sợi gai.

⁽²²⁾ *Ngao du sơn thủy:* Đi chơi ngắm cảnh núi sông xinh đẹp.

⁽²³⁾ *Gác tía đài son:* Nhà cửa to, cao, sang trọng, đẹp đẽ.

⁽²⁴⁾ *Cứu cánh:* Mục đích sau cùng (*the final purpose*).

⁽²⁵⁾ *Phù ba hay phù hoa, phù phiếm:* Sự hào nhoáng bên ngoài, thực chất không có giá trị gì.

⁽²⁶⁾ *Chân lý không là sự rải rác chấp nhận:* Chân lý vốn là lẽ thật mang tính phổ quát xuyên suốt mọi không gian và mọi thời gian. Sự chấp nhận rải rác (*sparse acceptance*) hàm nghĩa chỉ giới hạn trong một số ít lẻ loi, tức là chưa phổ quát, chưa xuyên suốt mọi không gian lẫn thời gian. Thí dụ, *hai cộng hai là bốn;* đó là chân lý xuyên suốt mọi không gian và thời gian, tức nó không phải là chân lý được “rải rác chấp nhận”.

Ý thức hệ chân chính Đại Đạo đã quá sáng tỏ làm chói mắt cả thế nhân rồi nhân thế lại tưởng tượng rằng chân lý của Đại Đạo cũng chỉ là ánh sáng trong tầm mắt hạn hẹp hay tưởng tượng quẩn quanh của riêng mình mới thật đáng thương.

Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài. Cao Đài không tự nó sinh phát riêng cho Việt Nam hay bất cứ nước nào, không là của người này hay kẻ kia, không là Tây Ninh hay Bến Tre, không là Truyền Giáo hay Tiên Thiên. Cao Đài là Cao Đài thể thôi.⁽²⁷⁾ Chân lý tự nó phủ nhận chân lý.

Chư hiền muốn thiết lập thành quả để tạo cơ trình⁽²⁸⁾ tiến tới sự hiệp nhứt cho Đại Đạo thì nên hiểu, bất cứ sự phân hóa nào cũng không thể vượt qua khỏi vòng trời đất hay huyền linh của Thượng Đế Chí Tôn.

Chư hiền hãy gom các chiếc mai vàng vào cành mai tươi tốt để khoe sắc với Chúa Xuân.⁽²⁹⁾ Nếu kết hợp chỉ

⁽²⁷⁾ Để hiểu rành rẽ lời dạy này hãy liên hệ câu “Đạo khả đạo phi thường Đạo”. Người đạo Cao Đài của Hội Thánh ☐ hay B nếu chỉ biết trình bày đạo Cao Đài đóng khung trong những đặc trưng (*features*) của riêng Hội Thánh ☐ hay B, thì đó chỉ mới là Cao Đài riêng lẻ theo kiểu ☐ hay B mà thôi.

⁽²⁸⁾ *Cơ trình*: Trình tự cơ bản (?).

⁽²⁹⁾ Khi Đức Giáo Tông dạy lời này thì nơi thế gian vẫn còn đang tiết đầu xuân. Tạm hiểu câu “Chư hiền hãy gom các chiếc mai vàng vào cành mai tươi tốt để khoe sắc với Chúa Xuân” như sau: Nếu Đại Đạo (hay Cao Đài) là một cội mai,

là kết hợp, phân hóa chỉ là phân hóa, đó cũng là cơ tận diệt của cuộc đời.

Thượng Đế vẫn hiểu sinh, phân hóa phi phân hóa, kết hợp phi kết hợp. Đó là ý nghĩa của cuộc hiểu sinh xây chuyển.⁽³⁰⁾

Bần Đạo dạy hôm nay cho chư hiền đệ, hiền muội cũng đủ để tạm làm hành trang trên đường về cùng Thượng Đế để khỏi trở ngại lạc lầm.

*Hãy trở bước lên đường chánh đạo
Hãy lập tâm hoằng giáo độ nhơn
Rồi xem máy Tạo tuần hườn
Cái cơ đào thải, bảo tồn phân minh.*

(...)

Bần Đạo ban ơn lành cho tất cả chư hiền hiện diện hôm nay.

Bần Đạo sẽ hộ phò cho chư hiền trên đường tu thân hành đạo được vững vàng. Bần Đạo giã từ. Lui. ●

thì mỗi cộng đồng Cao Đài ở từng địa phương thay vì chỉ làm một bông mai riêng lẻ, hãy cùng nhau gom tụ về chung cội chung cành để cội mai mùa xuân được sum sê, rực rỡ sắc tươi, nồng đượm hương thơm mà làm đẹp thế gian.

⁽³⁰⁾ *Xây chuyển*: Xoay chuyển.

Huệ Khải chú thích

ĐỨC GIÊSU KITÔ ĐÃ TRỞ LẠI

DIỆU NGUYỄN

Ngày 24-12 dương lịch hằng năm, cùng với cộng đồng dân Chúa trên toàn thế giới, hàng môn đệ Cao Đài nói chung và bốn đạo thánh thất Bàu Sen nói riêng đồng thành tâm tưởng niệm Đức Giêsu Kitô nhân dịp đại lễ kính mừng Chúa giáng sinh.

Trong truyện cổ Anh Quốc có câu chuyện như sau:

Liên tục trong năm trăm năm liền, cứ vào đêm Giáng Sinh, dân chúng tại một thành phố nọ đều tập trung lại, không phải để mừng ngày Chúa đã giáng sinh mà để chờ đợi ngày Chúa trở lại. Trước lúc nửa đêm, họ đốt đèn, đốt nến, hát thánh ca, rước kiệu đến một ngôi thánh đường cũ, nơi họ đã dựng một hang đá bên trong nhà thờ, và với tất cả tấm lòng thành, họ quỳ gối cầu nguyện. Ánh nến cùng những bài thánh ca làm tan đi cái giá lạnh của đêm đông. Tất cả mọi người trong thành phố đều có mặt ở đó, ai cũng đều tin rằng nếu tất cả mọi người trong thành đều có mặt để cầu nguyện trong đêm Giáng Sinh một cách thành tâm thì Chúa Giêsu có thể sẽ trở lại đúng vào lúc nửa đêm.

Thế nhưng ngày trở lại của Chúa vẫn chưa bao giờ xảy ra. Một nhà báo hỏi một người thanh niên: “Bạn có thực sự tin rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại trong đêm Giáng Sinh tại thành phố của bạn không?”

Đáp: “Không, tôi không tin chắc như thế!”

Nhà báo hỏi tiếp: “Vậy tại sao bạn lại đến đây mỗi đêm Giáng Sinh?”

Thanh niên cười và trả lời: “Vì tôi không muốn là người duy nhất vắng mặt khi Chúa trở lại.”

Vấn đề Chúa sẽ trở lại sau hai ngàn năm cũng được tổng thống Mỹ John F. Kennedy quan tâm. Một người được gần gũi tổng thống Kennedy là mục sư Billy Graham kể rằng chỉ vài hôm trước ngày tổng thống John F. Kennedy nhậm chức, ông và thượng nghị sĩ George Smathers ở bang Florida được mời đến chơi gôn và thăm khu nhà của dòng họ Kennedy ở Palm Beach. Trên đường từ sân gôn trở về, tổng thống Kennedy dừng xe, quay lại hỏi ông: “Mục sư Billy Graham, ông có tin rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại trái đất không?” Mục sư sững sốt trước câu hỏi này của tổng thống Kennedy nhưng ông cũng trả lời ngay không chút do dự: “Thưa tổng thống, tôi tin Chúa Giêsu sẽ trở lại chứ!”

Hai câu chuyện vừa kể cho chúng ta thấy rằng phần đông các Kitô hữu vẫn luôn mong mỗi ngày trở lại thế gian của Đức Giêsu Kitô. Bởi lẽ Kinh Thánh có chép lời Chúa như sau:

1. *“Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào Chúa của anh em đến. Anh em hãy biết điều này: Nếu chủ nhà biết vào canh nào kẻ trộm sẽ đến, hẳn ông đã thức, không để nó khoét vách nhà mình đâu. Cho*

nên anh em cũng vậy, anh em hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con [của] Người sẽ đến.” (Matthêu 24:42-44)

2. “... *Chúa sẽ đến như kẻ trộm ban đêm.*” (Thư Thêxalônica 1, 5:2)

Riêng đối với hàng tín hữu Cao Đài thì việc Đức Giêsu Kitô trở lại thế gian đã thành hiện thực. Tuy nhiên, Chúa trở lại thế gian, không phải bằng hình hài thể xác của một con người mà bằng thần khí, bằng điển quang qua ngọn linh cơ trong công cuộc cứu độ Kỳ Ba của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Lễ Giáng Sinh năm 1958, tại Tòa Thánh Châu Minh (Bến Tre), Đức Giêsu Kitô giáng cơ:

*Hỡi các môn đồ, Ta đã đến
Đến bằng linh điển hợp thời này.*

Lễ Giáng Sinh năm 1959 (chuẩn bị bước sang năm 1960), tại Huồn Cung Đàn (Vĩnh Hội, Sài Gòn), Chúa giáng cơ nhắc lại lời di chúc của Ngài trong Kinh Thánh:

*Đến một ngàn chín trăm sáu chục
Trong Thánh Kinh di chúc của Ta
Trong hai ngàn năm đó là
Hạ nguơn tận thế Cha Ta lâm trần.
Cha Ta vốn Chơn Thần Thượng Đế
Cha Ta là Chúa Tế càn khôn
Cha Ta là Đấng Chí Tôn
Là Đại Từ Phụ bảo tồn nhơn sanh.*

*Đức Chúa Trời tá danh cứu thế
Danh Cao Đài Ngọc Đế Kỳ Ba
Việt Nam hạnh ngộ Đạo nhà
Hoàn cầu vạn quốc nhìn Cha là Thầy.*

Lễ Giáng Sinh năm 1967, giáng cơ tại thánh thất Bàu Sen, Đức Giêsu Kitô dạy:

*Ta đến với một mùa đông đầy giá rét
Để hy sinh cứu rỗi cho nhân loài
Ta lại đến trong cơn lửa bỏng dầu sôi
Để cất tiếng từng hồi gọi đàn chiên lạc lõng.*

Lễ Giáng Sinh năm 1973, tại Huồn Cung Đàn, Chúa giáng cơ nhắc lại:

“Giờ kỷ niệm, hai ngàn năm sắp mãn, theo lời tiên đoán ngày xưa còn nêu rành Cựu Ước, nay gọi lại để Thiên sứ, sứ đồ, gọi sưởi lòng ôn lại những điều tiên tri trên mặt luật. Vì trong hai ngàn năm, Ta sẽ tái lâm hạ thế, nhưng ngày nay Ta đến thế gian như kẻ trộm. Đó là điều tiên đoán ngàn xưa, nay nhắc lại để chứng minh cho đời biết. Cũng như bao con chiên Ta đã đón tiếp và chờ mong ngày xuất hiện, lòng man mác đương trông mỗi. Nhưng Ta đã đến thế gian từ bao giờ, lòng con chiên chưa nhận thức. Đó là vì màn bí mật trùm bao, luật Thiên Điều hé màn cho biết. Nhưng đặc tính của con chiên vẫn còn đang tầm nơi không trung vị sứ thần xuất hiện, đang mong mỗi sẵn đuổi để đón rước Ta bằng tấm lòng tin tưởng, nhưng quên xem lại điều ghi sau những lời Cựu

Ước. Đòi mạt hạ, Ta hạ thế bằng linh điển để đem con người trở về đường hướng thiện để giải tỏa xích xiềng cho bản thân được thanh thản tâm, tu tâm vị cũ. Vì ngày Ta đến thế gian là ngày những tôi trai tớ gái đã nói những lời tiên tri như Ta hiện nay.”

Và một điều đặc biệt hy hữu trong Tam Kỳ Phổ Độ đó là không chỉ Đức Giêsu Kitô trở lại thế gian mà tất cả các Đấng Giáo Tổ như Đức Phật Thích Ca, Đức Thái Thượng Đạo Tổ (Đức Lão Tử), Đức Khổng Phu Tử, v.v... đều trở lại thế gian trong công cuộc tận độ quần linh của Đức Thượng Đế.

Sứ mạng của các Ngài trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này không chỉ đơn thuần là kêu gọi nhơn sanh hồi tâm hướng thiện bỏ dữ làm lành mà chủ yếu là sứ mạng xây dựng Nhân Hòa trong tinh thần vạn giáo nhưt lý.

Do đó, lại có thêm một điều hy hữu nữa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đó là trong kho tàng giáo lý Cao Đài, chúng ta thấy có khi thì Đức Phật Thích Ca dạy về Ngũ Chi Đại Đạo (bao gồm Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo); có khi một vị Phật giảng lời Chúa Giêsu trong kinh Thánh. Chẳng hạn như Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, vào ngày 25-12-1973 (Quý Sửu) đã dạy tại Vĩnh Nguyên Tự như sau:

“Này chư hiền đệ, hiền muội! Nhân ngày lễ Giáng Sinh của Đấng Cứu Thế ở phương Tây, Lão tướng cũng nên nhắc lại một lời nào của Chúa Giêsu đã nói để mở đề cho

cuộc đàm đạo hôm nay trong tinh thần Vạn giáo đồng nhất lý.

Khi Đức Chúa Giêsu cùng chư môn đồ giảng đạo trước quần chúng, Chúa dùng lời thí dụ chuyện gieo giống. Các hạt giống được đem gieo, những hạt bị rơi ở mé đường không khỏi bị chim chóc nó nuốt đi. Những hạt rơi trên tảng đá, sống tạm vào chút ít cát bụi mà lên, cũng không khỏi bị úa tàn vì rễ không đâm sâu được. Những hạt rơi vào lùm bụi gai gốc cũng lên, nhưng bị nghẹt vì gai gốc. Còn những hạt rơi vào đất tốt sẽ nảy tược đâm chồi và kết quả.

Môn đồ hỏi Chúa: Thí dụ như thế có ý gì?

Chúa bảo rằng hạt giống là Đạo, Thiên Chúa ban cho, còn những hạt rơi trên mé đường là những kẻ nghe Đạo nhưng ma quỷ sợ họ tin rồi được cứu rồi đi, nên chực rước Đạo ra khỏi lòng họ. Những hạt rơi trên đá là những kẻ nghe Đạo bèn vui mừng nhận lấy, nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi, khi gặp sự cám dỗ thì họ sẽ ngã. Những hạt rơi vào gai gốc là những kẻ nghe Đạo rồi bị sự lo lắng giàu có vui thú của đời sống làm nghẹt đi mà không sanh được trái chín. Còn những hạt rơi vào đất tốt là những kẻ nghe Đạo rồi lấy lòng thành thật lương thiện mà gìn giữ, nhẫn nại mà kết quả.

Chư hiền đệ, hiền muội! Chính hôm nay Lão muốn nói lại lời Chúa Giêsu với chư hiền, vì chư hiền là môn đồ của Chí Tôn Thượng Đế. Chư hiền sẽ lãnh hội và đem nói với

con cái Đức Chí Tôn về ý Đạo ấy. Lão muốn hạt giống Đạo được gieo vào đất tốt để đơm hoa kết quả. Lão muốn mỗi người đều tìm cầu cái Đạo ở bên trong mà đừng tìm cầu ở bên ngoài. Trợ duyên chính đáng rất cần cho người hành giả; trái lại, người hành giả tìm Đạo ở chỗ trợ duyên, Lão e lâm vấp trước đa đoan rồi chùn bước.”

Và rồi chính Đức Giêsu Kitô, trong một lần giảng cơ tại Huần Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, Vĩnh Hội, Sài Gòn) vào ngày lễ Giáng Sinh 25-12-1966 (Bính Ngọ) đã có một bài giảng độc đáo về quê Thiên Hỏa Đồng Nhơn trong Kinh Dịch của Nho Giáo:

“Ta chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Ngày này khắp trên mặt địa cầu đều để lòng ghi nhớ ơn Ta. Ta sẽ ban nhiều phước lành cho nhơn loại. Nơi đây cũng như khắp trong nền chánh pháp Cao Đài đều dâng lễ mừng Ta. Ta sẽ làm cho nước này, dân này được nhiều an ủi và lành mạnh thêm mãi. Chư Thiên ân an tọa.”

Chúa đã nêu lên tình trạng bi đát của thế giới nhân loại ngày nay:

“Này chư hướng đạo ôi! Khắp trên hoàn cầu, nơi nào cũng bị họa đời giày xéo, người người đương rên rỉ, làm than, phập phồng lo sợ từ giờ từ phút, chưa biết ma tử thần đến lúc nào.

Ôi! Cảnh đời quá điêu linh, điên đảo! Nước nước tranh giành mà đưa đến cho con người một cuộc máu xương

khói lửa ngút trời. Khổ vì xác thịt, vì ăn vì mặc, vì lợi vì danh, vì chỗ đứng nơi ngồi, vì màu da sắc tóc, loài người xô đẩy nhau. Chẳng những vậy, mà còn phe phái, xu hướng khác nhau, đã gây nên tang tóc cho đời. Thậm chí tôn giáo cũng vì tín ngưỡng không đồng mà xô xát nhau, làm cho tinh thần xáo trộn. Cái họa đời to tát, rồi đây nó sẽ xô nhơn loại vào hố guom đao, vào nơi chiến địa. Nếu Đạo Trời không ra kịp, thì cõi dinh hoàn này chắc chắn sẽ thành tro bụi.”

Đức Thượng Đế khai mở mỗi Đạo Trời để cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa diệt vong và đã ban trao cho dân tộc Việt Nam sứ mạng tiền phong. Chúa dạy rằng một sứ mạng vô cùng trọng đại, một trách nhiệm quá đỗi to tát như thế thì cần phải có sự đồng tâm hiệp lực của rất nhiều người để lấp bằng các hố sâu chia rẽ, xô ngã các thành trì phân ranh màu sắc, tín ngưỡng:

“Đạo Trời lần ba hoằng khai để cứu vãn tình trạng nguy vong của nhơn loại, mà tái lập cuộc thế giới an bình. Thượng Đế chọn đất Việt làm thánh địa, chọn dân Việt làm tiền phong khai Đạo, nói lên những lời thiết tha bằng tình thương lẽ thật và sự sống đời đời.

Cái sứ mạng trọng đại này, cái quyền pháp vinh hạnh này, chư hướng đạo đã chịu ơn Trời, đảm đương công vụ, hầu thay gánh cho Chí Tôn ở dưới cõi này. Làm sao đây?

Đạo lớn lao thì trách nhiệm cũng quá chùng to tát, đâu phải một người làm xong, mà cần hiệp sức nhau, chia sót

nhau, để cùng lo cùng tính. Kẻ trong người ngoài, nơi nào cũng có mặt con người hướng đạo, hầu nói lên cái tôn chỉ dung hòa bình đẳng, hầu mọi người, mọi nơi được nhận định nguồn gốc là Đạo có một không hai, để lấp bằng các hố chia rẽ bất bình, xô đổ những thành trì ngăn ngại phân ranh màu sắc, tín ngưỡng.”

Đức Chúa đã nhắc nhở chúng ta một khía cạnh tâm lý nhân sự hết sức quan trọng trong việc kêu gọi mọi người cùng đồng tâm hiệp lực với mình trong nhiệm vụ cao cả:

“Muốn hiệp nhưt, mà hiệp bằng một cách đơn độc, bắt buộc ai cũng làm, cũng nói, cũng đi một đường, một kiểu như nhau, thì vạn đời chưa chắc kết quả.

Muôn loài vạn vật đều khác nhau. Cá thì ở nước sông. Chim thì ở non ở núi. Bắt cá thả lên rừng, bảo chim vào ở biển, thì làm sao không loạn?

Phương chi hơn tình mỗi người mỗi ý, học hiềm khó khấn, mà muốn biết lòng người, đâu phải không cực tâm nghiên cứu mà thấu suốt tận đáy lòng của thiên hạ. Song lấy mình để xét người. Ai đói cũng muốn ăn, lạnh cũng muốn mặc, nhọc cũng muốn nghỉ, thì mình với người khác chi. Dem mình mà áp dụng vào người, thì ai không theo, ai không đồng.

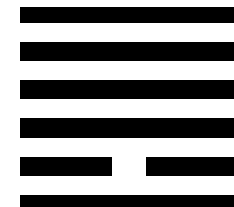
Ngặt phải về một chỗ, phải làm một việc, phải nói một lời thì kẻ nông phu không sao viết ra bài, người học trò làm sao canh tác nổi. Nên việc làm tuy khác nhau, mà

tâm hồn vẫn được như nhau, là điều chung trong lợi người, lợi việc.

Hôm nay, Ta đến để góp một vài ý kiến về việc tương hệ với bạn đồng đức đồng tâm, hầu kết nên tràng [trường] thương yêu mà chung cùng nhiệm vụ.”

Chúa đã giảng một đoạn trong Hệ Từ Dịch Truyện là lời của Đức Khổng Tử giảng giải thêm về quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn, một trong sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch. Chúng ta biết rằng Kinh Dịch được xem là Đạo của người quân tử, bởi lẽ mỗi quẻ trong Kinh Dịch với lời giải của các bậc Thánh Nhân đã dạy cho con người cách hành xử sao cho hợp đạo lý trong từng thời, từng vị, từng hoàn cảnh để được thành công.

Quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn được kết thành từ hai quẻ đơn: trên là quẻ Càn tượng trưng cho Trời tức là Thiên; dưới là quẻ Ly tượng trưng cho lửa tức là Hỏa.



Quẻ gồm sáu hào tính từ dưới lên: hào 1 (hào sơ), hào 2, hào 3, hào 4, hào 5, hào 6 (hào thượng). Hào được vẽ bằng vạch liền là hào dương, gọi là “cửu”. Ví dụ: Hào 1 dương của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn là hào sơ cửu. Hào được vẽ bằng vạch đứt là hào âm, gọi là “lục”. Ví dụ: Hào 2 âm của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn là hào lục nhị.

Quẻ Càn ở trên có hào 5 dương (cửu ngũ) làm chủ. Quẻ Ly ở dưới có hào 2 âm (lục nhị) làm chủ. Cả hai hào

này đều có đức trung chính, ứng với nhau rất tốt đẹp nên gọi là “thượng hạ tương đồng” hay “thượng hạ đồng tâm”. Do đó, Thánh Nhân xưa đặt tên quẻ là “Thiên Hỏa Đồng Nhơn”. Đồng Nhơn có nghĩa là người người cùng chung tâm hòa hợp trong xây dựng và bảo tồn cuộc sống.

Mỗi quẻ trong Kinh Dịch đều có lời bàn của Thánh Văn Vương gọi là Soán Từ. Mỗi hào đều có lời bàn của Thánh Chu Công gọi là Hào Từ. Rồi lại có thêm lời giảng giải của Đức Khổng Tử trong phần “Truyện”.

Đức Chúa dạy:

“Đây là một đoạn trong Hệ Từ Dịch Truyện, Đức Khổng Phu Tử nhấn mạnh về việc đồng tâm, đại đồng của thiên hạ. Ta nên lấy đó để hành đạo, giữ đạo mà xây dựng quyền pháp tương lai, cứu vãn lại nội tình hiện tại.

Hệ Từ viết: ‘Đồng nhơn tiên hào đào nhi hậu tiểu. Tử viết: Quân tử chi đạo, hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ, nhị nhơn đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim. Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan.’

‘Đồng nhơn tiên hào đào nhi hậu tiểu.’ Câu này ở hào ngũ, quẻ Đồng Nhơn. Nói đến đồng nhơn thật rất khó khăn. Song ***thời thế đã đến, thì dầu ai không muốn đồng cũng không được.***”

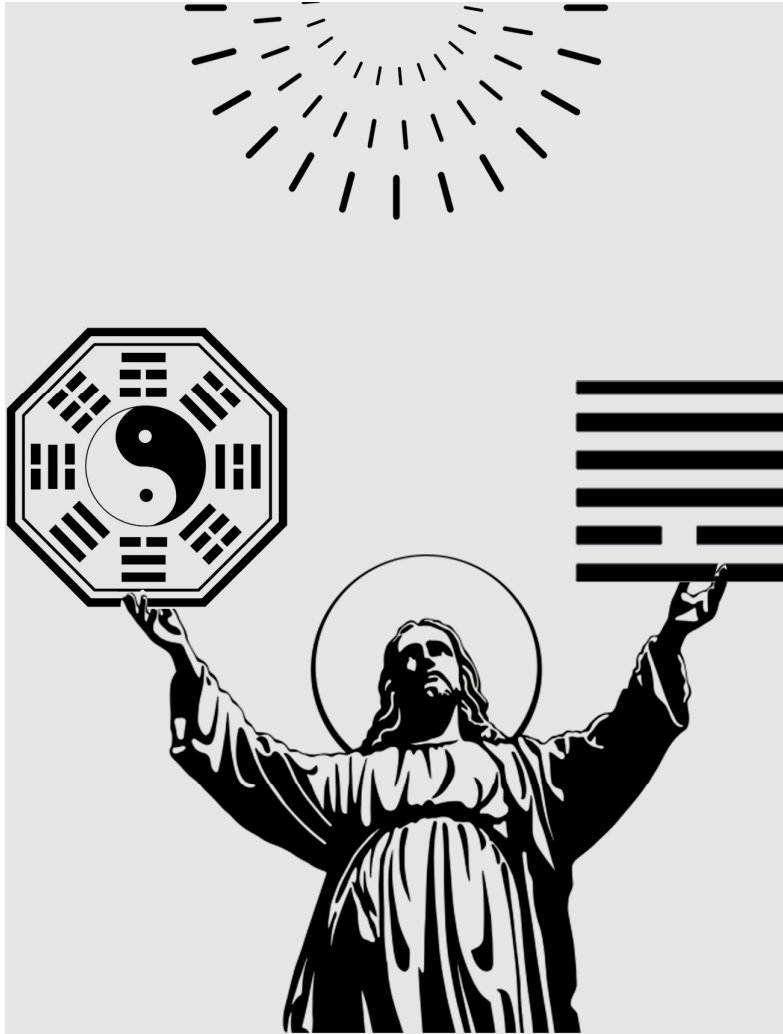
Thật vậy, cơ Trời vận chuyển cho công cuộc xây dựng thế giới đại đồng. Thế nên, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII

đã nói rằng Ngài được Thánh Linh thôi thúc khai mở Công Đồng Vatican II để mời gọi đối thoại liên tôn giáo giữa Công Giáo và các tôn giáo khác trên thế giới. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã ban hành văn kiện chính thức tại Vatican vào ngày 28-10-1965 gọi là “Nostra $\text{\textcircled{E}}$ tate” (có nghĩa là “Trong thời đại chúng ta” mà chúng ta có thể hiểu là thời đại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tinh thần vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên). Nostra $\text{\textcircled{E}}$ tate chính là “Tuyên ngôn về những quan hệ của Giáo Hội với các tôn giáo không phải Kitô Giáo”. Cũng trong năm 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (nay là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) được Đức Thượng Đế thành lập với nhiệm vụ nối liền tình huynh đệ.

“Đồng tâm là người này người kia, tuy không ở chung với nhau, mà tâm sự vẫn đồng như nhau.

‘Tiên’ là trước. ***‘Hào đào’*** là kêu rêu than thở. ***‘Hậu’*** là sau. ***‘Tiểu’*** là cười. Nghĩa là nói đến sự đồng tâm, trước vì sao mà phải kêu rêu than thở? Kêu rêu than thở là vì hai người đồng với nhau, mà chưa ngộ hợp cùng nhau, là vì trung gian có hào cửu tam, cửu tứ ngăn trở, nghĩa là bị người ta phá, bị người ta gièm pha giành giật.

Nhưng lẽ phải cuối cùng cũng được ngộ hợp nhau mà vui cười, sung sướng. Nói đến đồng tâm giữa người này với người kia, mà còn khó như vậy, huống chi khối này khối nọ, làm sao để được?



Qua cơ bút Cao Đài, tại Huờn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, Vĩnh Hội, Sài Gòn) ngày 25-12-1966 Đức Giêsu Kitô tái lâm, dạy về quẻ THIÊN HỎA ĐỒNG NHƠN trong Kinh Dịch.

‘Quân tử chi đạo’ là đạo người quân tử ở chỗ đồng tâm, để mưu toan việc đạo việc đời, mà lo cho nhơn loại. **‘Hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ’** nghĩa là kẻ ra gánh vác việc đời, làm công việc nọ việc kia; kẻ thì ở yên một chỗ, ẩn dật tu hành, kẻ lại im lặng mà làm thình, còn kẻ thì khua chuông giục trống cảnh tỉnh người đời. Tuy **xuất** (ra làm quan) với **xử** (hoặc ẩn dật) khác xa, **ngữ** (nói) với **mặc** (nín) trái hẳn, song cũng đều lo cùng một mục đích như nhau, tuy hoàn cảnh địa vị khác nhau. Nên mới có kẻ ẩn người hiện, kẻ nói người làm thình, vì thời và vị không giống nhau. Song đem đổi hoàn cảnh của người này cho người kia, thì họ cũng làm như nhau không khác.

Đây nói cái đồng tâm, mà cái tích (việc thấy hiện bên ngoài) bất đồng. **Tâm là tinh thần. Tích là hình thức.** Tích mà đồng, tâm không đồng, thì người quân tử không hề làm; mà mặc dầu tích không đồng, tâm đồng, là đạo lợi cho thiên hạ. Nên mỗi người đã đồng tâm rồi, thì chia nhau mà lo, kẻ làm việc nọ, người làm việc kia, ai cũng cùng tận tụy, các tận sở năng của mình. Dầu ở xa ngàn dặm, những việc làm giống nhau như khuôn in rập.

‘Nhị nhơn đồng tâm kỳ lợi đoạn kim’ nghĩa là người này cùng người kia mà đồng tâm nhau rồi, thì núi cũng xô ngã được, biển cũng lấp bằng được. Người người đều cảm mà hóa theo, thì khác nào một đoạn sắt chặt một cái là đứt làm đôi. Sức mạnh của đồng tâm ghê gớm, làm gì lại không được? Dầu cho trời đất cũng vui nghe mà giúp đỡ.

‘Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan’ nghĩa là lời nói của người đồng tâm tuy không ngọt ngào mà ai cũng thích, tuy không nồng nàn mà ai cũng say, cảm đến người đến vật. Lời nói thông thiết chân thành, mùi vị ngọt ngào, dầu sự thơm của hoa lan cũng chỉ đến chừng đó là cùng. Sự đồng tâm tác hợp nhau, để lo xây dựng Đạo Trời.

Đạo Trời cũng mưu tính, cải tạo loài người, tái lập cuộc đời đại đồng thế giới. Mục đích ai là người có trách nhiệm trong nền tân pháp Đại Đạo phải hướng vào đó mà tu sửa, mà mở mang. Song thế giới bước đến đại đồng, trước phải đặt móng đắp nền ở gần, rồi mới đến xa, nghĩa là phải xây dựng đại đồng trong đạo. Người này người nọ lấy thương yêu làm mục đích, lấy lễ thật làm nền tảng, cột chặt lấy dải đồng tâm.

Hãy xét quẻ Đồng Nhơn trong sáu hào.

Hào sơ cửu thì **‘Đồng nhơn vu môn.’** Nghĩa là đại đồng với người. Không phải ở trong nhà mà nói đại đồng, cần phải ra khỏi cửa, để đồng cùng xóm giềng, làng nước, giao du chỗ nọ, chỗ kia, mà kết tình bằng hữu, để cùng nhau chung lấy nhiệm vụ đại đồng.”

Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng bảo rằng trong Thánh Kinh thuở xưa Chúa dạy “**‘**Đi gõ thì cửa sẽ mở”, tuy nhiên ngày nay chúng ta không thể ngồi trong nhà chờ người đến gõ cửa mà cần phải mở cửa bước ra ngoài giao tiếp với nhơn sanh để thực hiện nhiệm vụ cứu độ.

“Đến hào lục nhị, thì **‘Đồng nhơn vu tông’**. Nghĩa là

hào này đồng nhơn là đại đồng với trong tông tộc, phe phái hệ thống của mình mà thôi. Đồng nhơn như thế cũng quá hẹp chặt, chưa đúng với đại đồng, nên người hướng đạo coi hào này mà cần mở rộng phạm vi liên kết với bạn bè ở nhiều tôn giáo, học thuyết rải rác khắp mọi nơi.

Đến hào cửu tam, thì cũng muốn đồng với người, song đồng ấy là giành kéo về mình, làm của riêng cho mình, nên núp ở chốn bụi gò mà rình để giựt lục nhị (hào âm).

Đến hào cửu tứ cũng vậy, song muốn được lục nhị, phải cỡi lên cửu tam, nghĩa là trèo lên thành mà coi động tịnh. Hai hào này ở trong quẻ Đồng Nhơn, mà đồng bằng cách giành giựt, tham lam, thì người hướng đạo của ta không nên bắt chước.

Đến hào cửu ngũ, thì trước phải kêu rêu than thở, sau dùng đến đại binh, mới trừ được trung gian phá hoại, mà hai bên mới hội ngộ hợp nhau, vui cười sung sướng. Ôi! Đồng tâm mà khó như vậy, phải dùng toàn lực đại vũ mới đi lên thành công. Điều đó, nhà đạo chắc không làm, vì chi mạnh cho bằng đạo đức? Nên nói lấy đạo đức làm nền xu hướng, lấy cảm tình làm tướng giục binh. Song cũng nhớ rằng việc làm dầu nhỏ dầu lớn, cũng bị điều trở ngại. Ta phải đề phòng, mà cũng phải gắng công bền chí.

Đến hào thượng cửu, thì **‘Đồng nhơn vu giao’**. Vu là đi. Giao nghĩa là giao du. Giao du ở gần nhà mình, nước mình, thì cũng hẹp chặt. Chỉ có lời Soán Từ là **‘Đồng nhơn vu dã’**, đồng nhơn mà vu dã (ra đồng trống) thiết

rộng lớn mênh mông, không bờ bến. Đâu phải ra khỏi cửa hay ở trong tông phái mình mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.”

Đức Giáo Hoàng Phanxicô phát biểu vào năm 2015: “Đối thoại liên tôn giáo không thể chỉ giới hạn cho một thiểu số, hay cho các lãnh đạo những cộng đồng tôn giáo, mà còn phải mở rộng càng nhiều càng tốt cho tất cả mọi tín hữu, gắn kết các thành phần khác nhau của xã hội dân sự.”

“Vây hôm nay ta cần đặt lại vấn đề, để rồi ngày tới đây đặt mối tương quan, để thành một mối đồng tâm, mà chia lo việc đạo, gánh vác việc đời, hầu đem lại một khối bình đẳng duy nhất, không còn ranh giới rẽ riêng.”

Trước khi kết thúc bài giảng, Đức Chúa đã dặn dò các môn đồ phải gắng công bền chí, kiên nhẫn tiến lên không lùi trước mọi khó khăn trở ngại để hoàn thành sứ mạng xây dựng thế giới đại đồng cho nhân loại.

“Nơi đây gắng công một lần nữa để hoàn thành sứ mạng, mặc dầu đã trải qua nhiều trở ngại, song cuối cùng cũng được kết quả. Lòng đạo đức cứ tiến không lùi, dầu chưa làm xong, sau có người kế tiếp như Ngu Công bạt núi,⁽¹⁾ chim Tinh Vệ lấp biển.⁽²⁾ Được hay không là ở Trời,

⁽¹⁾ Sự tích Ngu Công phá núi được ghi lại trong quyển *Cổ Học Tinh Hoa* của hai tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tỉnh Trai Trần Lê Nhân.

còn bốn phận làm nên cố gắng.

Được học những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong tinh thần Vạn giáo đồng nhất lý như thế, người tín đồ Cao Đài cảm thấy sung sướng vô cùng khi được tắm mình trong bể đại dương lớn rộng của giáo lý Tam Giáo, Tứ Giáo và vạn giáo. Các tôn giáo trên thế gian được ví như các dòng sông. Muôn sông rồi cũng đổ về biển cả. Và khi đã về đến đại dương thì nước chỉ còn một vị mặn

Ngu Công là một ông lão tuổi đã chín mươi, nhà ở chân núi Thái Hàng và Vương Ốc phía nam Châu Kỳ. Ngu Công thấy núi gây chướng ngại cho mọi người trong việc đi lại nên quyết định huy động cả dòng họ phá núi mở đường. Cả nhà ông hợp sức với nhau kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang đồ đất đá ra biển Đông hết ngày này sang tháng khác.

Có một ông Lão tên Trí Tẩu thấy vậy cười Ngu Công và can: “Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!”

Ngu Công thở dài nói: “Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Ta già, ta chết, đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta. Hết đời cháu ta đã có chắt ta. Con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.”

Trí Tẩu nghe nói, nín lặng, không trả lời. Sau này vùng nam Châu Kỳ không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

⁽²⁾ **Tinh Vệ** là tên một giống chim nhỏ mỏ đỏ chân trắng có hình dáng giống con quạ, thường sinh sống ở các vùng duyên hải Viễn Đông, giống chim này chuyên đi gắp những hạt cát nhỏ rồi bay ra biển thả xuống.

thuần nhất, nào có còn phân biệt nước của dòng sông này hay dòng sông khác.

Các bậc Giáo Tổ các tôn giáo thuở xa xưa, ngày nay trở lại thế gian trong Tam Kỳ Phổ Độ để dạy Đạo cho nhơn sanh trong tinh thần Vạn Giáo Nhất Lý; các Ngài nào có ngăn ngại, nào có phân biệt giáo lý của nền tôn giáo do các Ngài sáng lập hay giáo lý các tôn giáo khác. Vậy thì tại sao chúng ta lại ngăn ngại, lại phân biệt? Thế nên, Thiêng Liêng dạy người môn đệ Cao Đài một tinh thần phá chấp tuyệt đối: “*Cao Đài không phải là Cao Đài mới thật là Cao Đài*”; và kêu gọi mọi người hãy: “*Ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,*”⁽³⁾ “*vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.*”⁽⁴⁾

Nếu tất cả tín hữu các tôn giáo đều làm được như vậy, cũng như thực hiện được hai chữ “*đồng tâm*” mà Đức Chúa đã giảng giải qua quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn trong Kinh Dịch, thì chắc chắn rằng thế gian này sẽ không còn những cảnh thù hận rẽ chia, chiến tranh tang tóc, loạn ly đau khổ cùng cực như hiện nay.

*

⁽³⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽⁴⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đền (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

Kinh Thánh đã ghi chép lời Chúa dạy thuở xưa: “*Phúc cho ai không thấy mà tin.*” Thật vậy, quả là hạnh phúc cho tất cả những ai tin rằng Đức Giêsu Kitô đã trở lại trong thời đại chúng ta, dù mắt phàm chúng ta không nhìn thấy hình hài của Chúa bằng xương bằng thịt.

Tuy nhiên, suy cho cùng, trong suốt hơn hai ngàn năm nay, Đức Chúa chưa hề rời khỏi thế gian hay từ bỏ chúng ta. Ngài vẫn luôn hiện hữu và ngự trị trong tâm lành của tất cả những ai biết hướng về Chúa và Ngài vẫn luôn soi dẫn, đồng hành, tiếp sức cho chúng ta trên từng bước đường phụng sự, yêu thương anh em mình theo lời Chúa dạy.

Xưa kia, sau buổi Tiệc Ly, Chúa dạy: “*Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em.*” Vậy, ngày hôm nay và mãi mãi về sau, bất kỳ ai trong chúng ta có được lòng yêu thương chân thật, thì chắc chắn là đang có Chúa ngự ở trong người ấy và người ấy cũng đang ở trong Chúa. Đó cũng là một cách rất cụ thể để chúng ta đón Chúa trở lại với chúng ta.

Xin nguyện cầu Đức Giêsu Kitô ban ơn soi dẫn cho toàn cả nhân loại trên thế gian để mọi người cùng đồng tâm yêu thương nhau hầu xây dựng bình an trên cõi thế.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

DIỆU NGUYỄN

Đối thoại liên tôn

CON THUYỀN TRONG PHÚC ÂM

HUỆ KHẢI

Tôn giáo trong thế gian là phương tiện để cứu độ. Nếu thế gian đã hoàn thiện (là cõi thiên đàng) thì đâu cần tôn giáo nữa. Các Đấng cứu thế từng đến với con người thế gian cũng vì phương tiện, như thầy thuốc đến với bệnh nhân, như thầy giáo đến với người mù chữ, như ngọn đèn thắp lên trong đêm tối... Trong thánh giáo Cao Đài có hai câu thánh thi của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch nói về lẽ phương tiện ấy, khi Ngài giáng cơ tại thánh thất Từ Quang (Quảng Nam), vào Thứ Tư 18-02-1948:

*Có sông mới đóng ra thuyền
Có người tội lỗi mới truyền pháp tu.*

Kinh Phật và Cao Đài ví cuộc đời hay chốn trần gian này là sông mê (*mê hà*), là biển khổ (*khổ hải*). Kinh cúng Tứ Thời Cao Đài có câu: *Biển trần khổ voi voi trời nước...* Chúng sanh do tham dục thúc giục và nghiệp lực lôi kéo mà bị nổi trôi, phiêu dạt, chìm đắm, trầm luân nơi sông mê, nơi biển khổ đó.

Từ hình tượng sông mê, biển khổ mà đưa đến hình ảnh **bến bờ**. Bên này (cõi trần) là bến mê (*mê tân*), bên kia (cõi Tiên, đất Phật) là bờ giác (*giác ngạn*). Con người

tu hành là để đi qua tới bờ bên kia (*đáo bỉ ngạn*). Nhà Phật có pháp môn Lục Độ Ba La Mật, mà Ba La Mật hay Ba La Mật Đa (*Paramita*, tiếng Sanskrit) chính là *đáo bỉ ngạn* (chữ Nho), qua tới bờ bên kia (bờ giác, giải thoát).

Trời Phật, Tiên Thánh, Bồ Tát... đem đạo pháp chánh chơn giáo hóa, chỉ bày cho chúng sanh thoát khỏi trầm luân, tức là cứu vớt chúng sanh khỏi chìm đắm, và đưa tới chỗ giác ngộ. Trong ý nghĩa này, đạo pháp chánh chơn là con thuyền, cũng gọi **thuyền bát nhã**. Tại Trung Hưng Bửu Tòa (ở Đà Nẵng, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), vào Thứ Sáu 26-9-1958, Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy: *Nương thuyền bát nhã thoát mê hà.*

Cũng do hình ảnh con thuyền bát nhã (thuyền đạo pháp) mà đưa đến hình ảnh **người lái đò**. Trời Phật, Tiên Thánh, Bồ Tát... chính là những vị lái đò nhẫn nại, từ vô lượng kiếp luôn luôn không ngơi tay chèo chống để đón khách tục hữu duyên được bước lên thuyền bát nhã. Thế nên đừng lạ lùng khi biết rằng tại Tam Tông Miếu (Minh Lý Thánh Hội, đường Cao Thắng, quận 3, Sài Gòn), vào Thứ Tư 17-12-1969, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng là một vị lái đò trong Tam Kỳ Phổ Độ, khi giáng cơ đã cất tiếng gọi mời chúng sanh hãy đặt chân lên chiếc đò ngang của Ngài:

*Nước biếc sông xanh một chiếc đò
Ai qua bỉ ngạn giúp đưa cho...*

Vâng, ở đây là đò ngang chứ không phải đò dọc. Có là

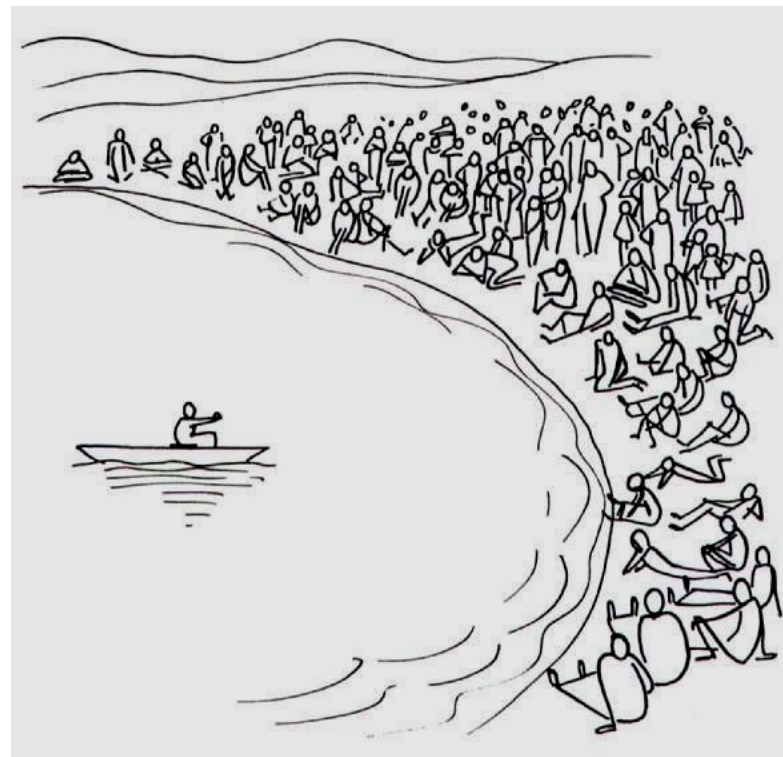
đò ngang thì mới đưa người từ bờ bên này vượt sông nước sang qua bờ bên kia (*bỉ ngạn*).

Trong kho tàng giáo lý ở phương Đông, hình ảnh con thuyền đạo pháp cứu vớt chúng sanh quả là phổ biến và quen thuộc. Nhưng ở phương Tây chẳng hề khác. **Trong Kinh Thánh Tân Ước, con thuyền cũng là một hình ảnh ẩn dụ từng được nhắc tới nhiều lần.** Chẳng hạn những đoạn như sau:

“Một hôm, Đức Giêsu đang đứng ở bờ hồ Ghennêxarét, dân chúng chen lấn nhau đến gần Người để nghe lời Thiên Chúa. Đức Giêsu thấy hai chiếc thuyền đậu dọc bờ hồ, còn những người đánh cá thì đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới. Đức Giêsu xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Simôn, và Người xin ông chèo thuyền ra xa bờ một chút. Rồi Người ngồi xuống, và từ trên thuyền Người giảng dạy đám đông.” (Luca 5:1-3)

“Đức Giêsu lại bắt đầu giảng dạy ở ven Biển Hồ. Một đám người rất đông tụ họp chung quanh Người, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi dưới biển, còn toàn thể đám đông thì ở trên bờ. Người dùng dụ ngôn mà dạy họ nhiều điều.” (Maccô 4:1-2)

“Hôm ấy, Đức Giêsu từ trong nhà đi ra ngồi ở ven Biển Hồ. Dân chúng tụ họp bên Người rất đông, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi, còn tất cả dân chúng thì đứng trên bờ. Người dùng dụ ngôn mà nói với họ nhiều điều.” (Matthêu 13:1-2)



“Đức Giêsu xuống thuyền, các môn đệ đi theo Người.” (Matthêu 8:23)

“Một ngày nọ, Đức Giêsu xuống thuyền với các môn đệ. Người nói: ‘Chúng ta sang bên kia hồ đi!’ Rồi thầy trò ra khơi.” (Luca 8:22)

“Đức Giêsu xuống thuyền, băng qua hồ, trở về thành của mình.” (Matthêu 9:1)

“Sau khi giải tán đám đông, Đức Giêsu lên thuyền,

sang miền Magadan.” (Matthêu 15:39)

“Hôm ấy, khi chiều đến, Đức Giêsu nói với các môn đệ: ‘Chúng ta sang bờ bên kia đi!’ Bỏ đám đông ở lại, các ông chở Người đi, vì **Người đang ở sẵn trên thuyền**; có những thuyền khác cùng theo Người.” (Maccô 4:35-36)

“Khi **Đức Giêsu xuống thuyền**, thì kẻ trước kia đã bị quỷ ám nài xin cho được ở với Người.” (Maccô 5:18)

“**Đức Giêsu xuống thuyền**, lại trở sang bờ bên kia. Một đám rất đông tụ lại quanh Người.” (Maccô 5:21)

“Rồi bỏ họ đó, **Đức Giêsu lại xuống thuyền** qua bờ bên kia.” (Maccô 8:13)

“Bấy giờ đông đảo dân chúng vùng Ghêraxa xin Đức Giêsu rời họ, vì họ sợ quá. Thế nên **Người xuống thuyền trở về**.” (Luca 8:37)

“**Đức Giêsu lên thuyền** với các môn đệ, và gió lặng.” (Maccô 6:51)

“Khi **Đức Giêsu và các môn đệ đã lên thuyền**, thì gió lặng ngay.” (Matthêu 14:32)

“Nghe tin ấy, **Đức Giêsu lánh khỏi nơi đó, đi thuyền** đến một chỗ hoang vắng riêng biệt.” (Matthêu 14:13)

*

Vốn dĩ quen thuộc với ý nghĩa biểu tượng của **con thuyền** (và người chèo con thuyền đó) trong kinh Phật và Cao Đài, nên mỗi khi đọc Phúc Âm, gặp những đoạn

như dẫn trên, chép về việc **Đức Giêsu dùng thuyền, lên thuyền, đi thuyền...** ở biển hồ Galilê, tôi hay liên tưởng đến sự tương đồng nào đó trong mối quan hệ giữa **con thuyền và công cuộc cứu độ**. Bởi vậy, xin nhắc một chuyện cũ vào năm năm trước:

Tại Vatican, Giáo Hoàng Bênêđictô XVI công bố Năm Đức Tin (từ ngày 11-10-2012 đến ngày 24-11-2013); tôi đã rất tâm đắc khi biết rằng biểu tượng của Năm Đức Tin (*Year of Faith*) là một **con thuyền**.



Biển khổ thế gian quá mênh mông, biết bao giờ cạn! Thế nên các Đấng cứu thế vẫn còn phải miệt mài giong con thuyền đạo pháp ra cứu vớt chúng sinh. Phật, Chúa ngày xưa, và Đức Cao Đài ngày nay đều như thế.

Điều đáng suy gẫm là luôn luôn có một số ít chúng sanh chịu bước lên thuyền, và có đông hơn chúng sanh chưa chịu bước lên thuyền. Trong lúc ấy, vẫn có một số chúng sanh nào đó đã bước lên thuyền nhưng rồi nửa chừng đổi ý, bèn bỏ thuyền, bỏ ông lái đò mà lội nước trở ngược vào bờ đất cũ; kinh điển bảo làm như vậy là “bán đờ nhi phế” (nửa đường bỏ đờ).

Nhiều Lộc, 01-8-2017

HUỆ KHẢI

CHA ĐỂ CỦA INTERNET LÀ MỘT LINH MỤC DÒNG TÊN

BẠCH LINH

Ít ai biết được cha đẻ của siêu văn bản [hypertext] và Internet là một linh mục dòng Tên [Jesuit] của Ý, một nhà cải cách và đi tiên phong trong nỗ lực xóa mờ mọi ranh giới giữa nhân văn và máy tính.

Vào năm 1946, khi máy tính chỉ là một vài cỗ máy khổng lồ, tốc độ chậm đến mức không thể nào tưởng tượng được so với tiêu chuẩn ngày nay, và thậm chí ý tưởng về Internet còn chưa đến lúc manh nha, tu sĩ trẻ tuổi Roberto Busa, người Ý, thuộc dòng Tên [S.J., Society of Jesus] đã vạch ra một kế hoạch vĩ đại cho tương lai. Cha muốn sử dụng máy móc và các ngôn ngữ soạn thảo để sắp xếp lại công trình đồ sộ của Thánh Tôma Aquinô, tiến sĩ Hội Thánh thuộc dòng Đaminh [O.P., Order of Preachers] vào thế kỷ 13. Nhờ ông Thomas J. Watson, nhà sáng lập tập đoàn công nghệ IBM [International Business Machines Corporation, Mỹ], vào năm 1949, cha Busa đã có thể bắt tay thực hiện giấc mơ. *Bản Chỉ Mục Thomisticus* [the Index Thomisticus] đã được hoàn tất sau ba mươi năm, và hiện được xem là bước ngoặt to lớn trong lịch sử ngành công nghệ thông tin và máy tính của nhân loại.

Tờ *L'Osservatore Romano* [nhật báo Người Quan Sát

Rôma], từng viết vào năm 2011, khi cha Busa về với Chúa: “Nếu bạn lướt web, đó là nhờ linh mục Busa, nếu bạn sử dụng máy tính để viết email và soạn thảo văn bản, đó là nhờ linh mục Busa. Và nếu bạn có thể đọc được bài báo này qua mạng, đó là nhờ công của cha Busa. Chúng ta đều mắc nợ ngài.” Nghe qua có vẻ khó tin, một phần vì cái tên Roberto Busa ít được công chúng biết đến, và đa số mọi người đều cho rằng cha đẻ của siêu văn bản và internet là hai ông Ted Nelson (Mỹ) và Tim Berners-Lee (Anh). Thế nhưng, linh mục dòng Tên Roberto Busa mới chính là người tạo ra thế giới mạng ngày nay, bằng cách kết nối tin học với chữ viết.

Nhà nghiên cứu không mệt mỏi

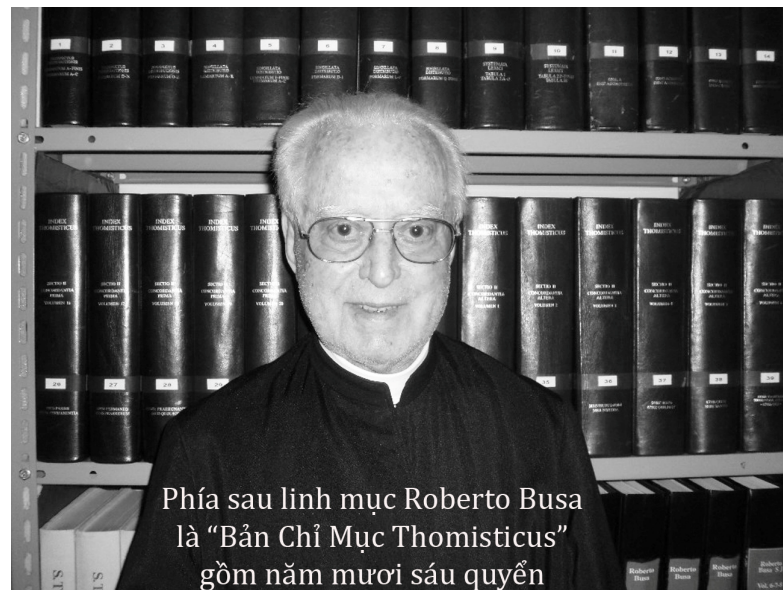
Chào đời vào năm 1913 ở thành phố Vicenza thuộc miền đông bắc Ý, Roberto Busa là con thứ hai trong gia đình gồm năm người con. Vào năm 1928, cậu bé theo học trường dòng Belluno, hoàn tất bậc trung học tại đây và tiếp tục tham gia khóa thần học kéo dài hai năm với Đức Albino Luciani (1912-1978), sau này chính là Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô I [trị vì chỉ ba mươi ba ngày, từ 26-8 đến 28-9-1978]. Đến năm 1933, Busa quyết định gia nhập dòng Tên, lấy bằng triết học năm 1937, thần học năm 1941, và được thụ phong linh mục năm 1940. Đến năm 1946, tại Đại Học Giáo Hoàng Gregoriana [the Pontifical Gregorian University] ở Rôma, linh mục Busa nộp luận án tiến sĩ thần học với đề tài “*The Thomistic Terminology of Interiority*” về các công

trình của Thánh Tôma Aquinô. Sau đó, cha là giáo sư về thần học, bản thể luận và phương pháp luận khoa học, và từng làm thủ thư của khoa triết học trong vài năm ở thành phố Gallarate, miền bắc Ý.

Trong lúc thực hiện luận án tiến sĩ về Thánh Tôma Aquinô, linh mục trẻ Busa của dòng Tên đã đối mặt với thách thức khó vượt qua: phục hồi nguyên trạng của từ (tức tập hợp những hình thái khác nhau của một từ để có thể quy về gốc ban đầu). Vào thời điểm bảo vệ luận án, cha đã lên kế hoạch xây dựng *Bản Chỉ Mục Thomisticus*, là một công cụ thực hiện các công tác tìm kiếm văn bản trong kho tàng kiến thức khổng lồ do Thánh Tôma Aquinô để lại. Ba năm sau, tức vào năm 1949, linh mục Busa đã có dịp hội ngộ doanh nhân Thomas J. Watson, và bằng cách nào đó đã thuyết phục được chủ tịch tập đoàn IBM tài trợ cho dự án Bản Chỉ Mục Thomisticus. Đó chính là lúc khởi đầu cho một sự hợp tác dài hạn và kết quả mỹ mãn với IBM ở Mỹ.

Khởi đầu cho kỷ nguyên kỹ thuật số

Mục tiêu của vị linh mục dòng Tên là sử dụng các quy trình thuật toán về phân tích ngôn ngữ học nhằm tạo ra một bản chỉ mục gồm 1,5 triệu dòng (với 9 triệu chữ Latinh thời trung cổ) của toàn bộ các tác phẩm trong đời Thánh Tôma Aquinô. Vào thời điểm đó, không ai có thể nghĩ rằng những cỗ máy được thiết kế để tính toán con số có thể được sử dụng cho công cuộc nghiên cứu chữ



Linh mục Roberto Busa trình bày dự án trước lãnh đạo tập đoàn IBM.



viết và đề mục ngôn ngữ học. Sự hợp tác giữa Thomas J Watson và cha Busa đã khai mở một kỷ nguyên mới về nghiên cứu khoa học nhân văn. nỗ lực lao động suốt ba thập niên cuối cùng đã mang lại thành quả như mong đợi. Vào thập niên 1970, bản chỉ mục với tổng cộng năm mươi sáu quyển sách in đã hoàn thành. Đến năm 1989, phiên bản CD-ROM đã ra đời, và vào năm 2005, phiên bản web đã ra mắt dưới sự bảo trợ của tổ chức Fundación Tomás de Aquino [*Quỹ Tôma Aquinô*] và CIEL.

Cha Busa được mệnh danh là một nhà cải cách, phá vỡ ranh giới giữa nhân loại học [*nhân học, nhân chủng học, anthropology*] và công nghệ thông tin, cũng như giữa mọi quy tắc ứng xử, văn hóa, ngôn ngữ và vượt ngoài biên giới địa lý của các quốc gia. Là một nhà thần học, ngài đã phát hiện được “linh hồn của cỗ máy”, buộc máy móc phải phản ánh lịch sử và những phát minh của loài người. Di sản của cha Busa vẫn tiếp tục tồn tại đến ngày nay. Có thể kể đến dự án “Culturomics”, theo đó các nhà nghiên cứu sử dụng dữ liệu gồm 500 tỷ từ, trích xuất từ các đầu sách đã được Google kỹ thuật số hóa để phân tích tần suất xuất hiện của từ ngữ trong giai đoạn từ năm 1500-2008, và rõ ràng đây là dự án nhận sự ảnh hưởng sâu rộng từ công trình tiên phong của cha Busa. Cứ mỗi ba năm, Liên Minh Các Tổ Chức Khoa Học Nhân Văn Kỹ Thuật Số [*ADHO: the Alliance of Digital Humanities Organisations*] lại trao giải Busa để công

nhận những thành tựu nổi bật được một cá nhân theo đuổi cả đời trong lĩnh vực ứng dụng thông tin và công nghệ liên lạc nhằm mục đích nghiên cứu phục vụ con người. [Năm 1998, giải thưởng Busa đầu tiên được trao tặng cho chính linh mục Roberto Busa.]

Chính vì thái độ cam kết luôn hướng đến sự đổi mới và xóa mờ các ranh giới, cha Busa là hình mẫu hoàn hảo cho giới nghiên cứu và học giả mọi thời đại.

BẠCH LINH

Theo tuần báo *Công Giáo Và Dân Tộc*,
số 2020, 25-8-2017

ĐÍNH CHÍNH

Về tập thơ **MỎNG CÁNH CHUỒN CHUỒN** (quyển 104.1 trong *Tủ Sách Văn Học Cao Đài*), xin quý đạo hữu vui lòng sửa lại giúp, theo các từ **in đậm** như sau:

tr. 17, d. 8: Gió **lùa** man mác qua bia đá

tr. 17, d. 12: Ai qua bờ **giác**, ai còn lại

tr. 22, d. 8: Nên chuông thánh thất Hưng **Đông** báo

tr. 26, d. 4: Lòng **đau** rỉ máu ngôn từ

tr. 65, d. 4: Lặng **ngắm** rừng thu vàng sắc thắm

tr. 77, d. 2: **Muối** đưa nhắc nhở lời nguyện ba sinh

tr. 79, d. 9: Gió **hát** nhẹ lời ru tà áo trắng

tr. 86, d. 12: **Hãy** tụng tâm kinh Thầy Mẹ mong.

Ban Ấn Tổng thành thật tạ lỗi với quý đạo hữu và bạn thơ Trần Dĩ Sơn.

THIỆN QUANG: MỘT GÓC NHÌN KHÁC

Tối Thứ Bảy 22-7-2017, đêm thơ nhạc “Nhớ Thiện Quang” được tổ chức tại thánh thất Từ Vân (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), số 100 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, TpHCM. Các thành viên Ban Nhạc Đạo (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) và một số tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại TpHCM đã lần lượt hợp xướng, đơn ca, diễn ngâm, v.v... rất hay các nhạc phẩm, bản vọng cổ, và hai bài thơ do Thiện Quang (1965-2016) sáng tác. Trong khoảng ba tiếng đồng hồ, hai đạo hữu Cao Hoài Nhân (thánh thất Trung Minh) và Bảo Trân (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) đã cùng dẫn chương trình một cách “ngọt sớt”. Ngoài ra, âm thanh, ánh sáng, sân khấu bài trí đơn giản mà thanh nhã và ý nghĩa... – tất cả đã hòa hài để cùng góp phần mang đến thành công tốt đẹp cho đêm “Nhớ Thiện Quang”.

Xen kẽ trong đêm thơ nhạc là một vài cảm nghĩ, hồi ức của một số người từng gần gũi, thương yêu Thiện Quang. Đặc biệt, tiến sĩ Võ Quốc Phong, giảng dạy tại trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên TpHCM, đã bày tỏ những tâm tình của ông – một người vừa là học trò và cũng là đồng nghiệp – đối với tiến sĩ, nhà giáo Võ

Thành Văn (tức Thiện Quang). Sau đây, Văn Uyển hân hạnh chia sẻ cùng quý đạo hữu phần tâm tình của thầy giáo Võ Quốc Phong, để chúng ta có thêm một góc nhìn khác về Thiện Quang – người bạn hiền tài hoa, đạo hạnh mà hình bóng, giọng nói bấy lâu thân quen chừ đã xa vắng.



Tiến sĩ Võ Quốc Phong (x) bày tỏ tâm tình đối với thầy ông: tiến sĩ Võ Thành Văn (Thiện Quang). Ảnh: Trần Phúc Thịnh

Thầy giáo **Võ Quốc Phong** nói:

Tôi là người chấp chững đi theo Thầy ở bộ môn Vật Lý Lý Thuyết, từ khi Thầy mới về Trường (tôi còn là sinh viên năm thứ ba), đến khi Thầy mất. Tôi được Thầy

hướng dẫn, truyền thụ từ khi còn là sinh viên đến khi tốt nghiệp nghiên cứu sinh.

Tôi là người may mắn được Thầy khai môn.

Một chữ cũng là Thầy.

Nửa chữ cũng là Thầy.

Nhưng với tôi, tôi linh cảm rằng tôi có duyên với Thầy. Duyên ấy như hồng ân chan rưới cho tôi. Đến tận giờ, tôi vẫn thấy hân hoan và đầy thôi thúc.

Thầy tôi – tiến sĩ Võ Thành Văn (Thiện Quang) – mang trong tâm nhiệt huyết và chân thành trong nghiên cứu khoa học, trong truyền thụ tri thức và khai sáng. Thầy về Bộ Môn vào những năm 2007, đã tạo nên một sinh khí mới cho Bộ Môn với các nét giảng bằng phấn, chi tiết và đầy tâm huyết. Với Thầy, tôi thấy được sự tận tụy từ trái tim, bởi một tình yêu tri thức và tình người sâu sắc.

Publilius Syrus: “Tôi thường hối tiếc vì những gì mình nói, chứ không bao giờ vì sự im lặng của mình.” Thầy tôi tuyệt nhiên là người đúng với câu nói ấy, và có lần Thầy bộc bạch: “Tôi giao tiếp và hay ít nói.” Giáo sư, tiến sĩ Hoàng Ngọc Long bảo: “[Võ Thành] Văn sẽ không nói hay viết gì đâu nếu chưa đọc qua.” Bởi vì Thầy rất kỹ tính và trân trọng ngôn từ. Nhưng sự thật thì sau bề ngoài chất phác là trái tim biết nói, là một ngọn lửa thấp sáng bao thế hệ sinh viên.

“Quý hồ tinh bất quý hồ đa” là một trong những

phương châm làm việc của Thầy. Hãy làm một việc chân thành, từ tâm khảm nhiệt huyết hơn là làm qua loa nhiều việc, đấy là đức tính trân quý mà người học trò nhỏ bé như tôi học được từ Thầy.

Tu giải thoát bằng cách sống đại đồng.

Sống đại đồng bằng cách tu giải thoát.

Đấy là điều nhất-nhất, kết nối thống nhất từ khối óc, trái tim đến hành động dâng hiến của Thầy. Thầy không che giấu phẩm hạnh của người tu hành, nhưng không nói sáo rỗng về chí nguyện cống hiến cho Đạo và cho nghề với mọi người. Sau này mọi người mới rõ Thầy đã lập nguyện nhất-nhất theo Đạo. Đấy là đức hạnh cao quý của hiền nhân đáng kính.

Thầy cũng mặc nhiên sống đại đồng, bởi tôi cảm nhận điều ấy diễn ra tự nhiên trong Thầy. Thầy rất hòa nhã và mọi đồng nghiệp đều cảm mến Thầy. Ngay cả những người làm việc ở Phòng Đào Tạo cũng rất mến tính cách hiền hậu, chân thành của Thầy. “Nhìn Thầy rất hiền và đúng là người có đi tu.” Một nghiên cứu sinh từng gặp Thầy đã nói vậy. Thầy ra đi, để lại trong họ sự tiếc nuối và kính nhớ.

“Sự yên tĩnh và sự hòa bình là hai điều Thầy [Đức Chí Tôn] dụng mà gieo mối Đạo.” Thật sự, hai điều ấy thấp thoáng trong bài giảng của thầy Văn, rõ ràng, trong sáng tinh khôi cho đến hài hòa tuyệt diệu. “Đó là những giờ giảng rõ ràng và hay hơn những giờ lên lớp khác.” Lời

của một vài học viên cao học tôi biết.

Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên: “Sự tiến bộ là phải làm thế nào cho con người của xã hội hoàn hảo một cách tự nhiên.” Đấy đúng là phong cách Thầy truyền tải nhiều thông tin qua giảng dạy mà không cần nói nhiều; cho sinh viên thấy tính trung thực mặc nhiên, tính rõ ràng, kỹ lưỡng dẫn đến hoàn hảo... Từ đó mọi nét đẹp chân nguyên được hiện ra.

Phó giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Quốc Khánh nói: “Hình như sau này chỉ thấy học trò của Văn là giỏi.” Với nhiều thế hệ sinh viên, Thầy là người thầy mẫu mực và hòa nhã, mang phẩm hạnh cao quý. Thầy là người đầu tiên đưa lĩnh vực Vũ Trụ Học (Cosmology) về bộ môn Vật Lý Lý Thuyết của Trường, và đã đào tạo ra hàng loạt sinh viên và học viên mà sau này vẫn còn một số người đi theo nghiên cứu ở Việt Nam và cả ở nước ngoài.

Thầy là ngọn đuốc khai sáng cho sinh viên. Qua những điều Thầy để lại, Thầy còn sống mãi trong lòng các học trò Thầy.

VÕ QUỐC PHONG

Đại Đạo Văn Uyển tập Lợi (số 19), quý Ba 2016 (tr. 21-66), đã dành 26 trang “Thương Nhớ Thiện Quang”, gồm thơ, nhạc, tản văn, hình ảnh. Xem bản điện tử tại:

<http://daidaovanuyen.blogspot.com/2016/09/vu-19-nien-bieu-thien-quang-vo-thanh.html>

MAY DUYÊN TA CÓ CHIẾC CẦU

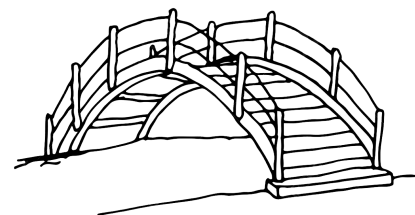
Ta đã đi qua những chiếc cầu
Những vùng cát rộng, nước nông sâu
Bao mùa nắng cháy, bao mùa lũ
Đã không còn thấp thỏm lo âu

Thành thị, thôn quê những chiếc cầu
Vùng cao, vùng thấp có xa đâu
Đâu còn cách trở bao sông núi
Tình nghĩa đó đây chẳng nhạt màu

Ta đã duyên may có chiếc cầu
Lộ trình xa hồ thẳm vực sâu
Nẻo về đã rõ, đâu tìm nữa
Nhịp bước đồng hành ta có nhau

Lữ thứ đang trên một chiếc cầu
Một lòng một dạ bước qua mau
Quên rồi năm tháng quanh cùng quẩn
Thẳng hướng bờ kia ánh nhiệm màu.

ĐỒ THỊ KẾT



CHỈ TẠI DA ĐEN

TRẦN DÃ SƠN

Tôi sinh ra và lớn lên nơi xóm nhỏ bên dòng sông Trường Giang, xóm lẻ loi chỉ vón vện bảy gia đình. Phía trước là sông nước mặn, mùa nắng nhấm tê cả lưỡi, có hôm trong bờ cạn ra 5-7 thước, bày cả chỗ cao rong rêu mới mọc phơn phớt một màu xanh. Nhưng đến mùa mưa nước lũ tràn về, ngập lụt cả cánh đồng. Gặp cơn dông bão dòng sông trở nên hung dữ, chỉ chờ nhận chìm những ghe thuyền nào lỡ đi qua.

Tất nhiên người của xóm tôi phải dọn vào những nơi cao hơn để xin ở đậu, và tôi lại có dịp nghe mẹ tôi than thở: “Cái xóm mồ côi!”

Vâng, tuổi thơ của tôi là hai mùa mưa nắng. Ngoài việc cấp vở đến trường còn lại một buổi chăn trâu. Không có trưa nào chịu ngủ, một mình đuổi bướm bắt ve hoặc cùng lũ bạn chơi đùa nô giỡn. Cả mùa khô hễ thấy nóng là cởi quần áo ra sông bơi lội, ngày tắm cả mấy lần. Chỉ tội là không có nước ngọt để giội lại nên suốt ngày người cứ rịn rít, nhưng biết làm sao!

Muốn có nước ăn uống hoặc ba mẹ, hoặc anh chị tôi phải vào xóm để gánh. Có khi chèo thuyền qua bờ bên kia sông để chở, gọi là qua biển nhưng thực ra biển và sông cách nhau bởi một vùng cát vàng chạy dọc theo dòng Trường Giang, có chỗ rộng trên cây số, có chỗ hẹp

hơn nhiều. Dải cát vàng này tiếng địa phương gọi là “nồng biển”. Tất nhiên “nồng” rất cao mới ngăn nước biển tràn vào sông.

Khi xong bậc tiểu học tôi thi vào đệ thất (lớp sáu) công lập nhưng không đậu đành phải vào Tam Kỳ học tư. Hồi đó ngoài trường công ra Tam Kỳ còn có ba trường tư là trường Bồ Đề của Phật Giáo, Đức Trí của Thiên Chúa Giáo, và Hưng Đạo của Cao Đài. Tôi học trường Hưng Đạo vì bạn bè cùng thôn đều vào đây, vả lại tôi có bà con ở Vườn Lài, nơi này cách sau trường không xa, tiện cho tôi ở trọ và đi học.

Khi lên đệ lục (lớp bảy) thì tôi có cảm tình nhiều với nhà trường. Ngoài việc học văn với thầy Trương Sư Xuyên, tôi theo lớp giáo lý do thầy phụ trách. Tôi được thầy thương vì là người chưa theo đạo lại đi học đều. Chỉ tiếc lớp giáo lý này phải nghỉ sớm vì về sau không còn ai theo học nữa.

Nhiều khi nhà trường tổ chức cho học sinh trong đạo cắm trại, hoặc giao lưu với các trường của tôn giáo bạn, hay đi làm việc từ thiện như giúp đỡ nạn nhân chiến tranh, cứu trợ đồng bào gặp lũ lụt, hỏa hoạn... Nhìn bạn bè bạn đồng phục thanh niên Hưng Đạo Đoàn lúc sinh hoạt tôi thèm lắm. Ước chi tôi cũng là người theo đạo nhĩ.

Đã có lúc tôi muốn nhập môn nhưng như tôi đã nói ở trên, tôi sống với nước mặn sông Trường nên da đen

sạm. Nhất là mùa gió bắc về da chân mốc cọt, lấy tay gãi vào cẳng chân từng đường trắng trắng nổi lên, xấu hổ không biết trốn vào đâu. Nếu vào đạo phải sinh hoạt với đoàn thể, bận quần áo ngắn đi chung với các bạn gái, nghĩ tới đó tôi đã ớn lạnh rồi. Chỉ tại nước da khốn khổ này mà tôi trở làm tín đồ của đạo những mười tám năm. Nghĩa là phải tới năm 1982 gặp dịp may Giáo Hữu Ngọc Dinh Thanh từ Hội Thánh vào thăm bốn đạo tôi mới được nhập môn.

Mười tám năm vật đổi sao dời – nhưng cũng còn ơn Thầy Mẹ chở che – nếu không, suốt đời tôi mãi lặn mò trong bóng tối. Cũng chỉ tại nước da đáng ghét!

Nhưng nghĩ kỹ thì cũng tại mình, đâu phải tại da. Trên đời này thiếu gì những kẻ da đen, họ vẫn vào đạo, vẫn tu hành tốt đấy thôi. Mục sư Martin Luther King (1929-1968) suốt đời phụng sự Chúa, đã nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1964, ngài cũng là người da màu đấy thôi.

Mong là các bạn trẻ đừng vì một trở lực nào đó mà chậm chân bước vào cửa đạo như tôi khi xưa.

TRẦN DÃ SƠN

Phước An, 02-5-2017

ĐÍNH CHÍNH: Trang 17, *Ái Hoa Không Còn Nữa* (quyển 109.1 trong *Tủ Sách Văn Học Đại Đạo*), xin quý đạo hữu vui lòng sửa lại giúp: **Erich Kästner** (1899-1974). Ban Ấn Tổng thành thật tạ lỗi.

MÙI HẠNH PHÚC

Quý tặng chị Nữ

Đnh đi	Bước chân, giọng nói,
Đã mấy năm rồi	bàn tay
Nếp nhà vẫn vậy, như hồi	Vỗ về chị
Đnh chưa...	Những tháng ngày
Bàn trà	gian lao
Bậu cửa hoa đưa	Vẫn còn đây
Chị hằng chăm chút	Mọi ngọt ngào
Cho vừa nhớ thương	Nhưng mùi hạnh phúc
Từ anh với những	Lẽ nào trôi xa?
lệ thường	Chị cầm ngày cũ phơi pha
Bữa ăn, giấc ngủ...	Bóng chiều gắn mắt
Còn vương vấn đây	Lệ nhòa hương yêu.

SÓNG NHỚ

Đò ơi!
chậm chậm sang bờ
để con sóng gợn
nhẹ thơ thần chiều.
Nắng ơi!
dừng rót cô liêu
nhuộm câu hò hẹn
tím chiều ngày qua.

Người đi
người đã đi xa
với sông
tôi cũng chỉ là gió thổi.
Vói tay khóa sóng
để rồi
gặp xa xăm ngoài
bồi hồi
gọi tên.

VÕ VĂN PHO

CHUYỆN CỦA LUẬT

LÊ ANH MINH

Mấy năm nay, do thường xuyên trao đổi sách vở trên mạng, tôi tình cờ quen một thanh niên đặc biệt: Nguyễn Ngọc Luật. Luật còn trẻ lắm, độc thân, mới hai mươi chín tuổi, non nửa tuổi tôi, nhà cũng gần nhà tôi. Sau này khi đã thân, Luật mới kể chuyện riêng của mình.

Sau khi tốt nghiệp Đại Học Xây Dựng, Luật xin làm một công việc liên quan nhà đất. Do công việc đặc thù, sáng sớm là ra khỏi nhà, chiều tối mới về. Giờ làm việc là giờ hành chính, mà giao dịch thì thường xuyên ở nhà hàng, bởi vậy về tới nhà là men say đã ngấm sâu. Cả nhà đều lo lắng. Một hôm anh ruột của Luật từ phương xa trở về thăm nhà ít ngày, thấy em như vậy thì nản, nhưng không nói gì. Buổi sáng ngày hôm người anh rời đi thì Luật còn ngủ. Lúc thức dậy, Luật thấy trên bàn có một lá thư do người anh viết rất tình cảm, khuyên đọc sách, và giới thiệu vài nhan đề sách. Luật khóc, và lần dò vào mạng Internet tìm kiếm những cuốn sách mà người anh giới thiệu, trong đó có cuốn *Tự Học – Một Nhu Cầu Thời Đại* của Nguyễn Hiến Lê.

Do tìm kiếm sách trên Internet mà Luật quen tôi. Tôi cho Luật xem một số sách có bút tích của cụ Lê mà tôi còn gìn giữ. Trong đó có cuốn *Đại Cương Triết Học Trung Quốc* của cụ Lê viết chung với cụ Giản Chi (nhà



Tháp cụ Nguyễn Hiến Lê và cụ bà Nguyễn Thị Liệp (pháp danh Thích Nữ Huệ Đức) tại chùa Phước Ân, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

xuất bản Cảo Thơm, Sài Gòn 1965), bản ghi số 02GN trong số bốn mươi tám bản đặc biệt giấy ngà, có lời cụ Lê đề tặng hai anh em tôi. Tôi kể Luật nghe những kỷ niệm nhỏ của anh em tôi với cụ Lê. Luật rất hào hứng, vì Luật đã ngưỡng mộ cụ Lê từ khi đọc cuốn *Tự Học – Một Nhu Cầu Thời Đại*.

Cuốn sách *Tự Học...* gieo ảnh hưởng rất lớn đối với Luật. Nhận thấy kiến thức hồi học phổ thông và đại học vẫn chưa đủ, Luật tự xây dựng một chương trình tự học qua sách. Rồi Luật đi săn lùng tất cả sách do cụ Lê viết hay dịch, trong một thời gian mà tìm gần đủ hết.

Lá thư của người anh ruột để lại trước lúc xa nhà cùng với cuốn sách *Tự Học...* của cụ Lê đưa tới một bước ngoặt lớn: Luật lập tức từ bỏ công việc liên quan nhà đất, trở về phụ giúp gia đình sản xuất thực phẩm. Sau đó ít lâu, cha mẹ già bệnh thì Luật là cột trụ gia đình. Thời gian rảnh, Luật ghé nhà tôi hỏi han về sách vở. Tôi chỉ dẫn Luật những sách cần đọc, và phương pháp tự học ngoại ngữ, nhất là Hán ngữ. Luật say mê tụng niệm bộ *Tân Quốc Văn* do giáo sĩ H. Lamasse (Hương Cảng 1941) dịch ra tiếng Pháp, vừa luyện Hán ngữ vừa luyện tiếng Pháp.

Điều cảm động là nhiều năm nay, năm nào cũng vậy, khoảng sau ngày đưa ông Táo, Luật lại cưỡi Honda từ Sài Gòn đi xuống Đồng Tháp, đến ngôi chùa Phước Ân ở rạch Cai Bường, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, để thắp

hương cụ Nguyễn Hiến Lê và cụ bà Nguyễn Thị Liệp (pháp danh Thích Nữ Huệ Đức). Tôi thầm nghĩ, nơi cõi vĩnh hằng, chắc cụ Lê cũng vui mừng vì những trứ tác và dịch thuật của cụ đã chuyển hóa được thêm một thanh niên nữa, từ chỗ mất phương hướng đến chỗ tìm lại chính mình, trở thành người hiếu học và hiếu thảo, một mình gánh vác trọng trách gia đình, vừa lo sinh kế vừa phụng dưỡng cha mẹ già yếu, bệnh tật.

LÊ ANH MINH

25-6-2017

TỰ HỌC – MỘT NHU CẦU CỦA THỜI ĐẠI

1. Tôi vừa mua lại được một bản cũ cuốn *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại* của Nguyễn Hiến Lê trong một hiệu sách cũ. Tôi thích bản cũ hơn là để có dịp nhớ lại một kỷ niệm. Thuở đó, tôi mua được sách này trong một hiệu sách nhỏ ở tỉnh, do nhà xuất bản Thanh Tân tái bản năm 1968 sau khi đã được tác giả sửa chữa bổ sung từ quyển *Tự Học Để Thành Công* xuất bản lần thứ nhất năm 1954. Ngày đó, mang sách về tới nhà, cầm quyển sách trên tay lật lật qua từng trang, mùi mực mới lẫn với mùi giấy bốc lên tạo nên một cảm giác vừa rạng rỡ vừa lâng lâng khó tả, thấy thế giới như sắp được mở rộng ra hơn trong tầm mắt.

Phải nhận rằng cụ Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) quả là một người có tiên kiến, đã thấy được rất sớm tầm quan trọng của việc tự học và gọi đó là một nhu cầu của thời đại. Bản thân cụ cũng là một người thành công đặc xuất hầu như hoàn toàn nhờ tự học, tiếp nối những người của thế hệ trước như Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim..., vì 120 tác phẩm cụ để lại cho đời thuộc đủ mọi đề tài không có công trình nào liên quan đến ngành Công Chánh là ngành mà cụ đã được học chính thức trong trường lớp cả. Đến nay tôi vẫn lấy làm lạ tự hỏi vì sao một lãnh vực quan trọng như việc tự học mà trong vòng gần năm mươi năm cũng mới có một quyển sách của cụ Lê, chẳng trách gì học sinh, sinh viên ngày nay rất ít có tinh thần tự học, tự nghiên cứu; ngay cả ở các trường sư phạm người ta cũng chỉ đọc bài cho sinh viên chép rồi về nhà chủ yếu học thuộc lòng để đi thi, hầu như không còn thì giờ, sức khỏe đâu để đọc thêm được năm, mười quyển sách trong một năm học trầy da tróc vảy mà kết quả rất yếu về thực chất.

Lối học như vừa nêu trên thực rất trái với tinh thần tự học do cụ Nguyễn Hiến Lê đã đề xướng gần nửa thế kỷ trước, bằng cách đem những điều mình sở đắc viết thành sách hướng dẫn để truyền lại cho các thế hệ trẻ hơn. Đầu quyển sách, nơi trang bìa giả, tác giả đã nhắc, qua một câu dẫn của Carlyle, *"mỗi người phải là một vị giáo sư cho chính mình"*. Trong bài *Tự ở đầu sách*, tác giả kể lại khoảng thời gian khi mới ra trường, khờ khạo

không biết cách tự học vì không có ai hướng dẫn, bạ đâu đọc đó, tuy cũng hữu ích theo kiểu "mưa lâu thấm đất" nhưng kết quả không cao và mất nhiều thời giờ vô ích, vì vậy mới nghĩ đến tình cảnh tương tự của những người khác: *"Chúng tôi tự xét học còn ít lắm, nhưng nghĩ ai cũng có bốn phận đem những học hỏi, kinh nghiệm của mình giúp người khác, nên soạn cuốn này để các bạn thanh niên mới ở trường ra đời phải bỏ ngõ trong những bước đầu trên con đường tự học."*

Theo tác giả, *"tự học là không ai bắt buộc mà tự mình tìm tòi, học hỏi để hiểu biết thêm. Có thầy hay không, ta không cần biết; người tự học hoàn toàn làm chủ mình, muốn học môn nào tùy ý, muốn học lúc nào cũng được: đó mới là điều kiện quan trọng."* (tr. 12)

Trong Chương I, tác giả đã phân tích và nêu nhiều dẫn chứng để chứng minh cho người đọc thấy tự học là một nhu cầu tự nhiên, là một sự cần thiết để bổ khuyết nền giáo dục trong nhà trường và có tự học thêm mới làm trọn được nhiệm vụ: Trong gia đình ta có bốn phận nuôi dạy con cái, chăm sóc sức khỏe cho mọi người; trong xã hội ta phải giao thiệp với mọi hạng người, phải biết ăn nói, biết dò xét tâm lý, chỉ huy, tổ chức; rồi nhiệm vụ công dân ở thời đại này nữa, mới nặng nhọc làm sao, không thể trông cậy vào sự học ở nhà trường để làm trọn nó được. Tự học còn là một nhu cầu của thời đại, vì trước hết, theo tác giả, người ta thấy trong mọi ngành, tri thức của loài người tăng tiến rất mau; rồi người ta

nghiệm lại rằng trong mọi ngành hoạt động, một nhân viên trong bất kỳ một cấp bậc nào, càng hiểu biết rộng bao nhiêu thì làm việc càng đắc lực bấy nhiêu. Tự học còn là một thú vui thanh nhã, vì nó nâng cao tâm hồn ta lên, *“ta thấy như tự bắc được một cái cầu giữa tâm hồn ta và tâm hồn của các danh nhân trong muôn thuở..., hiểu thêm được những cái đẹp trong vũ trụ..., thấy khả năng của ta tăng tiến và ta giúp đời được nhiều hơn trước...”* (tr. 29-30). Tự học còn đem lại những lợi ích thiết thực, *“tuy không đủ để làm giàu, nhưng tự học là một cách lương thiện và chắc chắn để kiếm tiền và tăng lợi tức của ta lên.”* (tr. 31)

Ở các chương kế tiếp, tác giả khẳng định rằng ai cũng thể tự học được, dù chỉ mới biết đọc biết viết, như trường hợp của hai tổng thống Mỹ Abraham Lincoln và George Washington. Rồi tác giả chỉ cho những gì cần chuẩn bị để tự học đạt hiệu quả tốt, như phải chuẩn bị trước một số điều kiện tối thiểu về tiền bạc, sức khỏe (ít thôi), phải có lòng tự tin, nghị lực, và biết lập chương trình (với ba phần học thêm về nghề, luyện đức, mở mang trí óc), sau đó là những cách tự học nhưng cách quan trọng được giảng giải, nhấn mạnh trong suốt phần còn lại là đọc sách, và việc phải học thêm một ngoại ngữ, với những lời khuyên và hướng dẫn rất cụ thể dựa trên sự hiểu biết và kinh nghiệm bản thân của chính người viết.

Tóm lại, một cuốn sách tuy cũ nhưng cũng còn bổ ích,

nên đọc, lý do trước tiên vì ở Việt Nam cho tới nay cũng chỉ có một cuốn đó hướng dẫn và khuyến khích việc tự học. Trong khi chờ đợi có những quyển khác tốt hơn, các bạn trẻ ngày nay có thể rút tĩa được trong quyển sách cũ này nhiều điều bổ ích, mà điều quan trọng nhất là tinh thần tự học trong ý hướng vừa để thăng tiến bản thân vừa để giúp đời mà cụ Nguyễn Hiến Lê không bao giờ quên lặp lại ở nhiều trang sách như một nhắc nhở tâm huyết đối với thanh niên.

TRẦN VĂN CHÁNH

30-4-2001

2. Cuối thập niên 1960, đang ở bậc trung học đệ nhất cấp (nay gọi trung học cơ sở), tôi bắt gặp một quyển sách do nhà xuất bản Thanh Tân in năm 1968. Trên 200 trang giấy xấu, chữ nhỏ, không có lấy một tranh ảnh phụ bản. Đã vậy bìa ngoài chỉ gồm mấy dòng chữ xanh dương đậm, suôn đuột, in trên nền xanh lục phơn phớt. Chân phương đến mức đơn điệu, khô khan. Thế nhưng, dẫu chưa biết Nguyễn Hiến Lê là ai, tôi chẳng ngần ngại vét số tiền dành dụm ít ỏi của mình để được sở hữu quyển sách mang cái nhan đề gọi lên nổi tò mò khám phá: *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại*.

Ngay chương đầu tiên đã lôi cuốn tôi vì những lý lẽ tân kỳ đối với lứa trẻ mười bốn, mười lăm tuổi: *“Tự học là không ai bắt buộc mà tự mình tìm tòi, học hỏi để hiểu biết thêm. Có thầy hay không, ta không cần biết. Người tự*

học hoàn toàn làm chủ mình, muốn học môn nào tùy ý, muốn học lúc nào cũng được; đó mới là điều kiện quan trọng.” (tr. 12)

Thú thực tôi chưa làm theo hết tất cả những chỉ dẫn đầy kinh nghiệm và sáng suốt của tác giả, nhưng sách đã sớm “khai quang”, dẫn dắt tôi vào một con đường kỳ thú. Noi theo đó, hồi trung học tôi đã tự lập cho mình một tủ sách giá trị với hàng trăm quyển, bòn mót dần dần từng cuốn một bằng cách để dành tiền ăn sáng.

Học Tú Tài ban Toán, vào đời với mảnh bằng Thương Mại, nhưng sau này tôi mưu sinh bằng việc dạy tiếng Anh. Gần bốn mươi tuổi trở đi tôi có thêm cái thú biên khảo và in sách, chọn những đề tài mà trước đây tôi thiếu cơ hội được học ở nhà trường. Vô tình tôi tự “ứng nghiệm” những gì tác giả Nguyễn Hiến Lê đã viết: “... tự học không đủ để làm giàu, nhưng tự học là một cách lương thiện và chắc chắn để kiếm tiền và tăng lợi tức của ta lên.” (tr. 31) “... biết bao người bỏ nghề chính, sinh nhai một cách rất lương thiện bằng một nghề phụ, nghề mà hồi trước họ tự học để tiêu khiển.” (tr. 32).

Dũ Lan LÊ ANH DŨNG
Tháng 9-2002

Văn Uyển chú: Hai bài viết trên đây của Trần Văn Chánh và Dũ Lan Lê Anh Dũng được trích trong hiệp tuyển *Nguyễn Hiến Lê – Con Người & Tác Phẩm* (nhiều người viết, Nxb Trẻ in năm 2003, sách dày 208 trang 14,5x20,5cm, nay đã tuyệt bản).

DANH NHÂN NÓI VỀ TỰ HỌC

1. Chỉ những người nào tự học mới tự do. / *Only the autodidacts are free.*

Nassim Nicholas Taleb

Tác gia Lebanon, sinh năm 1960.

2. Khi tới các lớp học chính thức, tôi là kẻ lười nhác, xao lãng. Nhưng xưa nay tôi luôn luôn là một người tự học siêng năng, cần mẫn và tôi có thể tự học hầu như bất kỳ bộ môn nào nếu tôi nghiêm túc quan tâm, chú ý tới nó. / *When it came to formal classes, I was a slacker. But I've always been a diligent autodidact and can teach myself virtually any subject if I have a serious interest in it.*

Dean Ray Koontz

Tác gia Mỹ, sinh năm 1945.

3. Tôi xác tín rằng tự học là loại giáo dục duy nhất mà ta có được. / *Self-education is, I firmly believe, the only kind of education there is.*

Isaac Asimov (1920-1992)

Nhà văn Mỹ gốc Nga, đồng thời còn là giáo sư dạy môn hóa sinh (*biochemistry*) tại Viện Đại Học Boston (Mỹ).

VĨNH BIỆT CHỊ TÔI

*Khói nhang quyên gió mây trời,
Tro nhang hòa đất phụng đời cỏ cây.*

Xa gửi hương linh chị Nguyễn Thị Duyên
NGUYỄN DO ĐĂNG

Thế rồi sau mười hôm hôn mê do biến chứng của bệnh tiểu đường, được cấp cứu tại bệnh viện Châu Đốc – con trai duy nhất và bốn cháu nội gái, các cháu rể chị đã cùng nhau hết lòng giành sự sống cho chị – nhưng ở tuổi tám mươi hai, chị đã trút hơi thở và quay về với Tía Má, với Tổ Tiên Nguyễn Tộc mình hồi giữa giờ Tý, đầu ngày 02 tháng 6 nhuận năm Đinh Dậu (0 giờ 10 ngày 04-7-2017).

Vẫn biết tuổi chị đã vượt xa ngưỡng “cổ lai hy”, và cũng từng nghe biết “*Nhân sinh nhất thế trường như khách / Hà tất kim triêu thị biệt ly*”⁽¹⁾ nhưng, chị ơi! Em chị, con cháu chị và cả thân bằng quyến thuộc cũng không ngăn được ghen ngào khi biệt ly ập đến!

Tiền đưa chị về chỗ an giấc cuối đời nơi “Mộ Địa Nguyễn Gia” phía sau thành phố Châu Đốc, do con cháu chị chuẩn bị mấy năm rồi, giữa một sáng âm u gió lạnh, tang gia cùng quyến thuộc... mỗi người đành phải gửi vào huyết mộ chị một cành hoa trắng như chút nghi lễ

⁽¹⁾ Thơ Chu Phóng. Xem chú thích cuối bài này. (Văn Uyển)

tiền đưa lần cuối cùng, như tấm lòng kính quý chị và thành lòng cầu xin chư Phật tiếp dẫn hương linh chị về miền tịnh độ.

Nhớ mới ngày nào, thừa em còn là cậu bé thiếu niên và chị đang phơi phới xuân thì – một phụ nữ hiền thực kiệm cần, sinh thành từ gia đình sống cùng ruộng rẫy nơi thôn ấp nghèo vùng biên địa Khánh Ɣn. Chị hai mươi bốn tuổi mới xuất giá về miệt vườn Cần Thơ xa xôi, để rồi



năm hai mươi sáu tuổi, chị ôm thẳng con trai mười một tháng tuổi tìm về cha mẹ để xin phép được quyết định ly hôn. Dù được cha mẹ chồng yêu thương tìm đến tha thiết gọi về, dù được cha mẹ đẻ hết lời khuyên nhủ hãy tròn đạo vợ chồng nhưng nỗi buồn riêng đã khiến chị cứng lòng chắc tay ôm con thơ sống cùng bao khó khăn, thua thiệt và... nuôi dạy con nên người, suốt quãng đường trần nhiều cạm bẫy và dài dặc dặc từ thời hai mươi sáu tuổi xuân cho đến cuối đời, giữa năm tám mươi hai tuổi già nua bệnh yếu trong vòng tay của con hiếu, dâu hiền, cháu thảo. Rốt đời nhìn lại, em thấy chị đã “thành đạt” chỉ với hai từ rất dân dã mà chị thường ngày khuyên răn mình, khuyên răn con mình từ lúc nó vừa chập chững vào đời và mãi về sau này: Ăn, nói, làm phải *đàng hoàng*.

Chị cũng như Nội Ngoại, như Tía Má nhà mình, như ngàn muôn thế hệ người, chị phải nối tiếp cuộc hành trình của sinh, lão, bệnh, tử theo thông lệ của nhân sinh, chị đã một mình về miền thiên cổ, nhẹ nhàng bước đến cõi thiên thu!

Giờ đây thằng em út cũng đã bạc đầu cùng các cháu và bao người thân đàn ông ôm lòng ngóng theo chị với tất cả tình cảm bù ngùi thương tiếc khôn nguôi và luôn nguyện cầu chị hòa nhập miền an lạc.

Chị biệt trần ai, nhẹ bước tiêu dao đường vĩnh cửu.
Em ôm kỷ niệm, nặng lòng tông tộc bến phù sinh.

NGUYỄN DO ĐẰNG

Khánh An biên địa

04 tháng 6 nhuận Đinh Dậu (2017)

Văn Uyển chú:

Chu Phóng 朱放 tự Trường Thông 長通, người Tương Châu, huyện Nam Dương, không rõ năm sinh năm mất. Tương truyền, vua Đường Đức Tông (780-805) có lần triệu Chu về kinh, phong một chức quan nhưng ông không nhận, ở ẩn tại Diễm Khê.

Bạn thơ của Chu là Ôn Đình Quân 溫庭筠 (812-870), tự Phi Khanh 飛卿, người Thái Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), tinh thông âm nhạc và từ trẻ sớm nổi danh về thơ. Đi thi không đỗ nên Ôn vui bước giang hồ.

Chu Phóng làm thơ tiễn chân Ôn Đài (Ôn Đình Quân):

送溫臺

Tống Ôn Đài

眇眇天涯君去時 Miếu miếu thiên nhai quân khứ thì
浮雲流水自相隨 Phù vân lưu thủy tự tương tùy
人生一世長如客 Nhân sinh nhất thế trường như khách
何必今朝是別離 Hà tất kim triều thị biệt ly.

Dịch nghĩa:

Tiến Ôn Đài

*Lúc người đi chốn xa mịt mù,
Mây trôi nước chảy cũng đi theo
Kiếp người một đời như khách trọ
Cần chi sáng nay là biệt ly.*

Huệ Khải dịch:

Tiến Ôn Đài

*Mù mịt chốn xa lúc bạn đi
Mây trôi nước chảy cũng phân kỳ
Thế gian một kiếp thân như khách
Hà tất sáng nay mình biệt ly.*

Trong câu ba, Chu Phóng ví đời người vắn vỏi như khách trọ, thế gian là lữ quán để tạm nấu nướng. Thơ của Chu nhắc ta nhớ tới Khách Đình ở thánh địa Tây Ninh. (Xem: Huệ Khải, *Nhịp Cầu Tương Tri*, Nxb Tôn Giáo 2013, tr. 155-157; quyển 42-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

VÒNG ĐỒNG MỘT THUỞ

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Má tôi sanh Kim Cương tại Long Xuyên vào mùa nước nổi cuối năm Tân Sửu 1961. Ba thất nghiệp, buồn chẳng biết làm gì, ngồi viết bài ca sáu câu vọng cổ *Nước Lụt Hậu Giang* để năm sau ông đi Sài Gòn xin phép xuất bản rồi cho in. Hai cha con đi bán bài ca khắp các chợ lớn nhỏ vùng Châu Đốc, Tân Châu. Lúc đó tôi mười tuổi. Nhưng đó là một câu chuyện khác.

Sanh em vài tháng, đường vừa khô nước thì má mắc chứng tê chân. Sau này nghiên cứu y học thì tôi hiểu lúc đó má bị hội chứng thuyên tắc tĩnh mạch chân do sanh nhiều. Gần như đàn bà thời xưa ai cũng ít nhiều mắc phải. Ba cũng chạy nhiều thuốc nhiều thầy nhiều nơi. Có ông thầy ở Vàm Cống bày cho uống cây vòng đồng. Không biết có đúng không, cây vòng đồng còn gọi là cây ngô đồng.⁽¹⁾

Khi tôi đi kiếm cây vòng đồng làm thuốc cho má, có người chỉ cho một cây vòng đồng mọc giữa Tòa Án và Trung Tâm Cải Huấn Long Xuyên, muốn đi vào đó phải qua nhiều lớp rào dây kềm gai, mương vũng tù đọng,

⁽¹⁾ *Vòng đồng (Hura crepitans)* còn gọi mã đậu, bã đậu, ba đậu tây, ngô đồng... là một loài thực vật có hoa, kết trái, xuất xứ từ khu vực nhiệt đới châu Mỹ. [Văn Uyển chú]

muối như vãi trấu, lùm bụi cỏ lác cao ngấp mắt cái đầu thẳng nhỏ lên mười.

Chưa hết. Chỗ đó còn là vòng rìa ngoài cùng của khám lớn, là nơi để mắt của cảnh sát và giám thị. Tôi vì thương má, quyết lòng bằng mọi giá phải vô được để chặt nhánh vòng đồng về cho má uống. Ngay lần đầu tìm cách chui vào liền bị cảnh sát tóm cổ.

Không còn nhớ mình đã làm gì nói gì đến nỗi khiến cả đám nhân viên cảnh sát chức lớn chức nhỏ phải xiêu lòng. Một ông lớn tuổi bảo một người trẻ nhất đứng coi chừng cho tôi chui vào chặt được một nhánh khá to. Đem về nhà, cả ba má tôi hết sức ngạc nhiên, không hiểu nổi tại sao tôi tìm được; càng kinh hơn khi nghe tôi kể lại lịch sử chặt được nhánh vòng đồng này.

Sau đó vài ngày tôi lại đến xin mấy chú cảnh sát cho vô chặt nhánh vòng. Mà khổ cho mấy chú, mỗi lần đều có một người coi chừng cho đến khi tôi chui ra. Riết rồi quen mặt quen việc. Các nhánh nhỏ dưới thấp ngang tầm dần dần tôi chặt trụi hết mà chân má cũng vẫn còn tê hoai, tối nào tôi nằm mừng bên này ngó qua mừng bên kia cũng thấy ba ngồi xoa dầu bóp chân cho má. Ba mỗi mòn lủi ngủ thì má tự bóp mà thút thít khóc. Cứ như vậy mà tôi nuôi dưỡng quyết tâm chặt thật nhiều vòng đồng về cho má uống.

Hết nhánh dưới thấp tôi tìm cách trèo lên cao. Cây vòng đồng lớn cả chục vòng ôm của tôi, trên vỏ có nhiều

gai, nếu trước đó tôi bị gai quào chảy máu ít, thì khi trèo được lên cao bị gai quào chảy máu nhiều hơn, chưa kể mấy lần trượt té rớt xuống cỏ xuống nương nước đen ngòm, đặc lừ lửng quăng và muối đói. Tay chân bụng cứ lằn ngang lằn dọc, lằn này vừa khô máu thì lằn khác chùng lên. Có lúc ba má biểu tôi thôi đi, nhưng nhìn xị thuốc vơi dần là tôi lại lén nhà xách dao đi ra khám lớn.

Khi tôi trèo lên cao nhìn được bên trong khám thấy người ở tù đi qua đi lại thì cảnh sát lại có phương án khác dòm chừng tôi. Lúc này họ đã biết nhà tôi, ở gần đó, nên cũng bớt e ngại tôi làm cái gì không phải phép.

Việc kéo dài chừng mấy tháng gì đó, thuốc tích lũy được nhiều thì tôi cũng đến ngày đi học lại. Con đường chui rào của tôi giờ thành con đường mòn xinh xinh mà chỉ có tôi là người duy nhất trên đời này có quyền đi và chui qua chui lại.

Năm sau gia đình về Vĩnh Long sau bảy năm trời luân lạc. Cây vông đồng bên hông khám lớn Long Xuyên cuối đường Gia Long, mờ dần trong trí nhớ.

Ngày nay, hơn năm mươi năm, mỗi lần về Long Xuyên tôi luôn luôn trở lại nơi này. Cảnh vật không còn giống gì với ngày xưa nữa hết. Má tôi cũng không còn trên cõi đời này. Giống vông đồng gần như tuyệt chủng. Tôi không biết ngày đó nó có góp phần nào cải thiện sự đau nhức chân của má tôi không, nhưng từ đó tôi có một niềm đam mê nghiên cứu y học và sưu tầm cây thuốc.

Bày cho người này người kia, có người tin người không. Dù thế nào tôi đều thấy bóng lảng hình má tôi hiện thân trong từng người bị bệnh mà lúc nào mình cũng muốn tìm cách này cách kia cho họ bớt đi những nỗi đau đời.

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Vĩnh Long 2014

Trích hồi ký "Trôi Nổi Phận Người"

BÀI CÚ

1. Đò chiều đang đợi khách xa
Trữ vai nặng gánh
Sao qua kịp giờ.
2. Núi kia cao thật là cao
Chưa lên đến đỉnh
Biết sao nhọc nhằn.
3. Lạnh vô cùng
Đâu phải
Giữa trời đông.
4. Nhiều lúc tai thích nghe
Nhưng lắm khi chỉ cần đôi mắt
Mọi điều dễ nhận hơn.

ĐỔ THỊ KẾT



SÁCH VÀ ĐỒNG NGHIỆP

NGUYỄN THỊ KIM THỦY

Mỗi khi dạy sinh viên bài *Travel* (Du Lịch) trong giáo trình tiếng Anh *Market Leader – Elementary Level* (Unit 4), tôi thường trích dẫn một câu nói được xem là nổi tiếng về chủ đề “Du Lịch”, yêu cầu sinh viên đoán từ để điền vào chỗ trống như sau: “*The world is a book and those who do not... read only one page.*” [Thế giới là một quyển sách và ai không... thì chỉ đọc một trang.]

Hầu hết sinh viên đều đoán đúng từ để điền vào chỗ trống là “travel / du lịch”. Theo đó, những ai đi du lịch nhiều thì mở rộng tầm nhìn hơn và hiểu biết nhiều hơn.

Với sinh viên ý tưởng chính của câu nói này là du lịch (*travel*) vì nó là chủ đề của bài – nhưng với tôi sau bài giảng lại là khái niệm về thế giới (*world*) và sách (*book*). Trong phép ẩn dụ này, sách luôn được xem là biểu tượng của kiến thức – điều này cũng không có gì khác thường.

Gần đây, một cô bạn thân thời sinh viên đại học đã cho tôi một ý tưởng khác về sách. Một buổi sáng đi nhà sách về, bạn tôi đã chia sẻ trên trang facebook cá nhân:

“*Mỗi một người là một quyển truyện mình cần phải đọc...*”⁽¹⁾

Tôi lắng lòng lại và cũng chợt nghĩ không biết mình đã đọc được hết những quyển sách mình cần phải đọc chưa.

Trên hai mươi năm sống và làm việc bên cạnh những đồng nghiệp của mình, quanh ta đã có biết bao nhiêu sách.

Có những quyển sách luôn cho ta nguồn động lực để vui sống và làm việc – đó là những đồng nghiệp thân thiết luôn cảm thông, chia sẻ và an ủi những lúc ta buồn phiền và chán nản.

Có những quyển sách giờ đã không ai đọc nữa – đó là

những đồng nghiệp đã rẽ hướng, ra đi với một cuộc sống mới nơi chân trời khác.

Có những quyển sách mà trước đây mọi người thường đọc nhưng giờ đã được cất vào một ngăn tủ không ai mở ra xem nữa dù sách vẫn sang trang – đó là những đồng nghiệp do tuổi tác không còn đứng trên bục giảng nữa hay nếu có cũng rất hiếm hoi.

Cuộc sống bận bịu với bao lo toan cơm áo gạo tiền khiến ta vô tình bỏ lại những quyển sách mà mình chỉ mới đọc nhan đề trên trang bìa hay chỉ đọc lướt qua – nên không hiểu hết được nội dung – đó là những người đồng nghiệp mình chỉ vội vã chào hỏi xã giao trước giờ lên lớp hay khi gặp nhau ở bãi đậu xe trong khuôn viên trường.

Có những quyển sách mình đọc đi đọc lại mà vẫn không hiểu được những ý tưởng hàm chứa bên trong – đó là những người bạn vẫn ngày ngày đến lớp với sinh viên – hòa mình vào nhịp sống và làm việc chung của các bạn đồng nghiệp nhưng có hoàn cảnh hay tâm tư thầm kín hiếm khi chia sẻ cùng ai.

Bên cạnh những quyển sách sắc màu đang dần nhạt nhòa theo thời gian – đó là những người đang ở tuổi xế chiều – cũng có những quyển sách còn rất mới với những trang giấy còn chưa vương bụi của thời gian, những quyển sách mà mọi người đều thích đọc bởi khi đọc ta cảm nhận được sự tươi trẻ, nhưng cũng có một

chút chạnh lòng vì gọi lại trong ta kỷ niệm của một thời tuổi trẻ đã qua – đó là các bạn giảng viên trẻ, năng động, nhiệt tình và tràn đầy sức sống.

Dù cuộc đời vốn dĩ là vô thường – tất cả rồi sẽ phai theo năm tháng – từng quyển sách cũ sẽ dần dần được xếp vào một ngăn tủ riêng, không ai đọc nữa và, theo quy luật tất yếu, những quyển sách mới sẽ được thay vào đó, nhưng tất cả đều là những quyển sách hay – cho ta những câu chuyện với nhiều *“cung bậc cảm xúc khác nhau”*.⁽²⁾ Cùng với những câu chuyện êm ả như mặt nước hồ thu là những câu chuyện đời và nghề với bao sóng gió.

Dù theo như bạn tôi, *“không ai có thể đọc được trang cuối quyển sách của chính mình”*, nhưng hãy hy vọng rằng trang cuối của tất cả những quyển sách này đều sẽ là những dòng nhạc của những bản sonate tuyệt hay.

Dù biết rằng mai này câu chuyện của mình sẽ nằm trong ngăn tủ không ai đọc nữa, hãy như nữ thi sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương đã khuyên:

*Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời.*⁽³⁾

NGUYỄN THỊ KIM THỦY

(1), (2) Ngọc Cao, *Sách Và Đời Người*

(3) *Còn Gặp Nhau*, 1999.

CÀ REM THƠ ẤU

LÊ MINH

Những ai đã đi qua một thời tuổi thơ, hẳn sẽ không quên được hình ảnh cây cà rem của những ngày thơ bé. Khỏi phải nói, cà rem là một trong những món khoái khẩu nhất của tôi và chúng bạn.

Cũng như bao đứa trẻ nghèo ở quê nhà, tiếng leng keng phát ra từ cái chuông nhỏ xíu gắn trên chiếc xe đạp và những cây cà rem đã ăn sâu vào ký ức tuổi thơ. Hình ảnh ấy còn đi vào cả những giấc mơ của tuổi thơ tôi, từ những ngày nơi quê xa đến khi chập chững những bước chân đầu tiên nơi phố thị.

Chiếc xe đạp sườn ngang cũ kỹ, loại dùng để thờ hàng ngày trước, loang lổ những vết sơn theo bao ngày mưa nắng. Nó cũ đến mức tôi cũng không biết tả nó chính xác là màu gì. Phía sau cái boọc-ba-ga nhỏ, ông bán kem cẩn thận buộc thêm bốn thanh tre dài, hai thanh ngang và hai thanh dọc, để thùng cà rem to khi buộc dây sẽ tạo được thế cân bằng và chắc chắn hơn.

Người đàn ông dáng gầy gầy, da đen nhẻm, trông những nếp nhăn khéo mắt và nét khắc khổ trên gương mặt khiến ông già hơn nhiều so với tuổi có lẽ chừng ngoài năm mươi. Bọn trẻ chúng tôi cũng không biết ông tên gì, cứ gọi đại là “Chú cà rem”, đơn giản vậy!

Hồi ấy, một cây cà rem có thể nói là cả một niềm mơ

ước của trẻ thơ. Được sở hữu cây cà rem là cả niềm hạnh phúc, hãnh diện lớn lao của đám trẻ quê nghèo.

Không có tiền mua, bọn tôi vẫn thường rủ nhau đi gom nhặt những chai lọ phế liệu, đồ nhôm nhựa, đi lượm sắt vụn, lượm đồng, gom cả những đôi dép đứt quai để dành sẵn để... đổi cà rem. Có khi mỗi ngày, chú cà rem chạy qua xóm một lần, thường là vào một khung giờ nhất định, khoảng từ 12 giờ trưa đến 2 giờ chiều.

Đó cũng chính là nguyên nhân khiến đám trẻ bọn tôi thường trốn giấc trưa, hay có bị bắt ngủ trưa thì cũng chỉ giả vờ nằm nhắm mắt để đó, còn trong lòng thì đang “dậy sóng” bởi mong ngóng tiếng leng keng của chú cà rem. Vậy mà cũng có khi đến ba bốn ngày trời chú cà rem mới đi ngang ngõ một lần.

Những khi ấy, vừa nghe tiếng chuông leng keng từ đám ruộng đằng xa, bọn con nít ở xóm ba chân bốn cẳng cắm đầu chạy ra bờ tre ngay góc ngã ba đón sẵn.

Cà rem của bọn tôi ngày ấy thường là cây tròn, que làm bằng thanh tre nhỏ xíu, có đầy đủ các vị: đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, thiệt lâu mới có thêm cà rem tím nhạt vị khoai môn hay màu vàng của mít, sầu riêng.

Chú cà rem rất linh hoạt, từ hai trăm, năm trăm đồng đến một, hai ngàn đồng, nhiều tiền hay ít tiền đều có cả. Bởi chú có một thanh tre nhỏ làm chuẩn, cứ đo theo thanh tre mà cắt cà rem, hai trăm từng này, năm trăm đồng thì từng này, một ngàn gấp đôi, cứ thế mà tính.

Cả đám xúm xít vây quanh thùng cà rem, xôn xao như bầy ong vỡ tổ: đứa đổi hàng, đứa mua, có đứa không có đồng nào trong túi, chỉ búi ngùi đứng một góc để xem.

Ngặt nổi, cũng có đứa được cho tiền nhưng khi nghe tiếng chuông đã nhào chạy mà không biết tiền không nằm trong túi. Những lúc ấy, bọn trẻ chúng tôi bỗng dưng yêu thương nhau lạ, có khi hai ba đứa ăn chung một cây cà rem. Dè xẻn đến mức không đứa nào dám cắn, chỉ liếm lớp kem tan chảy, vậy mà cái vị ngọt thơm, mát lạnh ấy thấm mãi...



phỏng tranh Hoàng Vũ

Tiếng leng keng cứ thế đến rồi đi, vang vọng vào tận những ngõ ngách xa xôi. Theo những vòng xe miệt mài, tiếng leng keng và thùng cà rem đã mang đến bao niềm vui bình dị cho trẻ nghèo nơi thôn xóm heo hút, hẻo lánh, mang cả những vui buồn trẻ thơ của chúng tôi vào đó.

Khi chiếc xe đã đi rồi, vẫn còn không ít những cặp mắt trẻ thơ ngóng theo, sung sướng, hân hoan, thèm thưỡng và chờ đợi.

LÊ MINH

<http://www.sggp.org.vn/ca-rem-tho-au-453276.html>

THÙNG CÀ REM

Ba bán cà rem. Ừ, ba bán cà rem
Chuông đồng leng keng kêu vang khắp xóm
Thùng xếp hai ngăn, bên ngoài đá muối
Bên trong xếp đầy kem chuối, kem que

Lái chiếc đòn dông,⁽¹⁾ ba đạp suốt mùa ve
Khi đồng áng đã xong cày bừa, trồng trúa
Thùng cà rem ba kiếm tiền từng bữa
Gom góp dành mua cặp, vở cho con

Chiều ba về, năm đứa chạy lon ton
Giành đón ba xa tít từ đầu ngõ
Thằng út tốt lên ngồi ôm ba mếu mớ
Có cây nào vô nước muối không ba? ⁽²⁾

Chưa kịp đến sân, lật đật mở thùng ra
Năm cái đầu chụm chui vào thùng xếp
Quơ tay tìm miếng kem nào còn sót
Ăn vội vàng, ngon mát tận chân răng

Đá muối trong thùng ba nào có dám quăng
Để dành đó cho con làm quà mọn
Ngậm cục đá đầu lưỡii con mặm chát
Chưa đã thèm, con lấy đá lén nhai

⁽¹⁾ Xe đạp sườn ngang, dành cho đàn ông.

⁽²⁾ Cà rem bị vô muối bán không được thì dành cho con trẻ.



Chiếc áo vải ba mặc đã sờn vai
Đôi dép nhựa đứt quai chưa dám bỏ
Năm đứa con, lo ăn đũa còn khó
Vậy mà ba, lo học hết cả năm

Và bây giờ phượng nở đỏ ngoài sân
Thùng xốp cũ cũng đã không còn nữa
Hết đạp xe bán cà rem từng bữa
Nhưng ba là điểm tựa cuộc đời con.

ĐẶNG THỊ KIM LOAN

Biên Hòa, Đồng Nai

NHỚ TIẾNG RAO CỦA BA

HUYỀN KHỞI HUỖNH

Không biết từ bao giờ con hẻm nơi tôi ở bị những người trong thị xã gọi là “hẻm nghèo”. Có thể họ gọi không sai, nhưng sao mỗi lần nghe ai đó nói tới hai từ “hẻm nghèo” là trong lòng lại quặn thắt.

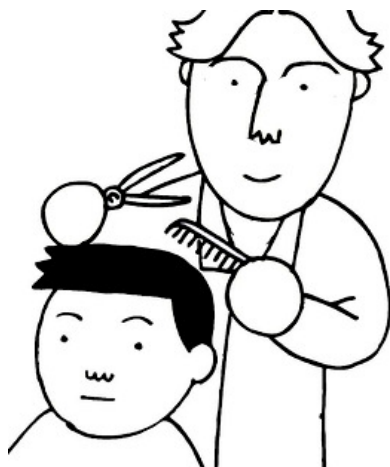
Những người dân ở đây đa phần là người nghèo, sống bằng nghề làm mướn hoặc phụ hồ... Con nít ít khi được học hành, tối ngày ở trần trùng trọc rử nhau đi lượm ve chai. Gia đình tôi đỡ hơn một chút, vì ba tôi có nghề hót tóc dạo (nghề này của ông cố tôi truyền lại). Tôi nghĩ, nghề hót tóc cũng vất vả không kém những nghề khác, nhưng được cái nhẹ nhàng hơn và chủ động trong công việc. Có lần vừa về tới nhà, ba lẩm nhẩm một mình: “Ước gì có tiền thuê cái ki-ốt ngoài chợ hót tóc cho khỏe.” Nhưng đó chỉ là ước mơ thôi vì một mình ba phải nuôi cả gia đình mười một người con đang tuổi ăn, tuổi học.

Hằng ngày, khi gà gáy canh ba, má đã thức dậy nấu cơm, làm đồ ăn để vô cà men rồi treo lên xe sẵn cùng túi đồ nghề của ba. Khi trời đậm mây ngang, má gọi ba thức dậy. Ba chuẩn bị thêm vài thứ cá nhân rồi dắt xe đạp ra khỏi nhà. Mỗi ngày ba đạp xe đi rất xa, có khi mấy chục cây số, rồi từ đó bắt đầu rao và hót dài dài về. Cứ mỗi ngày ba đi một con đường và non một tháng thì ba mới

quay trở lại. Hôm nào về, trên xe ba cũng có một bọc gạo, vài thứ rau cải mà người ta trả công hớt tóc cho ba, cũng có khi là bọc ổi vườn chín. Những lúc đó anh em tôi ai cũng khoái, đứa nào cũng ăn lấy ăn để. Ba cực khổ suốt năm là vậy nhưng cũng chỉ tạm đủ lo cho anh em tôi ngày hai bữa cơm đạm bạc.

Hiểu được cuộc sống chật vật nơi thành thị của gia đình tôi nên nhiều lần ngoại kê ba má về quê, ngoại cho ruộng vườn làm ăn đỡ vất vả, nhưng ba nhất quyết không chịu. Ba sợ về ruộng tụi tôi không đi học được, cuối cùng ngoại cũng không nhắc tới nữa. Nhưng đổi lại mỗi năm tới hè, ngoại kê cậu út chạy ghe tam bản ra thị xã rước hết mấy anh em tôi về để ngoại lo tiếp ba mấy tháng hè.

Riêng tôi thì ba không cho đi. Ba nói để tôi ở ngoài này đi hớt tóc với ba. Công việc của tôi là bữa nào ế thì lên ngồi cho ba hớt “mở hàng”. Tôi nhớ có lần ba chở tôi đi từ sáng tới xế chiều, rao khắp cả giọng mà hồng thấy ai gọi lại để hớt. Tự dưng ba dừng lại chỗ đông người rồi kê tôi ngồi cho ba hớt “mở hàng” thử coi có gì mới không. Hồng biết tôi mở hàng hên thiệt hay sao mà ba



vừa nhấp nhấp mấy kéo đã có hai, ba người dặt con tới hớt, ba liền nháy mắt ra hiệu cho tôi xuống để hớt cho khách. Và từ đó tóc tôi lúc nào cũng dài hơn những đứa con nít khác. Ba nói để dành hôm nào hớt ế thì bắt tôi lên ngồi hớt “mở hàng” cho ba. Lúc ba hớt tóc cho khách thì tôi đi kiếm lá me dặt hái cho ba để tối về ba ngâm cho đỡ khan giọng.

Những ngày đi theo ba hớt tóc tôi vui lắm, bởi hôm nào hớt dặt một chút ba mua cho cái bánh dứa, hoặc bánh cam, có khi cả ly đá bào to đùng ăn đã đời.

Nhưng lạ, chưa bao giờ tôi thấy ba mua phần cho ba. Có lần tôi hỏi: “Bộ ba không thích ăn bánh hả?” Ba trả lời không ăn nhập vào đâu: “Ước gì được nằm ngủ một chút.” Tôi vô tư: “Trời đất! Hôm nào buổi trưa má cũng bắt ngủ, con sợ muốn chết, còn ba thì thèm, ngộ thiệt!” Ba không nói hay giải thích gì thêm mà hai chân cứ cố đạp những vòng xe nặng trĩch để mong được đi xa hơn. Bất chợt tôi nhìn lên, thấy mồ hôi đã thấm ướt chiếc áo của ba. Ba lại cất tiếng rao, tiếng rao của ba lúc này khàn đặc, càng lúc càng nhỏ dần và gần như đứt quãng: “Hớt tóc, hớt tóc... đ... ây...” Chiếc bánh trên tay tôi rớt xuống đất tự bao giờ mà tôi chẳng hề biết, thay vào đó là những giọt nước mắt đã âm ỉ trên gương mặt.

HUYỀN KHỞI HUỖNH

<http://baocamau.com.vn/>

van-hoc-nghe-thuat/nho-tieng-rao-cua-ba-46961.html

VĂN HÓA ĐỌC TRUYỀN THỐNG VÀ VĂN HÓA ĐỌC THỜI @

DŨ LAN

Đọc sách để mở mang kiến thức là một lẽ, còn một lẽ khác là để tu dưỡng tâm hồn bằng các sách đạo lý, các tích truyện hiền nhân thánh triết Đông Tây kim cổ. Bởi vậy, trong một đàn cơ tại Vạn Quốc Tự, quận 3, Sài Gòn, ngày 07-12-1965, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch khuyên người tín hữu Cao Đài: “... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện.” Xét ra lời dạy ấy cũng cần cho tín đồ mọi tôn giáo.

Đọc là nhu cầu văn hóa của con người. Ngày nay, với Internet, văn hóa đọc càng tiện ích. Vấn đề là làm sao giáo dục cho trẻ có sự hứng thú đọc sách để khi trưởng thành sẽ là những người lớn có thói quen (hay sở thích) đọc sách.

Tuy nhiên, việc tập cho trẻ thích đọc sách dường như chưa được quan tâm đúng mức ở trường học nước ta. Bởi vậy, trả lời phỏng vấn do Thụ Nhân thực hiện (và đăng trên <http://vnn.vietnamnet.vn>, ngày Thứ Tư, 09-4-2008), giáo sư Chu Hảo nêu ý kiến như sau:

“Đối với một con người, sự học không chỉ dừng lại ở trường phổ thông, mà phần rất quan trọng là tự học, mà trong việc tự học thì đọc sách là quan trọng nhất. Thế

nhưng ở nước ta, như tôi đã nói, từ hàng mấy chục năm qua, người ta không có thói quen đọc sách. Nhà trường đã không dạy cho trẻ em thói quen đọc sách, mà ở gia đình, ông bà, bố mẹ các em cũng không có thói quen đọc sách để truyền lại cho các em.”

Văn hóa đọc truyền thống

Xưa kia sách không rẻ và rất quý hiếm, người biết chữ cũng ít. Cho nên sách hầu như chỉ dành cho vua chúa, quan chức, quý tộc, nhà giàu. Ngay cả kẻ sĩ cũng không thể có nhiều sách để đọc. Có lẽ vì thế mà thiên hạ quý sách, tôn sùng sách đến nỗi vào đời Minh (Trung Quốc), Đông Lỗ Cổ Cuồng Sinh 東魯古狂生 khi viết tiểu thuyết *Túy Tỉnh Thạch* 醉醒石 (Đá Hết Say), ở Hồi Thứ Bảy có câu: “Sĩ nhân tam nhật bất đọc thư, tắc diện mục khả tằng, ngôn ngữ vô vị.” 士人三日不讀書, 則面目可憎, 語言無味. (Kẻ sĩ ba ngày không đọc sách, ắt mặt mũi dễ ghét, lời lẽ chán phèo.)

Trước đời Hán, thế kỷ 3 trước Công Nguyên (TCN), giấy chưa được phát minh. Người ta viết chữ trên lụa hay thẻ tre, thẻ gỗ. Các thẻ tre, thẻ gỗ được kết lại bằng dây da bền chắc, giống những tấm màn trúc thời nay, và gọi là “sách”, chữ Nho tượng hình viết là 冊. Theo *Sử Ký* của Tư Mã Thiên (thế kỷ 2 TCN), Đức Khổng Tử siêng đọc *Kinh Dịch* và đọc đi đọc lại đến nỗi các dây da buộc các thẻ tre bị đứt phải cột lại đến ba lần. Cũng theo Tư Mã Thiên, Đức Khổng có lần rời nước Lỗ sang kinh

thành nước Chu tìm gặp Đức Lão Tử để học hỏi về lễ. Mà bấy giờ Đức Lão đang quản thủ kho sách của triều đình, nên không loại trừ khả năng Đức Khổng nhân cơ hội ấy đã xin Đức Lão cho phép ghé mắt vào kho tàng kinh sách quý giá của thiên tử nhà Chu.

Khi sách quá hiếm, sở hữu được một pho sách tốt (giá trị) là đủ để mài giũa cho thành “chánh quả”. Có lẽ vì thế nên nhiều nhà triết học hay đạo gia Trung Quốc khi xưa, mỗi vị chỉ nhờ chuyên trị một pho kinh mà đã thành danh, bất hủ. Chả trách, trong bộ *Hán Thư* (một trăm thiên hay chương) của sử gia Ban Cố (32-92), có câu này: “*Di tử hoàng kim mãn doanh, bất như nhất kinh.*” 遺子黃金滿贏, 不如一經. (Để lại cho con một rương vàng chẳng bằng lưu lại một pho kinh.) Ở đây, “kinh” nên hiểu là sách quý, giá trị.

Văn hóa đọc thời @

Sách báo thời bây giờ in nhiều, giá cả dẫu chưa rẻ, nhưng không đến nỗi chẳng thể mua được. Tuy nhiên, có vẻ như xã hội càng tiến bộ, điều kiện tiếp cận sách báo càng dễ hơn thì con người càng coi nhẹ việc đọc sách, và hệ quả nhãn tiền đang được công luận lưu ý bấy lâu là con người thời đại đang suy thoái về mặt văn hóa đọc (*reading culture*), và đáng nói là ở Việt Nam.

Thật vậy, cuối năm ngoái, theo báo điện tử *Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, một viện đại học Mỹ (là Central Connecticut State University) làm thống kê các nước đọc sách nhiều

nhất thế giới; kết quả trong bảng xếp hạng sáu mươi một nước đọc sách nhiều nhất (có kể đến ba nước ở Đông Nam Á) thì “*Singapore xếp thứ 36, Malaysia xếp thứ 53 và Indonesia áp chót, đứng thứ 60. Tìm mãi mắt không thấy có Việt Nam. Có thể hiểu là Việt Nam không có trong số 61 nước đọc sách nhiều nhất trên thế giới.*”⁽¹⁾

Lại nữa, báo Tuổi Trẻ (bản điện tử) cho biết: “*Theo số liệu thống kê của Bộ Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch công bố tháng 4-2013, mỗi năm mỗi người Việt Nam chỉ đọc 0,8 cuốn sách.*”⁽²⁾

Có người “đổ thừa” rằng văn hóa đọc sở dĩ đang bị lấn lướt vì nó đang chịu áp lực từ sự tăng tốc phát triển muôn vẻ của văn hóa nghe-nhìn (*audio-visual culture*), mà hai thủ phạm nổi cộm nhất chính là truyền hình màu và Internet.

Dường như lý lẽ trên không phải hoang đường. Quả thật, trong thời @ người ta có thể đọc sách báo bằng nhiều cách, đọc và nghe trực tuyến (*online*) với cả sách điện tử (*e-books*) lẫn sách nói (*audio books*). Mà cách đọc thời @ cũng chứa lắm sự dở điều hay trong đó.

Ngày xưa, để khuyến khích con cháu đọc sách, các cụ

(1) <http://cuoituan.tuoitre.vn/tin/van-hoa-nghe-thuat/20161017/ham-doc-chi-la-huyen-thoai/1187566.html>.

(2) <http://tuoitre.vn/tin/van-hoa-giai-tri/20161117/61-quoc-gia-co-nguoi-doc-sach-nhieu-nhat-khong-co-viet-nam/1221061.html>.

luôn nhắc câu “*Thu trung hữu nữ nhan như ngọc, thu trung tự hữu hoàng kim ốc.*” 書中有女顏如玉, 書中自有黃金屋. (Trong sách có cô gái mặt xinh như ngọc, trong sách tự nó có nhà vàng.) Ngụ ý rằng kẻ làm trai ráng siêng đọc sách, chăm chỉ học hành, mai sau thi đậu làm quan thì sẽ cưới được vợ đẹp, được sống trong cảnh nhà giàu sang, phú quý.

Ngày nay, Internet chẳng những cung cấp dễ dàng, mau lẹ và rẻ tiền đủ các kiểu sách báo trực tuyến mà còn cám dỗ người đọc trên mạng sa chân lạc bước vào những địa chỉ “đen” với không biết bao nhiêu nữ nhân đủ quốc tịch, chẳng những trình diện “nhan như ngọc” mà còn phô bày thêm nhiều chỗ rất nhạy cảm khác mà Nguyễn Du khéo bảo là: “*Rõ màu trong ngọc trắng ngà / Rành rành sẵn đức một tòa thiên nhiên.*”

Trong một cuộc cạnh tranh không cân sức như thế, văn hóa đọc truyền thống quả khó tránh khỏi sa sút.

Văn hóa đọc truyền thống vẫn không bị đào thải

Khi các báo ngày phát hành thêm loại hình báo trực tuyến, có người ngỡ rằng báo in giấy sẽ mau chóng rút lui khỏi “vũ đài” ngôn luận. Nhưng sự lo xa này hóa ra cũng hoang đường. Trừ một số người sành uống cà phê ăn sáng với máy tính xách tay (*laptops*) và công nghệ không dây (*Wi-Fi*) trong các tiệm máy lạnh sang trọng, đại đa số quần chúng vẫn không bỏ được cái thú ngồi gác chân ở quán cóc bình dân, vừa nhâm nhi cà phê, vừa

thưởng thức tờ báo ruột của mình.

Văn hóa đọc truyền thống cũng sẵn sàng thách thức văn hóa đọc thời @ ở nhiều phương diện khác. Cúp điện, hay động đất làm đứt cáp ngầm dưới đáy Thái Bình Dương, đối với sách báo in giấy thì chẳng nhằm nhò gì.

Chúng ta không thể không tán thưởng tiện ích kỳ diệu mà văn hóa đọc thời @ cung cấp, nhưng sách điện tử thời @ làm sao có thể thỏa mãn cho ta cái thú mân mê, ve vuốt cuốn sách mới in còn thơm mùi mực; cái thú viết vào trang giấy những ghi chú, nhận xét của mình, để rồi rất lâu sau đó, một hôm mở sách cũ ra đọc lại, nhìn thấy những ghi chú ấy, nhận xét ấy mà vui vui, tự hỏi: “Sao hồi ấy mình ngớ ngẩn thế!” Hoặc: “Không ngờ hồi ấy mình sâu sắc nhỉ?” Lại còn một số người đọc khác, chỉ với sách in họ mới sung sướng giữ được thủ bút của tác giả họ yêu mến, qua lời đề tặng kèm theo chữ ký.

Quả thật, sách in giấy mang tặng ta nhiều cái thú riêng mà sách điện tử đành phải nhường nhịn. Xin kể một chuyện nhỏ: Cụ Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) bình sinh có thói quen luôn luôn đọc sách với một cây bút chì trên tay, để sẵn sàng ghi chú ngay vào lề sách. Tôi còn giữ một bản sách cũ cụ Nguyễn tặng, là biên khảo của một học giả viết về Đức Khổng Tử, nhà sách Khai Trí (Sài Gòn) xuất bản vào đầu thập niên 1970. Đọc sách ấy, tôi thấy rõ nét bút chì của cụ Nguyễn ghi bên lề một trang: “Tán quá!” Và tôi mỉm cười, thú vị.

Dung hòa văn hóa đọc truyền thống với văn hóa đọc thời @

Nhưng văn hóa đọc thời @ có một ưu thế mà văn hóa đọc truyền thống phải chào thua: Nó không choán chỗ vì không cần tủ kệ chứa sách. Tôi kể thêm chuyện này:

Cách nay không lâu, nhân dịp khai giảng năm học mới, quý chức sắc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có nhã ý mời tôi đến thánh thất Trung Minh trò chuyện với các sinh viên Cao Đài, quê miền Trung đang theo học ở trong Nam. Hôm đó, tôi hỏi có bạn trẻ nào từng theo dõi các sách ấn tống (tặng miễn phí) do tôi chủ trương và thực hiện từ năm 2008 và đã in hơn một trăm nhan đề không, thì chẳng cô cậu nào trả lời. Có lẽ thấy vẻ mặt tôi ỉu xìu vì thất vọng, cuối buổi nói chuyện, một cô sinh viên đến gặp riêng tôi để giải thích, đại ý: Sinh viên xa quê phải thuê nhà trọ chật hẹp, lại thường hay dời chỗ, nên rất bất tiện nếu sở hữu nhiều sách in.

Chuyện tiếp theo thì cũ hơn. Hồi năm 2006, một ông nọ nghe râm rần bàn tán về quyển *Ba Người Khác* của Tô Hoài (1920-2014), in tại nhà xuất bản Đà Nẵng, mỗi cuốn bán chưa tới 35.000 đồng. Nhưng ông sống ở tỉnh lẻ, tìm sách không ra. Ông bèn vào Google, lập tức tìm ra toàn văn quyển sách, lại còn kiếm thêm được các cuộc bàn thảo của văn giới Hà Nội chung quanh tác phẩm (mà sách in không có). Ông bèn *download* tất, khi in ra giấy 4 lại chọn chữ Times New Roman cỡ 14 cho dễ đọc với

con mắt già nua. Ông còn hào phóng đem photocopy tặng cho mấy thân hữu ghiền sách. Tính ra một bản sách “luộc” như thế nội dung phong phú hơn sách “thật” mà tiền sao chụp rẻ hơn giá ghi trên bìa sách in. Những bạn về hưu, ít tiền như ông thích quá. Người nào chỉ cần đọc cho biết nội dung sách thì vui lòng chấp nhận kiểu “luộc” này, nhưng dân chơi sách sành điệu thì nhăn mặt, tỏ ý chẳng thèm. Hơn nữa, việc “luộc” như thế rõ ràng gây thiệt hại cho tác giả và nhà xuất bản, vi phạm bản quyền.

Nhân nói về chuyện sao chụp sách, xin kể một chuyện khác: Rất nhiều năm về trước, có lần tôi nhờ hai người quen ở Mỹ vào hai thư viện khác nhau xin photocopy lại một cuốn sách viết về đạo Cao Đài của mục sư Victor Oliver in tại thành phố Leiden (Hà Lan) năm 1976, nhan đề: *Caodai Spiritism: a Study of Religion in Vietnamese Society*. Mỗi thư viện khi sao chụp đã cố ý bỏ sót một số trang, có lẽ để tuân thủ luật lệ bảo vệ bản quyền. Vì vậy tôi nhận được hai bản sao không đầy đủ; tuy nhiên, các trang bị bỏ sót ở bản sao này thì lại có đủ ở bản sao kia, và ngược lại; nhờ thế mà cuối cùng tôi vẫn có được hai bản sao chụp trọn vẹn.

Trở lại chuyện sách trên mạng. Một ông khác làm nghiên cứu, những danh tác chẳng hạn như *Đông Chu Liệt Quốc*, *Tây Du Ký Diễn Nghĩa*, v.v... ông đã sắm đủ bộ, đóng bìa giả da mạ chữ vàng cẩn thận. Nhưng khi dạo Internet, phát hiện bộ nào đã trở thành sách điện tử, ông đều *download* và lưu vào máy tính. Hỏi tại sao làm

chuyện có vẻ hơi dư thừa ấy? Ông không giấu nghề, chỉ “mẹo”:

Khi cần tìm một điển tích trong *Đông Chu Liệt Quốc* hay một sự kiện trong *Tây Du Ký Diễn Nghĩa*, thì sách in không có phần chỉ dẫn (*index*) tí mĩ như sách nước ngoài, đành phải dò từng trang, từng dòng, mệt lắm! Nếu có bản điện tử, chỉ cần dùng công cụ tìm kiếm trên máy tính là thấy ngay. Đã thế, cứ sao chép (*copy*) đúng đoạn văn cần dùng, rồi dán (*paste*) vào bài viết của mình, khỏi phải lọ mọ gõ từng con chữ theo sách in. Tiện biết mấy! Nếu cẩn thận, thì mở sách in ra đối chiếu với bản điện tử, đề phòng bản điện tử sai sót chữ nghĩa, rồi dựa vào bản sách in mà ghi số trang, bổ sung cho chỗ khiếm khuyết của bản điện tử.

Thực tế cho thấy, văn hóa đọc truyền thống và văn hóa đọc thời @ không hoàn toàn xung khắc nhau, trái lại cả hai đều có thể dung hòa, hỗ trợ lẫn nhau. Vấn đề là biết cách đọc và biết khai thác. Sách in giấy hay sách điện tử đều chỉ là công cụ, là phương tiện. Chính con người mới làm chủ nó, quyết định cách dùng nó.

Muốn phát triển văn hóa đọc ở người trưởng thành, thì nên bắt đầu từ đâu? Xin thưa: Ngay từ thơ ấu trẻ phải được bồi dưỡng văn hóa đọc từ trong gia đình thông qua chuyện kể của ông bà, cha mẹ (hoặc dùng sách nói). Người lớn trong nhà ham đọc sách cũng là tấm gương sáng cho trẻ noi theo. Khi trẻ vào cấp tiểu

học, chính nhà trường phải tiếp tục dẫn dắt trẻ vào thế giới của chữ nghĩa. Sách giáo khoa dạy văn soạn khéo sẽ tác động, lôi cuốn trẻ dần dần thấm nhập một cách tự nhiên vào văn hóa đọc cho đến tuổi trưởng thành. Mọi lo lắng, dị ứng hay kỳ thị trước sự phát triển của văn hóa đọc thời @ có lẽ sẽ không cần nói tới nữa.

Nhà báo Mỹ là Ralph Kinney Bennett thuở nhỏ cùng với Roger (anh em sanh đôi) đêm nào cũng được mẹ hiền đọc truyện trước giờ ngủ. Ông kể:



“Sau khi đọc kinh, chúng tôi nghiêng người chỗi lên khuỷu tay, trong lúc má ngồi ở cạnh giường. Giờ đây tôi vẫn nhìn thấy má nhẹ nhàng, lặng lẽ lật giở trang sách, má hít vô một hơi dài rồi bắt đầu đọc truyện.”

Trong những đêm thần tiên ấy chúng tôi không đoán biết được mình sẽ gặp những nhân vật nào. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ngồi bên cạnh má, dõi theo những nét chữ màu đen nhỏ xíu trên những trang sách trong khi giọng kể của má biến chữ nghĩa trở thành những hình ảnh rõ ràng sáng sủa...

(...)

Ban đêm, giống như các ông hoàng xa xưa ôm cầm mê say nghe người kể chuyện của cung đình phục vụ, chúng tôi vui sướng ngập tràn trong lúc má đọc truyện... Và với từng chỗ ngắt quãng, lúc lên bổng xuống trầm, khi đọc diễn cảm, má đã dạy chúng tôi biết cách làm cho chữ nghĩa lên tiếng khóc cười hay khiến mình phải nhăn trán nghĩ suy.”⁽³⁾

Khi quan tâm đến thực trạng văn hóa đọc của người Việt đang sa sút một cách đáng ngại, như báo chí lâu nay từng lên tiếng, có lẽ mẫu hồi ức trên đây của Bennett gợi được đôi điều suy ngẫm nếu chúng ta muốn giải quyết vấn đề một cách căn cơ ngay từ trong mỗi gia đình, với vai trò và ý thức của chính các bậc cha mẹ, những gương mẫu ham đọc sách trước mắt con trẻ hằng ngày.

DỮ LAN

⁽³⁾ Huệ Khải, *Ai Đo Lòng Biển*. (Quyển 108.1 trong Tủ Sách Văn Học Đại Đạo, 2017, tr. 133-135.)

HAI ÔNG BÀ ĐÁNH CẦU LÔNG

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

1.

Không nhớ từ khi nào mà tôi để ý thấy có hai ông bà đánh cầu lông vào mỗi sáng sớm. Hình như vào độ một buổi lập đông đường mờ mịt sương mù. Mang máng chó không chắc lắm.

Tôi vẫn chạy xe trên con đường này từ mấy năm trước, nên ắt hẳn hai ông bà mới về ở đây thôi. Tôi nghĩ là hai vợ chồng già, bởi không thể là hai người bạn hay hai anh em hoặc hai chị em. Tự nhiên tôi nghĩ vậy.

Không phải tôi đi mỗi sáng. Cứ bốn, năm ngày mới tới một ngày tôi lên phiên trực lúc 7 giờ. Như vậy khi tôi đi tới ngang chỗ hai ông bà luôn đứng vào lúc 6 giờ 15 và đến Phòng Điều Hành Trạm Biến Điện Vũng Liêm chừng 6 giờ 50.

Từ ngày tôi để ý biết sự hiện diện của hai ông bà, gần như mỗi lần đi trực ca sáng là thấy hai ông bà đánh cầu lông. Riết rồi chỗ đó như một điểm mốc trên đoạn đường chừng hai cây số này: cà phê Citi, nhà anh Chín Thơm, nhà bạn Vĩnh bên kia đường, hai ông bà đánh cầu lông, Ấm Thực Phở, ngả tư Đồng Quê...

Mới đầu hơi lạ, dần dần thì rồi cũng bình thường như những cây sanh buông rũ chùm chùm rủ phụng trông dài

trên vỉa hè, những tấm bảng có logo quảng cáo... bởi hai người sáng sủa đánh cầu lông thể dục thể thao thì đâu có gì đặc biệt.

Chỉ có một lần hình như chạy tới đó thì sợi dây cột đồ trên xe bị sút, tôi phải dừng lại. Nhờ vậy mới có dịp nhìn rõ, và tôi đã bật cười khi thấy kiểu đánh cầu của hai ông bà.

Khi ông giao cầu qua thì bà đánh hụt, trái cầu rớt xuống gần đó. Bà lượm lên giao qua cho ông, ông vớt một cái cũng khí thế, nhưng cũng hụt. Ông lại lượm trái cầu giao qua cho bà, cứ giao qua giao lại mà gần như không ai đánh trúng trái cầu một lần nào. Cứ lượm lên rồi giao qua cho người bên kia lượm rồi giao lại. Tôi tắt máy xe nhìn một hồi, vừa tức cười vừa thương thương. Hai ông bà hình như không thấy, hoặc không để ý tôi đang đứng xem ông bà đánh cầu lông, một trận giao đấu mà lần đầu trong đời tôi được thấy.

Cả hai ông bà đều có vóc dáng gầy và nhỏ người. Cổ quấn khăn lông, nhốt hai đầu khăn vào cổ áo để không bị rớt khi giao đấu. Tôi có cảm tưởng đây là hai vợ chồng từ miền ngoài vào, chắc là cán bộ hưu trí, vì phong thái không phải là người nhà quê hay người từng lao động phổ thông.

Nhờ dừng lại xem tôi mới hiểu hai ông bà chỉ dùng quả cầu, cây vợt như một công cụ thể thao độc lập vậy thôi chứ không phải là phương tiện để giao đấu. Và phải

công nhận sự kiên trung hằng ngày từ mấy tháng qua, ông bà đã chọn cách thể dục sáng như vậy, như một sự nương náu cần thiết, trong chuỗi ngày Thu Đông xế bóng.

Những lần sau, mỗi khi ngang qua tôi đều đi chậm lại để nhìn, để ban tặng cho lòng mình một chút vui vui, một chút ngưỡng vọng, một chút thương thương.

2.

Hết mùa đông. Tới mùa giáp tết. Hình như trong mấy ngày tết đi ngang tôi thấy vắng vắng, thiếu thiếu. Cũng bình thường, vì tết nhất luôn có những lịch sinh hoạt sai chạy so với thường ngày. Ừ cũng vậy, chắc ông bà cũng vậy. Và cái nhìn của tôi với kiểu đánh cầu lông có một không hai này dần dần cũng bình thường như những cây sanh, những tấm bảng logo quảng cáo. Cuộc sống trôi đều đều và chậm chậm có chút gì buồn buồn, như một bài nhạc xưa có tiết tấu trầm trầm không vút cao rồi hạ thấp đột biến.

Quen dần đến nỗi khi hai ông bà không còn sáng sủa ra vỉa hè đứng đánh cầu lông nữa mà tôi cũng không để ý. Tôi hầu như quên đi hoặc hòa trộn tất cả cái mốc vị trí trên đoạn đường hai cây số này, vì hàng mười năm trôi qua lại, tôi thuộc lòng đến từng viên đá gồ lên mặt đường, những vệt sơn phân cách chỗ nào mờ chỗ nào lệch xéo, quen một cách vô thức.

Bỗng một buổi sáng tôi thấy ông. Chỉ có một mình ông

thời. Ông đứng cũng khoảng chừng chỗ của ông trước đó, nhưng thay vì ông ngó vào hướng của bà đứng ngày xưa để giao cầu, thì bây giờ ông đứng nhìn ra đường, nhìn những chiếc xe chạy qua, hoặc không nhìn gì hết. Nét mặt ông bình thản làm sao, nhưng vô hồn. Vẫn còn cái khăn lông quấn trên cổ, nhưng hai đầu khăn không nhét vào bầu áo, mà buông thõng hững hờ qua hai vai trũng oằn như hai vệt xe hằn lõm trên con đường vào xã huyện được làm từ lâu, xuống cấp.

Hai tay ông chắp, cũng hờ hững không có sự rắng sức nào, sau cái lưng cong về một bên, có lẽ do khung xương quá lâu đời không còn muốn giữ thân người cho thẳng thớm đàng hoàng nữa.

3.

Tôi chợt nhớ lại một khoảng thời gian nào đó gần gần đây khi đi ngang qua có thấy treo một lá cờ vuông vẫn thường dùng làm hiệu cho các đám tang. Nhìn khuôn mặt bình thản nhưng vô hồn của ông, tôi đã hiểu.

Ông cụ đánh cầu lông (tôi tạm gọi như vậy, vì không biết gì hơn về ông) không phải mỗi ngày mỗi ra đường đứng, đều đặn, như thời gian còn đánh cầu lông với bà. Thỉnh thoảng thôi, có khi cả tháng tôi mới thấy ông. Nhưng lạ! Ông đứng đó như một pho tượng, nghĩa là lần nào cũng giống như lần nào. Và đôi mắt. Đôi mắt không có hồn, nhìn mà như không nhìn gì hết. Tôi độ ông không thấy gì rõ lắm đâu. Vì theo quy luật lão hóa, thì

khi vào tuổi bỏ kiếng đọc sách báo thì mắt không còn nhìn thấy xa được nữa nếu không mang kiếng. Có thấy thì cũng lơ nhờ nhòe nhoẹt.

Ông thấy gì sau bức màn mờ ảo khói sương đó?

Quãng thời gian dằng dặc của một đời người?

Chắc thế nào trong bức màn đó cũng có lơ nhờ người đàn bà từng đánh cầu lông, mà đến lúc này tôi quyết chắc bà là người bạn đời của ông.

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Vĩnh Long, sáng Chủ Nhật 23-8-2015

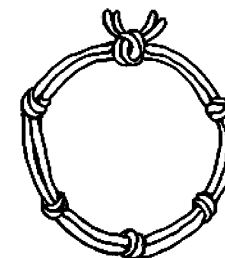
THẤY KHÔNG?

Chúng ta
đã và đang
chết dịu dàng
trong chính ta.

Có gì đâu
phải phiền hà
vui lên
để một mai xa
khỏi buồn.

KHÔNG ĐỀ

Ý bỏ mà lòng chẳng buông
Bao nhiêu ký ức trào tuôn dập dùi
Cầu Thầy mở lượng dung nhiều
Độ con bỏ bớt bao điều lãng xăng.



VỖ VĂN PHO

NẾU CON CÓ VỀ

Con còn sức trẻ, sức trai
Chân bước dậm dài kiếm lấy cái ăn
Mẹ thòi lúu xúu, lằng xằng
Con không được bằng như thể người ta
Cho nên con phải đi xa
Mình mẹ ở nhà vò võ cả năm.

Mẹ đau, mẹ yếu, mẹ nằm...
Mẹ như con tầm đã rút hết tơ
Bây chừ thân mẹ xác xơ
Mẹ cũng không ngờ mệt đến lất lay
Ước gì con có ở đây
Con cầm tay này con đỡ mẹ lên
Mẹ chừ lúc nhớ hồi quên
Chắc không còn được gọi tên con rồi...

Còn đêm này nữa là thôi
Mà con còn ở xa xôi chưa về
Mẹ chừ lúc tỉnh hồi mê
Nếu con có về, chắc mẹ không hay...

LÊ HOÀNG NGUYỄN

Nhà Tu Trí Huệ

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

Tam Kỳ, Quảng Nam



SÔNG VẮN CHẢY

Sông dài đầy nước giăng giăng
Ngày nắng rải bạc
đêm trăng rắc vàng
Lặng thẳm sông chảy miên man
Sông luôn đổi mới
mới ran từng giờ

Chiều nao gió nhẹ
sông thơ
Lục bình hoa tím
mộng mơ trôi dài
Bến xưa
bờ đứng trông ai
Bao phen bồi lở
tiễn mai bao mùa

Và
trên sông vẫn bán mua
Thuyền danh
hàng lợi
được thua giữa dòng
Nụ cười biếc
giọt lệ hồng
Theo thuyền cõi sóng có không liên hồi...

Giữa bờ phải trái
... sông trôi
Tùy duyên trong đục
cũng trôi lánh, tìm
Nụ cười giọt lệ xuôi im.

BIÊN NHÂN

Rằm, Giêng, Bính Thân (2016)

CHỢT CẢM XÚC

Bóng lá thu rơi, bóng ngoại tôi
Màu xanh, mạch nhựa... úa khô rồi
Nhẹ tênh lãng đãng rơi... rơi... xuống
Xuống đất tiếp bồi dưỡng sinh môi...

BIÊN NHÂN

Một sáng mùa vu lan 2017

THƯƠNG NHỚ NGOẠI

Năm xưa theo mẹ về thăm ngoại
Khúc khuỷu đường quê rợp bóng me
Nhà ngoại lâu ghê, thang dựng đứng
Gió vụt vù run kẽ lá phen tre.

Nghe ngoại nói cậu làm thuê ghe rồi⁽¹⁾
Nên bà cùng con mướp quạnh hiu
Môi trắng nhợt ngoại lui cui sau bếp
Mừng cháu con chân ngoại bước liêu xiêu.

Con không ít, nhưng lấy chồng, theo vợ.
Vì chén cơm manh áo phải xa nguồn
Nước chảy xuôi, theo dòng trôi xa mãi
Có ngoại nhìn cũng gửi ít thương sông.

Ngày thơ ấy tôi biết gì thương cảm
Giờ nhớ ra nghe quặn thắt tuổi chiều
Bà ngoại tôi âm thầm trong túng thiếu
Cho rất nhiều mà nhận chẳng bao nhiêu.

Bà ngoại tôi cho hoài không đếm tính
Cho trọn đời, rồi lặng lẽ... tiêu diêu.

BIÊN NHÂN

Ngày giỗ ngoại 16-10 âm lịch (1999)

⁽¹⁾ *Ghe rồi*: Ghe chuyên chở cá đồng từ vùng quê Châu Đốc lên Sài Gòn bán. Tùy ghe lớn nhỏ mà thuê năm tới mười lức điền theo ghe để chèo chống, hoàn toàn dùng sức người.

NHỮNG CƠ HỘI BỊ BỎ LỠ TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

CAO VĂN THỨC

Từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX, các nước tư bản phương Tây đã lần lượt tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp và ngày càng trở nên giàu mạnh. Nhu cầu về nguyên liệu sản xuất hàng hóa và thị trường tiêu thụ hàng hóa đã thôi thúc các cường quốc phương Tây xâm chiếm đất đai các quốc gia phương Đông để biến thành thuộc địa. Việt Nam ở thế kỷ XIX cũng nằm trong quỹ đạo xâm lược của các nước thực dân phương Tây. Trước khi bị thực dân Pháp xâm lược bằng vũ lực, Việt Nam cũng đã được các nước phương Tây tiếp cận và mời gọi hợp tác thương mại, ngoại giao. Có thể nói đây là những cơ hội rất tốt để canh tân đất nước, mở cửa hội nhập với thế giới văn minh. Rất tiếc, triều Nguyễn ở những thập niên đầu thế kỷ XIX đã bỏ lỡ những cơ hội này, để rồi đất nước nghèo yếu, không đủ sức bảo vệ độc lập dân tộc và cuối cùng rơi vào tay thực dân Pháp.

NHỮNG CƠ HỘI ĐỂ GIAO TIẾP VỚI THẾ GIỚI VĂN MINH

Sau khi thống nhất đất nước, năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi vua ở Phú Xuân (Huế), lấy niên hiệu là Gia Long, rồi sai sứ sang cầu phong nhà Thanh. Nhà Thanh đã cử

sứ giả sang phong cho Gia Long làm **Đệ nhất Nam Quốc Vương**, mở ra triều đại nhà Nguyễn. Kể từ đó, các vua nhà Nguyễn đã xây dựng một nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, rập khuôn mô hình chính trị của phong kiến Trung Quốc. Triều đình Nguyễn theo đường lối cai trị cổ xưa, về kinh tế thực hiện chính sách trọng nông, ức thương, chỉ chú trọng phát triển nông nghiệp cổ truyền, xem nhẹ và ngăn cản sự phát triển của công thương nghiệp. Vì vậy ở thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn chỉ là nước nông nghiệp lạc hậu.

Trong khi các vua Nguyễn nối tiếp nhau cai trị đất nước, tự bằng lòng, thỏa mãn với một mô hình chính trị, kinh tế cũ kỹ ngàn xưa, khép kín và sùng bái nền văn minh cổ đại Trung Hoa như vậy thì tình hình thế giới lúc bấy giờ chuyển biến với tốc độ ngày càng nhanh. Người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Mỹ... lần lượt tìm đến các nước phương Đông để tìm nguồn lợi, giao lưu thương mại (đặt thương điểm, lãnh sự...). Từ đầu cho đến thập niên 70 của thế kỷ XIX, trong suốt gần bảy mươi năm đó, các nước phương Tây đã nhiều lần đến gõ cửa xin được thông thương với Việt Nam. Ở đây xin nêu ra một số cuộc giao thương quan trọng diễn ra trong thời gian mấy chục năm và trải qua bốn đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Thời Gia Long (1802-1819)

Năm 1803, sau khi Gia Long vừa chiến thắng Tây Sơn được gần một năm thì công ty Ấn Độ của Anh đã phái

một nhân viên tên là Roberts đến dâng phẩm vật và thư lên nhà vua, xin lập phố buôn bán ở bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), nhưng Gia Long đã bác bỏ rằng “Hải cương là nơi quan yếu, sao lại cho người ngoài được”, và cho trả lại tặng vật.⁽¹⁾ Như vậy, nước Anh là quốc gia sớm nhất đến đề nghị nước ta thông thương ở thế kỷ XIX.

Một năm sau (1804), người Anh lại tiếp tục cho sứ giả mang phẩm vật và thư dâng lên triều đình Huế xin cho thương nhân của họ được đi lại buôn bán ở Đà Nẵng. Nhưng nhà vua phán: “Tiên vương kinh dinh việc nước, không để người Hạ lẫn với người Di,⁽²⁾ đó là cái ý để phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng Mao gian xảo, trí trá, không phải nòi giống ta, lòng họ khác hẳn; không cho họ ở lại, ban cấp ưu hậu cho họ và bảo họ về, không nhận phẩm vật họ hiến.” Sứ giả người Anh kiên trì đưa thư thỉnh cầu hai, ba lần nữa nhưng cũng đều bị Gia Long từ chối.⁽³⁾

Tiếp sau người Anh là người Pháp. Năm 1817, vua Louis XVIII của nước Pháp phái chiếc tàu Cybèle do thuyền trưởng tên là Bichille de Kergariou dẫn đầu sang Việt Nam, xin thi hành Hiệp Ước Versailles đã ký kết

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Viện Sử Học biên dịch. Nxb Giáo Dục, 2002, tr. 647-648.

⁽²⁾ Hạ 夏: Người Hoa. Di 夷: Rợ, mọi. Cách người Hoa gọi khinh miệt các dân tộc ở ngoài Trung Nguyên. (ĐĐVU chú)

⁽³⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Sđd, tr. 789-790.

năm 1787 về việc nhường cửa biển Đà Nẵng và đảo Côn Lôn. Vua Gia Long đã trả lời là Hiệp Ước ấy chính phủ Pháp đã không thi hành trước đây cho nên không có giá trị.⁽⁴⁾

Năm 1819, có một thương nhân Hoa Kỳ là John White tới Gia Định xin được buôn bán với nước ta, triều đình Việt Nam chỉ hứa hẹn là sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc buôn bán của vị thương nhân này mà thôi.⁽⁵⁾

Thời Minh Mạng (1820-1840)

Sau khi Gia Long qua đời (1819), Minh Mạng lên nối ngôi. Thấy vua mới lên ngôi ở Việt Nam nên người Anh lại muốn đến để giao thương, buôn bán. Năm 1822, viên tổng đốc Ấn Độ thuộc Anh là Lord Harsting cử một phái bộ do John Grawfurd là tổng đốc Singapore làm trưởng đoàn, đi tàu thủy đến cửa sông Hàn dâng thư và phẩm vật gồm năm trăm khẩu súng điều thương, một cặp đèn pha lê, xin được thông thương với Việt Nam. Quan dinh Quảng Nam dâng thư lên vua. Vua sai đưa phái bộ Anh về kinh đô Huế. Trưởng đoàn Grawfurd xin được yết kiến nhà vua, nhưng Minh Mạng cho rằng “Y là người của tổng đốc phái đi, không phải do phụng mạng vua Anh”, vì vậy không tiếp và không nhận phẩm vật. Phái đoàn Anh thất vọng ra về.⁽⁶⁾

⁽⁴⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Sđd, tr. 874.

⁽⁵⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Sđd, tr. 911.

⁽⁶⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 2, Sđd, tr. 216.

Năm Giáp Thân (1824), vua Louis XVIII đã phái một viên đại tá hải quân là Bougainville đem hai chiếc tàu chiến là Thétis và Espérance đến cửa sông Hàn (Đà Nẵng) để dâng quốc thư và phẩm vật của triều đình Pháp tặng, xin được giao thương với nước Đại Nam. Quan địa phương Quảng Nam đệ thư và só tâu về Kinh, vua Minh Mạng phán: “Pháp và Anh là hai nước cừu địch, năm trước nước Anh cầu nạp khoản, ta đã không chịu, nay lẽ nào lại cho nước Pháp thông hiếu, nhưng ta nghĩ Đức hoàng khảo ta [Gia Long] khi mới khai quốc, có khiến Anh Duệ Thái Tử (Hoàng Tử Cảnh) qua nước Pháp, vẫn có ơn cũ, nếu khước ngay đi, e không phải ý dãi người xa.” Rồi vua sai người làm thư trả lời và tặng quà cho viên đại tá, còn thư và phẩm vật của vua Pháp thì trả lại. Đại tá Bougainville xin yết kiến nhà vua, nhưng Minh Mạng từ chối khéo: “Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chấn⁽⁷⁾ về cả rồi, trong triều không ai biết tiếng Pháp để đọc thư và làm thông ngôn.”⁽⁸⁾

Tuy bị hoàng đế nước Đại Nam từ chối thông thương một cách thẳng thừng như vậy, nhưng người Pháp vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Năm Bính Tuất (1826), vua Pháp lại phái một người tên là Eugène Chaigneau, cháu gọi Jean

⁽⁷⁾ Hai người Pháp theo giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn là Jean Baptiste Chaigneau, được ban tên Nguyễn Văn Thắng, tức Thắng Tài Hầu; Philippe Vannier được ban tên Nguyễn Văn Chấn, tức Chấn Oai Hầu.

⁽⁸⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 2, Sđd, tr. 887.

Baptiste Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng, lúc này đã về nghỉ ở quê hương) bằng chú, sang xin đặt Lãnh Sự Quán và giữ chức lãnh sự ở Việt Nam, nhưng vua Minh Mạng từ chối. Ba năm sau (1829), vua Pháp lại tiếp tục phái Eugène Chaigneau sang Việt Nam với lời đề nghị như ba năm về trước, nhưng vua Minh Mạng cũng cương quyết không chấp nhận.⁽⁹⁾

Tuy bị triều đình Việt Nam từ chối nhiều lần, nhưng người Pháp vẫn chưa nản lòng trong việc thông giao. Năm 1830, có mấy chiến thuyền của Pháp đến đỗ ở cửa biển Đà Nẵng và nói là họ thừa lệnh nhà vua muốn được nói chuyện cùng quan ở Nha Thương Bạc⁽¹⁰⁾ của Việt Nam. Vua Minh Mạng đã sai Sung Biện Nội Các Thị Giảng Học Sĩ Nguyễn Tri Phương đến gặp, nhưng viên thuyền trưởng Pháp không chịu tiếp, có lẽ thấy Nguyễn Tri Phương lúc đó phẩm hàm còn thấp. Vua đành phải sai quan Thị Lang Trương Đăng Quế đến gặp. Viên thuyền trưởng tiếp đón, trò chuyện và nói vua Pháp muốn giao thương với nước Đại Nam, nhưng do điều kiện xa cách nên chưa có thể đạo đạt được; hiện nay nước Anh đang thực hiện âm mưu xâm lấn vùng đất Quảng Đông của Trung Quốc, thế nào rồi cũng sẽ dòm ngó đến nước Nam nên vua Pháp lưu ý rằng là nước Nam đừng giúp đỡ, liên quan đến việc ở Quảng Đông, vì đây là nội bộ giữa Anh

⁽⁹⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 2, Sđd, tr. 902.

⁽¹⁰⁾ Nha Thương Bạc là cơ quan ngoại giao, đón tiếp các sứ thần nước ngoài dưới thời Nguyễn.

và Trung Quốc. Trương Đăng Quế về Huế tâu lại, nhà vua liền sai Nguyễn Tri Phương vào Đà Nẵng cho thuyền trưởng ấy biết là việc ở Quảng Đông không liên quan gì đến nước Đại Nam. Nhưng các chiến thuyền của Pháp vẫn nấn ná ở lại, vua sai Nguyễn Tri Phương đến bắt buộc họ phải nhổ neo rời khỏi Đà Nẵng.⁽¹¹⁾

Cường quốc thứ ba đến gõ cửa xin được thông thương với nước Đại Nam là Hoa Kỳ. Năm 1831, chính phủ Hoa Kỳ đã cử sứ giả đến gặp vua Minh Mạng, xin được đặt Lãnh Sự Quán ở nước ta và bổ nhiệm ông Shilluber làm lãnh sự, nhưng vua Minh Mạng đã không chấp nhận lời đề nghị này. Năm sau (1832), chính phủ Hoa Kỳ lại phái một sứ bộ do thương nhân Edmund Roberts và đại úy Georges Thompson dẫn đầu sang nước ta. Sứ bộ đi tàu thủy đến Vũng Lắm (Phú Yên), dâng quốc thư lên vua Minh Mạng xin thông thương. Nhà vua sai phái Viên Ngoại Lang Nguyễn Tri Phương, Tư Vụ Lý Văn Phúc vào Phú Yên cùng với quan tỉnh sở tại tiếp đón phái đoàn và viết thư trả lời chính phủ Hoa Kỳ là triều đình Đại Nam không từ chối việc thông thương, nhưng bắt buộc người Hoa Kỳ phải tuân theo luật lệ của nước Đại Nam, tàu buôn của họ phải đỗ đứng ở nơi quy định tại vịnh Trà Sơn (Đà Nẵng), không được xây cất nhà, lập hiệu buôn trên bờ biển. Quốc thư của tổng thống Hoa Kỳ, nhà vua cũng không cho các quan

⁽¹¹⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 3, Sđd, tr. 19.

mang về triều.⁽¹²⁾

Vào thời gian này, Hoa Kỳ đang cố gắng tranh giành ảnh hưởng ở Châu Á với các cường quốc Tây Âu như Anh, Pháp, Tây Ban Nha... mà Việt Nam lại ở vị trí giao thông quan trọng, vì vậy chính phủ Hoa Kỳ tuy thất bại trong hai lần đến xin thông thương trước đây, nhưng vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Năm 1835, chính phủ Hoa Kỳ lại sai một phái đoàn khác cũng do thương nhân Edmund Roberts dẫn đầu đi sang mở mang quan hệ ngoại giao với một số nước như Xiêm, Việt Nam, Nhật. Năm 1836, sau khi phái đoàn Hoa Kỳ đã ký kết thương ước với Xiêm rồi, đã đến Đà Nẵng dâng quốc thư và xin được triều yết. Vua Minh Mạng đã sai Thị Lang Đào Trí Phú và Lê Bá Tú vào gặp phái đoàn Hoa Kỳ. Nhưng rất tiếc là trưởng đoàn Edmund Roberts vì nhuốm bệnh, không thể tiếp các quan của triều đình phái tới, sau đó mấy hôm tàu của họ cũng rời khỏi Đà Nẵng.⁽¹³⁾

Thời Thiệu Trị (1841-1847)

Vua Minh Mạng qua đời, vua Thiệu Trị nối ngôi. Thời gian ở ngôi của vua Thiệu Trị tương đối ngắn, chỉ có bảy năm, nên theo ghi chép trong *Đại Nam Thực Lục* thì trong thời gian trị vì của ông, chỉ có duy nhất nước Anh đến giao thương.

⁽¹²⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 3, Sđd, tr. 117.

⁽¹³⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 3, Sđd, tr. 572.

Thời gian này bắt đầu xảy ra cuộc chiến tranh thuốc phiện giữa Anh và Trung Quốc. Tuy bận rộn với cuộc chiến tranh ở Trung Quốc, nhưng chính quyền Anh vẫn chú ý và tiếp tục mở rộng thông thương với các nước Á Đông.

Năm 1847, viên toàn quyền Anh ở Hương Cảng là John Davis đã mang theo hai chiếc tàu chiến đến cửa Hàn (Đà Nẵng). Viên toàn quyền đã dâng thư của Nữ Hoàng Victoria lên vua Thiệu Trị với nội dung xin phép nhà vua cho họ được ở một nơi tại vịnh cửa Hàn và đề nghị triều đình nước ta ký kết với Anh một hiệp ước thương mại và liên minh, để ngăn ngừa và phòng chống âm mưu xâm lược của người Pháp về sau. Nhưng triều đình đã bác bỏ lời đề nghị này. Toàn Quyền John Davis xin được ra kinh đô trực tiếp yết kiến vua Thiệu Trị, nhưng cũng bị nhà vua từ chối.⁽¹⁴⁾

Thời Tự Đức (1848-1883)

Tự Đức lên ngôi vua năm 1848, sau khi vua cha là Thiệu Trị qua đời năm 1847. Năm Canh Tuất (1850), chính phủ Hoa Kỳ phái sứ giả đến Đà Nẵng để trình quốc thư lên triều đình Huế, xin thông thương. Tổng đốc Quảng Nam là Tôn Thất Bật tâu về Kinh xin được nhận thư và tùy cơ đối đáp nhưng vua Tự Đức bác bỏ, nên cuối cùng phái đoàn Hoa Kỳ phải ra về.⁽¹⁵⁾

⁽¹⁴⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 6, Sdd, tr. 248.

⁽¹⁵⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 7, Sdd, tr. 351.

Từ năm Ất Mão (1852) đến năm Đinh Sửu (1877), trong gần ba mươi năm dưới thời Tự Đức, tàu nước Anh đã mấy lần đến các cửa biển Đà Nẵng, Thị Nại (Quy Nhơn), Quảng Yên để xin buôn bán, nhưng triều đình Huế vẫn không chấp nhận.⁽¹⁶⁾

Ngoài các cường quốc Anh, Pháp, Hoa Kỳ thì Tây Ban Nha cũng nhiều lần đến xin thông thương với Việt Nam cũng bị triều đình Huế khước từ.

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ KHI ĐỐI PHÓ VỚI THỜI CUỘC

Ở thế kỷ XIX, những biến động lớn của thời cuộc trên thế giới đã có những tác động mạnh mẽ đến Việt Nam. Các vua ta thời bấy giờ không phải là thiếu hiểu biết thế giới bên ngoài, mà ngược lại các vị đã từng “mục sở thị” sức mạnh khoa học kỹ thuật của các nước phương Tây.

Gia Long thuở còn “mông trần” đã từng cầu viện nước Pháp thông qua sự môi giới của Giám Mục Bá Đa Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine); tuy sự cầu viện không thành, nhưng ông cũng được nhiều kỹ sư, sĩ quan pháo binh Pháp đến giúp thông qua sự tuyển mộ của Bá Đa Lộc; ngoài ra vị Giám Mục này cũng mua giúp ông tàu chiến, đại bác để đánh nhau với Tây Sơn. Vì vậy, ông không xa lạ gì với sức mạnh khoa học, kỹ thuật phương Tây.

⁽¹⁶⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 7, 8, Sdd, tr. 315.

Thời Minh Mạng, vua có định lệ hàng năm phái tàu thuyền đi các nước trong khu vực, mục đích là để buôn bán và theo dõi tình hình thế giới. Những nơi mà tàu Việt Nam thường đến là Xiêm, Jakarta, Singapore, Mã Lai, Quảng Đông, Ma Cao... Các quan đi công cán nước ngoài về, đều phải tâu trình cặn kẽ những điều đã trực tiếp quan sát, tiếp xúc cho vua rõ.

Thời Tự Đức, quan lại Việt Nam được cử đi công cán nước ngoài nhiều hơn; đặc biệt có những phái đoàn hoặc cá nhân quan lại triều đình trực tiếp đến những cường quốc phương Tây như Tây Ban Nha, Pháp, Mỹ... Sau đây là một số trường hợp tiêu biểu:

Năm 1863, vua Tự Đức cử một phái đoàn do Tổng Đốc Vĩnh Long Phan Thanh Giản làm chánh sứ, Tham Tri Bộ Lại Phạm Phú Thứ làm phó sứ và Án Sát tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Khắc Đản làm bồi sứ sang Pháp để xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ mà triều đình đã cắt nhượng cho Pháp sau Hòa Ước Nhâm Tuất (1862). Ngoài thời gian làm việc với triều đình Pháp, phái đoàn Việt Nam đã được đưa đi tham quan một số nhà máy, cơ sở kỹ nghệ... ở kinh đô Paris. Các quan ta đã trực tiếp chứng kiến văn minh khoa học, kỹ thuật tối tân của phương Tây thời bấy giờ.

Năm 1873-1875, Bùi Viện, một quan chức của triều đình, đã hai lần vượt biển đến Mỹ để vận động chính phủ nước này ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam đối phó với thực dân Pháp.

Ngoài những chuyến đi ngoại giao của quan lại triều đình, thì có trường hợp đặc biệt là Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), một giáo dân quê ở Nghệ An, may mắn có điều kiện sang học tập một thời gian ở Pháp, đã tiếp thu được nhiều tri thức hiện đại.

Những vị Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ... sau khi ở nước ngoài về, với những mức độ hiểu biết khác nhau, đều viết sách hoặc những tập số dâng lên vua và triều đình kiến nghị cải cách đất nước.⁽¹⁷⁾

Như vậy, có thể nói là ở thế kỷ XIX, thông qua những giao tiếp đó, các vua nhà Nguyễn đều có những hiểu biết nhất định về văn minh kỹ thuật phương Tây, những diễn biến của thời cuộc lúc bấy giờ. Và các vua cũng rất quan tâm đến vấn đề thời sự, có những động thái đối phó với mối đe dọa ngoại xâm. Đơn cử như thời Minh Mạng, nhà vua thấy người Anh chiếm Ấn Độ, Miến Điện, người Tây Ban Nha chiếm Philippin... nên đã nhận thức được hiểm họa ngoại xâm của phương Tây. Đến thời Thiệu Trị, sự lo ngại của nhà vua càng tăng khi thấy xảy ra cuộc chiến tranh thuốc phiện (1840-1842) và sự thất bại của Trung Quốc, phải cắt nhượng đất Hương Cảng cho người Anh,

⁽¹⁷⁾ Nguyễn Trường Tộ từ năm 1863 đến 1871 dâng lên triều đình năm mươi tám bản điều trần đề nghị canh tân đất nước. Sau khi sứ bộ đi Pháp về, Phan Thanh Giản viết tác phẩm *Tây Phù Nhật Ký*, Phạm Phú Thứ viết tác phẩm *Tây Hành Nhật Ký*...

nên đã ra lệnh tăng cường phòng thủ các cửa biển trọng yếu ở nước ta.

Như vậy, chứng tỏ các vua Nguyễn và quan lại trong triều không phải do ở trong một vương quốc cổ lỗ khép kín mà hoàn toàn mù tịt với thế giới bên ngoài. Ngược lại họ đã biết sức mạnh của khoa học, kỹ thuật phương Tây và nhận thức rất rõ được nạn xâm lăng đang đe dọa đất nước từ rất sớm. Và họ không phải là không có sự tích cực trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, nhưng thật đáng tiếc là cuối cùng vẫn bị mất nước.

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến mất nước? Từ trước đến nay có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau. Tựu trung có hai luồng ý kiến chính: Một luồng thì cho rằng nguyên nhân là do triều đình Tự Đức bảo thủ, không chịu thực hiện cải cách theo những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ nên đất nước nghèo yếu, lạc hậu dẫn đến thất bại trước sự xâm lược của thực dân Pháp; luồng ý kiến thứ hai thì cho rằng mất nước là chuyện hiển nhiên vì đó là xu thế của thời cuộc, hầu hết các quốc gia nông nghiệp nhỏ yếu ở phương Đông đều không chống đỡ nổi trước sự xâm lăng của những cường quốc công nghiệp phương Tây.

Ở đây, có thể thấy nguyên nhân chủ yếu là do đầu óc bị hệ tư tưởng Tống Nho chi phối nên các vua Nguyễn đã bỏ lỡ những cơ hội để duy tân đất nước. Cơ hội thuận lợi nhất là vào giai đoạn Gia Long và Minh Mạng. Trong

ba thập niên đầu thế kỷ XIX, đất nước ở trong điều kiện tương đối ổn định, thái bình và các nước phương Tây đến Việt Nam xin thông thương trong hòa bình, chưa có nước nào có ý định sử dụng vũ lực để xâm chiếm đất đai. Nhưng vua Gia Long sau khi thống nhất sơn hà, thì quay về với mô hình chính trị phong kiến với ý thức hệ Nho Giáo, hướng đất nước vào quỹ đạo văn minh Trung Hoa, có tâm lý khước từ, xa lánh giao thiệp với phương Tây mà theo quan niệm của ông và đại đa số quan lại Việt Nam thời bấy giờ là người phương Tây man rợ và xảo quyệt, không đáng tin cậy; vua chỉ trọng dụng mấy người Pháp giúp vua trong việc đánh Tây Sơn trước đây theo kiểu “ơn nghĩa cá nhân” mà thôi.

Thời Minh Mạng, sự cự tuyệt giao tiếp với người phương Tây càng quyết liệt hơn. Trong tâm thức của nhà vua thì chỉ có Trung Hoa là văn minh, đáng noi theo, còn phương Tây chỉ là bọn “Di, Địch” dã man, cho dù họ có giỏi về kỹ nghệ chẳng nữa. Nhà vua mong ước xây dựng một vương quốc Đại Nam cổ truyền, thịnh trị hướng về thời Nghiêu, Thuấn ngàn năm trước bên nước Tàu. Và để yên ổn, tránh sự dòm ngó của phương Tây, nhà vua thực hiện biện pháp “bế quan tỏa cảng”, tăng cường phòng thủ các cửa biển và xem việc bảo vệ đất nước bằng việc đóng cửa, khước từ giao tiếp với phương Tây là thượng sách.

Thời Tự Đức, tình hình thế giới và khu vực có những biến động dữ dội hơn. Các quốc gia Đông Nam Á lần lượt

roi vào tay các nước phương Tây, Trung Quốc thì bị các cường quốc Anh, Pháp, Đức, Ý... xâm xé, phải chấp nhận cắt đất nhượng hòa. Ở Việt Nam, Pháp đánh Đà Nẵng (1858), Gia Định (1859), rồi lần lượt chiếm ba tỉnh Đông Nam Kỳ (1861), Tây Nam Kỳ (1867)... Trước cơn hoạn nạn ấy, vua Tự Đức trong tình thế bắt buộc đã phải nghĩ đến việc canh tân đất nước, chấp nhận lắng nghe Nguyễn Trường Tộ và một số quan lại tiến bộ như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Lê Đĩnh... nhưng rốt cuộc ý định duy tân của nhà vua cũng chẳng đi đến đâu.

Ý định duy tân của vua Tự Đức không thành hiện thực vì cả hai mặt khách quan và chủ quan lúc bấy giờ đều bất lợi.

Về mặt khách quan, vùng đất Nam Kỳ trù phú, được xem là vựa lúa quan trọng nhất của cả nước đã mất vào tay Pháp; nền kinh tế nông nghiệp yếu kém, lạc hậu của chế độ phong kiến không thể làm nền tảng cho công cuộc duy tân.

Về mặt chủ quan, nhà vua thực hiện việc duy tân trong tâm thế miễn cưỡng do hoàn cảnh xô đẩy, không có sự chuẩn bị, xây dựng một kế hoạch bài bản lâu dài từ trước; yếu tố quan trọng nữa là nhà vua không có đội ngũ chuyên gia giỏi, có tri thức hiện đại giúp rập như Thiên Hoàng Minh Trị của Nhật Bản, mà xung quanh nhà vua hầu hết là quan lại xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình mang nặng ý thức hệ Tống Nho, giáo điều và bảo

thủ... Tuy trong triều đình có đôi người sáng suốt như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ... nhưng tiếng nói của họ trở nên yếu ớt trước đám đông quan lại thủ cựu, cố chấp.

Vì vậy, triều đình chỉ thực hiện được một số cải cách nửa vời, lẻ tẻ như: Năm Bính Dần (1866), cho chọn khoảng hai mươi người ở các tỉnh Tây Nam Bộ đến Gia Định – lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp – học các nghề kỹ thuật; cho mời linh mục đến kinh đô dịch sách Tây để dạy học trò; năm Mậu Thìn (1868) phái năm người vào Gia Định học chữ Pháp với Trương Vĩnh Ký; năm Kỷ Mão (1879), Nguyễn Thành Ý qua Pháp dự triển lãm đã dẫn theo một số học trò qua học ở trường cơ khí Toulon, v.v...⁽¹⁸⁾

Những cải cách vật vãnh đó, không thể phục hưng đất nước trong hoàn cảnh dầu sôi, lửa bỏng. Và khi sức ép ngoại xâm càng đến gần, thì nhà vua chỉ biết ráo riết cấm đạo và tăng cường phòng thủ như xây dựng thêm đồn lũy ở bờ biển, đúc thêm nhiều súng thần công... nhưng cách phòng thủ, vũ khí cổ lỗ như vậy chỉ có thể ngăn ngừa được cuộc xâm lấn bằng gươm giáo của một đội quân phong kiến lân bang, chứ không thể ngăn chặn được đội quân xâm lược thiện chiến của phương Tây với vũ khí tối tân thời bấy giờ (đại bác, súng trường, tàu chiến...).

⁽¹⁸⁾ *Đại Nam Thực Lục*, tập 7, Sđd, tr. 721.



Nhìn qua nước láng giềng của Việt Nam là Xiêm, ở thế kỷ XIX, điều kiện của Xiêm cũng không hơn gì Việt Nam. Các vua Rama I, II cũng gần đồng thời với Gia Long, Minh Mạng, vì họ không bị ảnh hưởng Trung Quốc, không bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng Tống Nho, nên đầu óc các vua cởi mở, phóng khoáng và có tầm nhìn xa; vì vậy họ đã nhanh chóng chấp nhận mở cửa giao thiệp, buôn bán với phương Tây, từ đó hình thành nền kinh tế thị trường ở vương quốc phong kiến này. Trên nền tảng đó, các vua kế nghiệp về sau như Rama IV, V, cũng gần

đồng thời với Thiệu Trị, Tự Đức, đã có điều kiện thực hiện công cuộc cải cách, phát triển đất nước và kết hợp chính sách ngoại giao khôn khéo nên giữ được độc lập.⁽¹⁹⁾

Thời kỳ Gia Long, Minh Mạng là giai đoạn thuận lợi nhất để duy tân đất nước, nhưng rất tiếc là do bị ràng buộc bởi Tống Nho, nên các vua trở nên thiển cận, thiếu tầm nhìn xa, sùng bái Trung Quốc và khinh rẻ phương Tây là “man di”. Từ đó dẫn đến việc khước từ tất cả các cơ hội giao thương mà phương Tây chủ động đến mời gọi mình. Đến thời Tự Đức thì có nghĩ đến việc duy tân đất nước do hoàn cảnh thúc bách nhưng đã quá trễ, vì không có sự chuẩn bị, nền tảng từ các vua đời trước để lại.

Thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng, cự tuyệt với phương Tây, tưởng như thế là yên ổn nhưng kẻ thù đâu có để chúng ta yên. Triều đình từ chối ngoại giao hòa bình thì họ dùng ngoại giao pháo hạm để chiếm đoạt Việt Nam. Vì vậy việc mất nước ở cuối thế kỷ XIX, là hệ quả tất yếu của việc bỏ lỡ những cơ hội tốt đẹp để canh tân đất nước ở những thập niên đầu của thế kỷ ấy.

CAO VĂN THỨC

⁽¹⁹⁾ Vũ Dương Ninh và Nguyễn Văn Hồng, *Lịch Sử Thế Giới Cận Đại*. Nxb Giáo Dục, 1999, tr. 474-484.

HỘI ĐUA BÒ BẢY NÚI

NGUYỄN THANH LỢI *

Cộng đồng Khơ Me ở nước ta hiện có khoảng 1,3 triệu người.⁽¹⁾ Đồng bằng sông Cửu Long là nơi người Khơ Me tập trung đông nhất. Người Khơ Me phân bố chủ yếu ở hai mươi ba huyện, thuộc tám tỉnh, thành: Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long. Trong đó, tập trung đông nhất ở các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh. Một số ít người Khơ Me cư trú ở các tỉnh Đông Nam Bộ, xen lẫn với người Việt, Hoa, Chăm.

Dựa vào điều kiện địa lý, môi sinh, lịch sử cư trú, người Khơ Me ở Tây Nam Bộ tập trung cư trú ở ba vùng chính: vùng Trà Vinh và một phần Vĩnh Long, vùng ven biển Sóc Trăng và ở Tây Ninh, Kiên Giang và một phần Kiên Giang thì cư trú dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia.

Người Khơ Me sớm biết trồng lúa nước, biết làm thủy lợi trong nông nghiệp, lợi dụng thủy triều để đưa nước vào ruộng, đắp đập giữ nước để rửa phèn cho ruộng. Họ

* Trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương (tại Tp.HCM).

⁽¹⁾ Là 1.260.640 người, theo kết quả điều tra dân số năm 2009 của Tổng Cục Thống Kê (<http://vov4.vov.vn/Mong/gioi-thieu/dan-toc-khmer-cgt2-80.aspx>); “khoảng 1,3 triệu người” (<http://vovworld.vn/vi-VN/sac-mau-cac-dan-toc-viet-nam/dan-toc-khmer-o-viet-nam-397169.vov>)

biết cách giải quyết các vấn đề khó khăn về sức kéo, về các loại công cụ dùng để chuyên chở trên đất giồng dưới đồng ruộng và đất lầy, cách chọn các giống lúa phù hợp với các loại đất cho năng suất cao. Bò là gia súc quan trọng nhất đối với họ.

Do chịu ảnh hưởng từ tín ngưỡng dân gian, đạo Bà La Môn, Phật Giáo Tiểu thừa, nên người Khơ Me Nam Bộ có nhiều lễ hội với các nguồn gốc và tính chất khác nhau: lễ hội truyền thống tộc người, lễ hội bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian, lễ hội bắt nguồn từ Phật Giáo. Các lễ truyền thống tộc người gồm: lễ vào năm mới (*Bon Châul chhanam Thmei*), lễ cúng ông bà (*Pithi sèn Dâunta*), lễ cúng trăng hoặc đốt cốm dẹp (*Bon sâm peah preah khe* hoặc *Ák âm bok*).

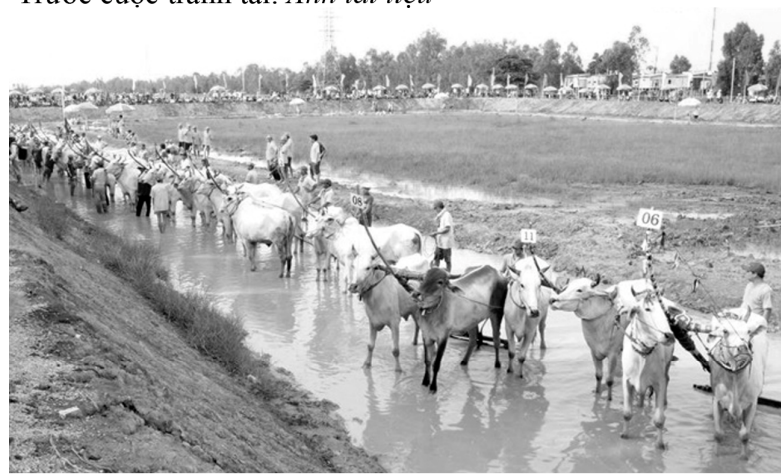
Tri Tôn và Tịnh Biên là hai huyện miền núi của tỉnh Kiên Giang, có dãy Thất Sơn nổi lên trên khu vực đồng bằng giáp biên giới Campuchia, nơi có khá đông đồng bào Khơ Me sinh sống. Nơi đây, ngoài hai ngày lễ hội cổ truyền lớn hằng năm là lễ vào năm mới và lễ cúng ông bà còn có hội đua bò truyền thống vùng Bảy Núi nổi tiếng, một sinh hoạt văn hóa mang đậm màu sắc dân gian.

Xưa kia cứ vào mùa cấy gặt hằng năm, nông dân Khơ Me từ các phum sóc kéo đến cày ruộng cho nhà chùa. Những lúc rảnh rỗi, họ rủ nhau đua các đôi bò để xem bò ai nhanh hơn, khỏe hơn. Vào mùa khô thì đua xe bò

đôi, kéo trên một chiếc xe bánh nhỏ, chạy trên đường đất. Mùa mưa thì đua bằng bừa kéo (không răng) trên nền ruộng xâm xấp nước. Các sư cả của từng chùa đứng ra tổ chức cuộc đua, giải thưởng cho các đôi thắng cuộc gồm phần thưởng tinh thần là sợi dây “cà tha” có lục lạc đeo ở cổ bò. Từ những cuộc đua nhỏ ban đầu đã trở thành ngày hội đua bò truyền thống của đồng bào Khơ Me hằng năm ở vùng Bảy Núi.

Từ năm 1992, chính quyền hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên đã tham gia tổ chức hội đua bò nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp cũng như làm phong phú thêm đời sống văn hóa của đồng bào vùng biên. Hai huyện đã luân phiên tổ chức được hai mươi mốt lần đua bò. Lần đầu tiên tổ chức năm 1992, tại sân chùa Tà Miệt, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, với năm mươi bốn đôi bò đua tham dự. Năm chẵn tổ chức ở huyện Tri Tôn, năm lẻ tổ chức ở huyện Tịnh Biên. Các địa phương khác cũng gửi bò đua đến tham gia như Châu Thành, Thoại Sơn (An Giang), Hòn Đất (Kiên Giang), huyện Kirivông (tỉnh Tà Keo, Campuchia) và cả chủ bò người Kinh. Trong thời gian tới sẽ mời cả các tỉnh có đồng bào Khơ Me tham gia như Bạc Liêu, Cần Thơ, Vĩnh Long... Số lượng đến xem hội đua bò ngày càng đông, lên đến 30.000 lượt khách mỗi năm, có cả du khách nước ngoài. Bắt đầu từ năm 2009, hội đua bò Bảy Núi chính thức được nâng cấp thành lễ hội đua bò Bảy Núi mở rộng tranh Cúp truyền hình An Giang lần thứ nhất tại xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên.

Trước cuộc tranh tài. Ảnh tài liệu



So tài quyết liệt.
Ảnh tài liệu

Và hội được tiến hành vào trước dịp lễ *Đolta* một ngày, tức từ 29 tháng 8 đến mùng 1 tháng 9 âm lịch.

Trường đua là khoảnh ruộng bằng phẳng, xâm xấp nước, gọi là “đua bò bừa” như trường đua ở chùa Tà Miệt có chiều dài 160m, rộng 60m, được trục xới nhiều lần cho có độ trơn của bùn, bốn bên có bờ bao và điểm đích có đoạn đường trống để làm độ dừng an toàn cho bò, khán giả đứng xem ở xung quanh. Mỗi cuộc đua có khoảng 40-50 đôi bò tham gia, như năm 2010 có đến 78 đôi tham gia, trước đó là vòng đấu loại ở cấp cơ sở. Mỗi lần đua, hai đôi bò phải kéo theo một giàn bừa không răng bằng gỗ, chạy trên quãng đường 120 mét, gọi là đua trước-sau, và có hai đích đến để tính điểm thắng, đồng thời để tăng tính hấp dẫn cho đường đua. Thi đấu loại trực tiếp một lần thua. Vào quãng những năm 1980-1985 thì đua song hàng, tức hai đôi bò đua song song nhau. Người điều khiển bò phải đứng vững vàng trên giàn bừa, vừa vung gậy điều khiển bò như đang bừa trên ruộng. Nếu đôi bò nào chạy ra khỏi đường đua rộng 8 mét thì bị loại ngay.

Không khí tranh đua quyết liệt ở từng đường đua ngay từ khi mới xuất phát và càng về cuối thì càng gay cấn. Những đôi bò phóng đi vun vút mang lại sự phấn khích cho khán giả và sự cổ vũ nhiệt tình của khách đến xem càng làm cho không khí ngày hội náo nức. Sau hội đua, giá trị đôi bò thắng cuộc tăng lên rất cao và chủ bò cũng trở thành người nổi tiếng. Hội thi là dịp để các chủ

bò thi thố tay nghề nuôi bò của mình, tài nghệ khéo léo trong việc điều khiển bò trong sản xuất nông nghiệp và thể hiện tinh thần thượng võ trong thi đấu, sự gắn bó đoàn kết giữa hai dân tộc Việt - Khơ Me thông qua việc sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa chung.

Đây có thể nói là hội đua gia súc gắn với việc sản xuất nông nghiệp hết sức độc đáo, có một không hai. Tây Ban Nha có đấu bò hấp dẫn người phương Tây, nhưng đó là đấu trường đẫm máu, nguy hiểm đến tính mạng đấu sĩ. Trung Quốc có hội đua bò của các dân tộc ở cao nguyên Tây Tạng và vùng đồng bằng như hội đua bò ở huyện Ngọc Thụ (tỉnh Thanh Hải) và ở xã Bạch Vu, huyện Tiến Hiền, thành phố Nam Xương (tỉnh Giang Tây), nhưng bò chỉ chạy trên đường đua cùng với chủ bò để về đến đích, làm cuộc đua kém phần hấp dẫn. Indonesia có tổ chức đua bò trên đảo Sumatra với tên gọi “pacu jawi” của bộ tộc Minangkabau ở Padang, đua bò kéo trên ruộng ướt và trên đảo Madura nằm ở ngoài khơi phía đông bắc của đảo chính Java, tiếng địa phương là “Karapan Saki”, với đường đua khô.

Ở góc độ văn hóa nông nghiệp, ngày hội đua bò phản ánh đặc điểm của nền sản xuất lúa nước với việc duy trì sức kéo gia súc. Đối với người Việt “Con trâu là đầu cơ nghiệp” thì đối với người Khơ Me, con bò là gia sản quý giá trong việc nông gia. Riêng huyện Tri Tôn, số lượng bò đã lên đến 21.849 con (năm 2011), trong đó sử dụng cày kéo là 14.190 con. Trong khi đó số lượng trâu chỉ có

588 con với 356 con được sử dụng làm sức kéo.⁽²⁾ Trang trại Biên Giới của tư nhân ở Tri Tôn có lúc nuôi đến 700-800 con bò cung cấp cho thị trường.

Do trên địa bàn huyện Tri Tôn và Tịnh Biên có loại ruộng trên (ruộng gò), cấu tạo bởi phù sa cổ sinh, trên mặt là đất cát pha, đất thịt, dưới sâu là đất sét nên dễ thoát nước sau mùa mưa, dùng máy cày không thuận lợi, nên việc sử dụng bò trong sản xuất nông nghiệp là phù hợp.

NGUYỄN THANH LỢI

TÀI LIỆU THÊM KHẢO

An Giang Non Nước Hữu Tình. Sở Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tỉnh An Giang, 2007.

An Giang Triển Vọng & Cơ Hội Đầu Tư. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, 2003.

Đình Gia Khánh, Lê Hữu Tầng chủ biên, *Lễ Hội Truyền Thống Trong Đời Sống Xã Hội Hiện Đại*. Hà Nội, 1993.

Huyện Tri Tôn Tiềm Năng Và Cơ Hội Đầu Tư (bản thảo).

Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn: Tác giả xuất bản, 1969.

Mia Nguyễn, *Lễ Hội Đua Bò Bảy Núi*, Tạp chí *Heritage*, tháng 8-2012.

⁽²⁾ *Niên Giám Thống Kê Huyện Tri Tôn 2011*. Chi Cục Thống Kê huyện Tri Tôn, 2012, tr. 48.

Nguyễn Mạnh Cường, *Vài Nét Về Người Khơ Me Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa Học Xã Hội, 2002.

Nhiều tác giả, *Địa Chí An Giang*, Tập 2. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Thạch Voi, *Bản Sắc Văn Hóa Dân Tộc Khơ Me Nam Bộ*, Trung Tâm Văn Hóa Tp.HCM, 2001.

Viện Văn Hóa, *Tìm Hiểu Vốn Văn Hóa Dân Tộc Khơ Me Nam Bộ*. Nxb. Tổng Hợp Hậu Giang, 1988.

LẬP ĐÔNG

Thêm chút lạnh
Cóng bờ mong
Tơ trời dường cũng
Mềm lòng giãn ra
Có người
Hong kỷ niệm xa
Quàng khăn mùa cũ
Ước là lập đông.

VÕ VĂN PHO



QUÊ HƯƠNG TUỔI THƠ

Phù sa đắp bãi xây cồn
Và ai trang điểm dáng hồn quê hương
Điệu ngâm giáng kệ thân thương
Gợi lòng tôi những mật đường ngày xưa
Sáng xuân theo mẹ lễ chùa
Tiếng chuông như giục chân đưa bước về
Qua đò bát ngát bốn bề
Sông dài thăm, mắt mãi mê nước trời
Lục bình hoa tím réo mời
Bình minh lan tỏa sáng ngời sông quê
Lên bờ mẹ tắt đường đê
Ôi! Mênh mông lúa, gió về rờn xanh
Sau chùa cò trắng lượn quanh
Chuông ngân quyện gió trong lành dịu tôi
Tôi gặp Phật? Tôi gặp tôi?
Thiênêng liêng ý đạo, tinh khôi nghĩa đời
Thời gian trôi, không gian trôi
Hương quê kỷ niệm trong tôi xa mờ
Đón xuân già, rót xuân thơ
Nụ cười trơ nướu bên bờ nhân gian
Chuông chùa chiều muện ngân vang
Hồn quê ôm bóng trăng vàng gọi ai
Người ơi xuân bắt tái lai.

NGUYỄN DO ĐĂNG

ĐÔNG CHÍ

Ngày đông chí trời mây phơi dải lụa
Vất ngang sông se lạnh bến yên bình
Chút xúng núng ươm má hồng cô gái
Núi nghiêng đầu hôn mát dáng em xinh.

Em qua chợ hỏi giùm anh diêm quẹt
Để đem về sưởi ấm bắc đưng nhen
Khêu sáng lại trái tim chừng mỗi một
Thắm sâu nào thắm lặng nhất dương sinh.

Cho anh được phập phồng hương đất thổ
Cành khảnh khiu chưa vội trút thu phai
Cái nấn ná thẹn thùa thay áo mới
Chờ mầm non còn ngái ngủ trên cây.

Cho anh lại tan vào đêm thánh lễ
Rét căm căm cứu rỗi nụ mai vàng
Anh yên đợi ngàn năm về kêu cửa
Trở dậy ngồi và lòng dậy phúc âm.

Xòe lên nhé, cùng anh cây diêm quẹt
Chuông nhà thờ xin cứ mãi ngân vang
Ngày đông chí qua phùn mưa giá rét
Anh chờ em ở bến đợi xuân sang.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

VIỄN KIẾN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC CỦA NGUYỄN AN NINH QUA TUỒNG HÁT HAI BÀ TRƯNG

CAO VĂN THỨC

Nguyễn An Ninh (1900-1943) là một nhà báo, nhà cách mạng nổi tiếng ở Nam Kỳ vào thập niên hai mươi của thế kỷ trước. Ông viết nhiều sách, báo để lên án chính quyền thực dân Pháp, khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân. Vở tuồng *Hai Bà Trưng* do ông sáng tác đã thể hiện tư tưởng, viễn kiến xây dựng đất nước sau khi nước nhà giành được độc lập.

Vở tuồng *Hai Bà Trưng* do Nguyễn An Ninh sáng tác và xuất bản năm 1928, nhưng bị chính quyền thực dân cấm đoán, thu hồi. Sáng tác này của ông được in lại toàn văn trong sách *Văn Học Việt Nam Nơi Miền Đất Mới* (tập 2) của Nguyễn Q. Thắng (Hà Nội: Nxb Văn Học, 2007).

Nội dung vở tuồng viết về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 Công Nguyên. Mặc dầu viết về một đề tài lịch sử xa xưa, nhưng tác phẩm mang dáng dấp, hơi thở của thời kỳ hiện đại. Vở tuồng hát có tất cả tám chương, đặc biệt ở chương bảy với nội dung hoàn cảnh nước nhà vừa mới giành được độc lập, Nguyễn An Ninh đã thể hiện tư tưởng, viễn kiến xây dựng đất nước của mình.

Theo Nguyễn An Ninh thì một nhà nước Việt Nam

mới, được xây dựng sau khi giành độc lập, buổi đầu sơ khai còn chứa nhiều yếu kém. Ông đã nêu ra một số khuyết điểm cốt lõi như sau:

Những người lãnh đạo không đủ sức thấy xa, xét xa

Theo Nguyễn An Ninh, sau khi đấu tranh giành độc lập rồi thì khi những người lãnh đạo cuộc kháng chiến lên chấp chính, nắm chính quyền. Ở trên ngôi vị lãnh đạo đất nước, một số lớn có tâm lý thỏa mãn với những chiến thắng trong quá khứ và thường nảy sinh tâm lý kiêu căng, hưởng thụ tạm bợ. Điều này được thể hiện qua sự bần khoản, trăn trở của nhân vật Trưng Nhị khi giải bày tâm sự với nhân vật Lý Định: “... họ không đủ sức mà thấy xa, mà xét xa. Người nghèo mới được một cái nhà tranh thì vui vẻ hớn hở. Mình là tay thợ cấy nhà, mà mình không dám chắc rằng nhà tranh ấy chịu nổi với gió giông, làm sao cho mình vui vẻ như họ được?” (Sách đã dẫn, tr. 47)

Ở một đất nước nông nghiệp lạc hậu, sau khi đánh đuổi ngoại bang, lên nắm chính quyền hầu hết là những con người xuất thân từ nông dân nghèo khổ, vì vậy tư duy, tầm nhìn của họ thiển cận, hẹp hòi, không thể “*thấy xa, xét xa*” được trong việc trị quốc, ngược lại chỉ “*vui vẻ hớn hở*” với những gì mình vừa giành được. Những người lãnh đạo không có tầm nhìn xa trông rộng, vội vàng thỏa mãn với những thắng lợi trước mắt nên

không thể có khả năng làm cho dân giàu, nước mạnh, đủ sức đề kháng với nạn ngoại xâm. Một đất nước muốn phát triển thì lãnh đạo phải là những người xuất thân từ tầng lớp có thực học, tri thức và có hoài bão, viễn kiến xây dựng, là những “tay thợ cắt nhè” chuyên nghiệp theo cách ví von của Nguyễn Trăn Ninh.

Người dân không biết quý trọng quyền tự do của mình

Nguyễn Trăn Ninh đã nhận xét rất xác đáng, thông qua lời nhân vật Trưng Nhị về ý thức tự do của dân Việt Nam: “*Dân Việt Nam không phải vì quý trọng cái quyền tự do của mình mà đánh đuổi thẳng Tàu. Đánh đuổi thẳng Tàu là vì bị nó hà hiếp thối quá. Nếu còn có thể thở được, thì chắc là dân Việt Nam không có vùng vẫy làm gì. Ngày nay em cũng còn chưa chắc rằng dân Việt Nam biết quý trọng quyền tự do của mình.*” (sđd., tr. 47-48)

Đúng như lời Nguyễn Trăn Ninh nhận xét, trình độ dân trí nước ta rất là thấp kém. Một đất nước nông nghiệp, dân chúng đại đa số là nông dân thất học, kém hiểu biết, vì vậy họ nổi lên phản kháng kẻ thù cũng chỉ đơn thuần là do chúng “*hà hiếp thối quá*”, chứ nếu chính quyền đô hộ nói nhẹ sự bóc lột một chút, người dân “*còn có thể thở được*” thì chắc chắn dân nước mình sẽ sống yên phận nô lệ. Do trình độ dân trí thấp kém, họ không hiểu được khái niệm Tự Do thiêng liêng của mỗi cá nhân con người, của mỗi dân tộc và vì vậy lẽ đương nhiên là họ

không “*biết quý trọng quyền tự do của mình*”.

Nguyễn Trăn Ninh đã cảnh báo sự nguy hại này: “*Dân Việt Nam không biết yêu quý cái quyền tự do của mình, ấy là điều đại hại cho vận mạng nước nhà về sau... Nếu không suy xét kỹ, tưởng nó là nhẹ, rồi không để ý đề phòng thì mỗi việc thành linh nó đến cho mình là một điều tai họa... Không lẽ nào nước Tàu để cho nước Việt Nam vượt khỏi tay nó mà nó không lo cướp lại... Mà dân Việt Nam vùng quăng cái ách của mình được rồi thì bộ như không còn lo sợ cho mình còn phải bị mang ách nữa.*” (sđd., tr. 48)

Từ chỗ không ý thức được giá trị của Tự Do, trách nhiệm xây dựng và gìn giữ sự Tự Do, nên người dân nước mình sẽ bằng lòng, tự thỏa mãn với những gì mình đã có được, thiếu sự lo xa. Đó là một trong những sự nguy hại vì sẽ dẫn đến sự suy vong của đất nước, không đủ nội lực để chống đỡ trước hiểm họa ngoại xâm luôn luôn rình rập.

Sử dụng bọn quan lại người Việt phục vụ chính quyền đô hộ trước kia

Một trong những yếu tố nguy hại cho chế độ mới là do buổi đầu thành lập, thiếu người làm việc trong các cơ quan, công sở nên phải sử dụng lại những người Việt đã từng cộng sự, phục vụ trong chính quyền đô hộ của ngoại bang trước đây. Tuy không phải tất cả nhưng đa số những người đã từng phục vụ cho ngoại bang đều có

óc vụ lợi, giữ chức quyền chỉ mục đích là tham nhũng đục khoét, để vinh thân phì gia. Nguyễn Văn Ninh đã nhận xét về đám người này bị tha hóa này: *“Mình lại dùng bọn quan lại lúc trước làm quan cho Tàu... dùng bọn đã có nhiệm những thói tục của quan lại Tàu mà trị dân như trước, thì cũng không có sửa đổi gì mấy.”* (sđd., tr. 48)

Từ việc chỉ ra những mối nguy hại của một nhà nước vừa được xây dựng sau khi giành độc lập, Nguyễn Văn Ninh đã đưa ra những biện pháp để kiến thiết nhà nước mới:

Phải làm pháp luật để chế ngự bọn quan tham

Ông viết: *“Dùng thì phải dùng rồi. Nhưng mà mình phải tính cho bọn ấy là bọn dùng tạm. Mình phải làm luật pháp để kèm buộc chúng nó phải sửa đổi, phải y hợp với thời nay”* (sđd., tr. 48); như vậy theo ông thì buổi đầu do còn thiếu người làm việc nên phải dùng tạm những công chức, quan lại cũ nhưng phải soạn ra pháp luật để có biện pháp ràng buộc, chế tài, không cho chúng làm bậy, sách nhiễu nhân dân. Và đồng thời phải nhanh chóng đào tạo quan lại, đội ngũ công chức mới để thay thế dần đám quan lại, công chức cũ: *“Mình phải lo cho có một bọn quan lại mới, đặng đuổi lần bọn quan lại cũ đi”*. (sđd., tr. 48) Một bộ máy hành chính lành mạnh thì phải đào tạo được một đội ngũ công chức mới, có tinh thần phục vụ cho nhân dân.

Phải lo giáo hóa đám thanh niên là chỗ sở cậy ngày sau

Tuổi trẻ là rường cột của đất nước, vì vậy theo Nguyễn Văn Ninh thì sau ngày giành được độc lập, nhà nước mới phải có chính sách đào tạo, bồi dưỡng mà ông gọi là “giáo hóa” để họ có năng lực và phẩm chất đạo đức để góp phần xây dựng đất nước mai sau, tránh sự kiêu ngạo nguy hại thường mắc phải ở tuổi trẻ sau khi vừa gặt hái được những thắng lợi ban đầu: *“Mấy cậu thanh niên, mới vừa lấy nước lại được, thì sẽ kiêu ngạo, tưởng nước mình ngày nay không còn sợ ai, ngang mặt với nước Tàu... Mấy cậu cứ nhắc mãi rằng mình là con rồng cháu tiên không sợ rằng kẻ nào kiêu ngạo làm sao cũng gặp kẻ kiêu ngạo hơn, cũng như đứa tham nhỏ phải mắc đứa tham lớn vậy.”* (sđd., tr. 48) Muốn có được những thế hệ trẻ làm rường cột cho nước nhà thì giáo dục đóng một vai trò rất quan trọng.

Làm cho xã hội Việt Nam không còn bất công, tàn ác như thời nô lệ

Bên cạnh việc chú trọng xây dựng bộ máy hành chính lành mạnh, một nền giáo dục độc lập, Nguyễn Văn Ninh cũng chú trọng việc giải quyết những mâu thuẫn xã hội tồn đọng từ thời kỳ nô lệ: *“Làm sao lo giữ gìn cái quyền tự do của mình đây, lo cho khỏi làm trâu ngựa cho người ta? Đã bị người áp chế, đã có đau khổ vì những việc bất công tàn ác, thì phải làm sao trong xã hội Việt Nam ngày*

nay không còn những sự bất công, những điều tàn ác như trước nữa. Tôi muốn cho mấy triệu người Việt Nam lo gìn giữ, cày cấy, khai phá đất nước của ông bà để lại, cùng khổ nhọc, cùng vui hưởng với nhau như con một nhà.” (sđd., tr. 48-49)

Nguyễn Ɣn Ninh, một trí thức thông tuệ và tiến bộ, bằng sự tiên cảm của mình đã nhận thấy rằng một đất nước độc lập nhưng không có tự do thì những bất công, tàn bạo của thời kỳ mất nước, nô lệ vẫn tồn tại dai dẳng trong xã hội. Theo ông, phải có một xã hội dân chủ, giá trị tự do được tôn vinh thì mới mong xóa được những bất công, mang lại hạnh phúc thực sự cho nhân dân, từ đó cả dân tộc mới có thể đồng cam cộng khổ làm cho đất nước được phú cường, bảo vệ được cơ đồ do cha ông để lại cho con cháu mai sau.

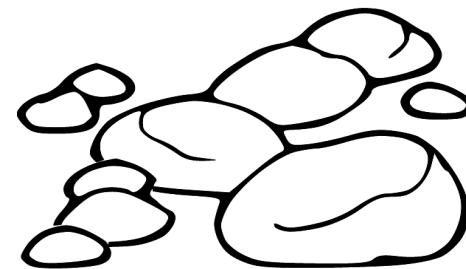
Vở tuồng *Hai Bà Trưng* của Nguyễn Ɣn Ninh viết năm 1928, cách đây non một thế kỷ, thời kỳ nước nhà đang còn dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Tuy bối cảnh lúc đó, đang còn phải đấu tranh gay go với mục đích cấp thiết là giành độc lập dân tộc, thì Nguyễn Ɣn Ninh đã nhìn xa tới vấn đề xây dựng đất nước sau khi cách mạng thành công. Những suy tư, trăn trở của nhà yêu nước Nguyễn Ɣn Ninh thể hiện qua vở tuồng *Hai Bà Trưng*, đã để lại những bài học bổ ích cho hậu thế.

CAO VĂN THỨC

NGHE BẰNG TIM

Đâu chỉ ở lứa đôi
Mới nghe được thao thức bằng tim
Ɣnh em chúng ta cùng Cha
Sẽ chia những ấm lạnh, nỗi chìm
Lẽ nào sự thấu cảm
Không bằng con tim *lẽ thật*
Câu *hằng sống, yêu thương* ngọt mật
Bản ngã, tư tâm khuynh đảo cả rồi
Hy vọng để bồi hồi
Và hạt hằng tim càng thấm thía.
Nhưng sẽ chẳng mất gì đâu
Cánh cửa đạo-đời vẫn còn bao ý nghĩa
Khi tim truyền qua tim
Tràn hơi ấm Ơn Thầy
Thôi hãy gác nỗi buồn
Xắn áo chung tay
Vai kề vai cùng gánh vác
Vượt qua khó khăn, ghềnh thác
Nhất định, nhất định
Ngày không xa
Ta sẽ đón trời hồng.

VÕ VĂN PHO



NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ BÁN HÀNG RONG ĐẠP XE QUA PHỐ

ĐÔNG NHÂN

Mùa Đông năm ấy, lần đầu tiên tôi đặt chân tới Hà Nội, nhân một chuyến công tác cho nhà trường. Buổi sáng đầu tiên bước ra khỏi khách sạn, tôi bắt gặp hình ảnh vài phụ nữ đạp xe chở hoa tươi đi bán dạo trên phố còn thưa người. Đẹp quá!

Sáng hôm nay, Sài Gòn mát nhiều, “dạo” qua Internet bên cốc cà phê đen không đường quen thuộc, tình cờ tôi được thưởng thức một tản văn rất thi vị của ĐÔNG NHÂN, và gợi nhớ hình ảnh tôi bắt gặp lần đầu khi xưa. Thoắt đó mà đã hai mươi bảy, hai mươi tám năm!

Tôi chân thành tạ lỗi với tác giả vì không biết địa chỉ để trân trọng xin phép đăng lại bài viết rất hay và hai hình ảnh rất đẹp mình họa nơi đây. Vì mục đích phi lợi nhuận của Văn Uyển, rất mong và tin rằng tác giả ĐÔNG NHÂN hoan hỷ lượng thứ.

(H.Kh., 19-8-2017)

Những năm tháng xa xưa, khi sống ở nông thôn, những ngày đổi mùa thực sự là những ngày để lại trong

ta những hình ảnh, âm thanh và hương vị không thể nào quên được.

Một buổi sáng tinh dậy bước ra khỏi ngôi nhà, ta thấy mùa mới đã về có lúc reo vang, có lúc thì thầm... trong mỗi góc vườn, trên những vòm lá, trên mặt đầm nước, ngoài cánh đồng, phía chân đê, trên bầu trời...

Có khi chỉ là một sắc lá chợt đổi màu trong vườn, một tiếng chim khe khẽ trong lá thẫm, một tiếng côn trùng bắt chọt trong đêm, những tiếng mưa nhè nhẹ, gần xa... Bây giờ sống nơi đô thị bị vây hãm bởi những khối nhà bê tông, những dòng lũ của người và xe và bị cuốn chìm vào đủ thứ công việc, những khoảnh khắc đổi mùa như thế hình như đã không còn reo vang trong ta nữa.

Ta không còn thấy thời gian đổi mùa qua những khu vườn, những âm thanh, những đầm nước và bầu trời. Nhưng may thay, có một thứ vẫn làm ta nhận ra một mùa mới đã đang đến. Đó là những người bán hàng rong. Họ xuất hiện và làm cho ta nhận ra một mùa mới đã đến.

Ta luôn nhớ vào những ngày cuối năm thường có gió lạnh và mưa phùn ẩm ướt. Đường phố như được “nhân bản” người và xe lên gấp mấy lần. Mọi người như đang chạy đua đến kiệt sức về ngày cuối cùng của năm cũ.

Cũng là ngày cuối năm ấy sao trước kia ta cảm thấy một điều gì đó ấm áp và rạo rức đang tràn về cho dù lúc đầu thật mơ hồ. Nhưng bây giờ ta bỏ quên vẻ đẹp ấy, ta

bị mọi thứ “ích lợi” ngăn ngui xâm chiếm và làm cho lòng ta chẳng bao giờ êm đềm và xao xác nữa.

Vào những ngày này, có biết bao việc làm người ta tưởng như chẳng có thể ngược được mắt lên. Và vào một buổi sáng nào đấy, khi ta đang ngồi uống ly cà phê cũng rất vội vàng để rồi lại chạy âm âm trên đường như bị giặc đuổi thì một người đàn bà bán hàng rong đạp xe thông thả đi qua ta.

Phía sau chiếc xe là những cành đào khắng khiu đã chớm nở một vài bông. Hơi ấm và tiếng xao động của những ngọn gió xuân từ đâu đó trên những cánh đồng bên kia sông Hồng chợt lùa về thành phố.

Có thể sự thật lúc đó chỉ là cảm giác của ta về một mùa xuân đang đến, có thể đó chỉ là ký ức được vùi sâu và lúc đó nhờ những cành đào kia đánh thức. Và chẳng thể nào khác được, lòng ta bỗng vang lên một tiếng reo khe: “Đã mùa xuân...”

Những ồn ào, chen chúc, vội vã, mệt nhọc... chợt tan biến trong buổi sáng ấy. Lúc đó, ta muốn gọi thêm một ly cà phê nữa. Ta muốn bỏ lại phía sau mọi thứ để nhìn theo người đàn bà bán hàng rong chở những cành đào nhỏ đang vừa trôi vừa lan tỏa trên đường phố.

Vừa mới trước đó, ta còn đang chìm trong những cảm giác nặng nề của giá lạnh và những công việc quá nhiều phù phiếm và áp đặt, thì ngay sau đó mùa xuân lớn lao đã tràn ngập tâm hồn ta. Người đàn bà bán hàng rong

kia là người đầu tiên cho ta biết mùa xuân đã đến.

Hằng năm, ta có một thói quen ngồi uống cà phê buổi sáng ở quán vỉa hè để chờ đợi người đàn bà bán hàng rong chở những cành đào mới chớm nở vài bông sau chiếc xe đạp cũ. Và chỉ khi người đàn bà ấy xuất hiện, ta mới thấy mùa xuân thực sự đã về.

Rồi đến một ngày, khi những bông loa kèn hiện ra sau chiếc xe đạp cũ ấy đang trôi dọc một con phố. Lúc đó, những cảm giác về mùa hạ mới vang lên. Trong tiếng vang lạng lẽ ấy có tiếng sấm vọng từ một dãy núi xa, có tiếng cơn mưa trên những mái ngói còn sót lại của thành phố này, có tiếng cá quẫy vật đẽ ngoài mép nước sông Hồng và sự nức hương thơm của những loài hoa mùa hạ.

Có lúc, cho dù bị khiển trách hay một cái lườm khó chịu của thủ trưởng và giọng nói mỉa mai của một đồng nghiệp thì ta vẫn cho ta quyền đến cơ quan muộn hơn những ngày khác.

Ta phải được chìm vào trong ký ức về những mùa hạ xa xôi trong đời mình để được đón những cơn gió mùa hạ, được đi dưới cơn mưa đầu hạ, để được nghe tiếng sấm rền vang một chuỗi dài như kéo từ chân trời xa lại, được chìm trong cây lá xanh biếc trong vườn và hương hoa vừa nở sau mưa, để được nghe tiếng ếch nhái kêu vang vọng nước dọc đầm nước và ao làng và bắt đầu trong những vòm cây tiếng bầy ve thức dậy....



TẬP TRINH / ĐÌNH DŨNG - 147



148 - ĐÌNH DŨNG VĂN UYÊN 24

Ta sẽ thông thả bước đến bên người bán hàng rong và mua một bó lớn loa kèn, rồi thông thả bước về cơ quan, cắm bình loa kèn trong phòng làm việc.

Như thế, cả mùa hạ ấy luôn âm vang trong ta những giai điệu mạnh mẽ và nồng nàn. Tất cả những cảm xúc ấy làm cho ta muốn làm một điều gì đó thật nồng nhiệt, thật sâu sắc và đắm mê. Và những thăng hoa bất ngờ ủa đến trong công việc của ta. Bởi chỉ khi tâm hồn mở rộng cánh cửa thì những điều đẹp đẽ và mới lạ mới ủa vào.

Rồi đến một ngày, những bông cúc như những đóa mây vàng trôi sau những người đàn bà đạp xe dọc các con phố buổi sáng chợt làm cho thành phố vốn chật chội và ngạt thở bỗng mở ra và mở ra menh mang, bầu trời chợt xanh thắm và xa xôi... và những ngày mùa thu đẹp nhất trong năm đang khẽ khàng lan vào mọi ngõ phố.

Ta lại muốn uống thêm một ly cà phê, lại muốn nhắn một cái tin lãng mạn cho một ai đó, hoặc hai ai đó mà chẳng nghĩ mình là kẻ đa tình. Mùa thu đang lộng lẫy thế kia chẳng lẽ lòng ta đóng sập mọi ô cửa tâm hồn mình.

Và rồi lại đến mùa đông...

Cứ thế và cứ thế, những người đàn bà bán hàng rong đối với ta là hình ảnh luôn mang theo cảm giác nao nức và xốn xang lạ thường. Và ta gọi họ là NHỮNG NGƯỜI BÁO MÙ❶.

Với ta, chỉ khi họ xuất hiện thì mùa mới bắt đầu xuất hiện. Ngay cả khi vẫn còn chút lạnh vương lại của mùa

đông thì những chiếc xe đạp chở những đóa loa kèn hiện ra, lòng ta đã rộn vang âm thanh mùa hạ.

Mấy năm trước đây, thành phố cấm hàng rong. Ta đã rất ngạc nhiên về lệnh cấm này. Cho dù cấm hết hàng rong thì thành phố này cũng không thể nào thông thoáng được khi quy hoạch thành phố và quản lý thành phố với cách lâu nay vẫn làm.

Hình như những người đưa ra quyết định cấm hàng rong đã không biết quản lý một đô thị lớn như thế nào và đặc biệt là không biết cảm nhận một vẻ đẹp của những người bán hàng rong đã làm nên phong vị của Hà Nội. Nhưng thật may mắn khi lệnh cấm đó đã không thực hiện nữa.

Và thế, ta lại có những khoảnh khắc lạ kỳ vang lên trong lòng và làm ta trở nên thanh bình hơn, yêu thương hơn, rộng lượng hơn và thân thiết hơn với những gương mặt của người qua đường mà thường là cả đời không gặp lại nữa. Những khoảnh khắc thanh bình, yêu thương, rộng lượng và thân thiết lạ kỳ ấy được làm nên bởi NHỮNG NGƯỜI BÁO MÙ❶.

ĐÔNG NHÂN

* Chớ bao giờ đánh mất cơ hội để thấy bất kỳ thứ gì xinh đẹp, vì vẻ đẹp là nét chữ của Thượng Đế. / *Never lose an opportunity of seeing anything beautiful, for beauty is God's handwriting.* **R.W. Emerson** (1803-1882, Mỹ)

✉ **Hiền hữu Sử Kiến Nguyễn.** Điện thư ngày 21-5-2017:

Văn Uyển có thể cung cấp những tài liệu ảnh chụp điện tín phúc đáp về việc an táng Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh tại Tòa Thánh Tây Ninh, ảnh của Giáo Sư Thượng Latapie Thanh, văn thư thôi việc giao thiệp với chánh quyền của Quyền Đầu Sư Thượng Trương Thanh, danh sách các thánh thất buổi đầu nền đạo cũng như một số văn thư của đạo buổi đầu được không ạ? Xin trân trọng cảm ơn.

Ban Ấn Tống: Chào hiền hữu, về các câu hỏi của hiền hữu, chúng tôi rất tiếc không sẵn có đủ tài liệu trong tay.

1. Riêng về “văn thư thôi việc giao thiệp với chánh quyền của Quyền Đầu Sư Thượng Trương Thanh”, chúng tôi không có trọn văn bản, chỉ tìm được một đoạn ngắn trích từ hai trang 283 và 285, trong *LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI* (quyển II), do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo liên kết Nxb Tôn Giáo ấn tống (Hà Nội, 2008), nguyên văn như sau:

Ngày 1-4-1933, Ngài Quyền Đầu Sư Thượng Trương Thanh gửi đạo thơ số 54 cho Thống Đốc Nam Kỳ, đạo thơ có đoạn: “J’ai l’honneur de venir très respectueusement vous faire connaître qu’à partir du 1er Avril 1933 je ne

GIÓ BỐN PHƯƠNG

*Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8*

représente plus le Caodaïsme en Cochinchine.

Élevé à la dignité de Đầu Sư, je ne m’occupe plus, de par mes nouvelles attributions que des questions spirituelles.

Le successeur de mon ancien poste sera choisi ultérieurement par le Sacerdoce et porté à votre connaissance par les soins du Supérieur du Caodaïsme, Monsieur Lê Văn Trung.”

Tạm dịch: “Tôi trân trọng thông báo với Ông rằng kể từ ngày 1 tháng Tư năm 1933 tôi không còn làm đại diện cho đạo Cao Đài tại Nam Kỳ.

Thăng lên phẩm vị Đầu Sư, tôi chỉ còn lo phần thiêng liêng cho Đạo mà thôi.

Người kế vị tôi sẽ do Hội Thánh chọn và Ông Lê Văn Trung, người lãnh đạo đạo Cao Đài, sẽ thông báo cho Ông biết.”

2. Bên cạnh là ảnh tiền bối Thượng Giáo Sư Léopold Latapie.

Tiền bối sanh năm 1885, quy thiên ngày 07-8 Giáp Tuất (Thứ Bảy 15-9-1934),



được an táng tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Sau khi chánh quyền giải tỏa nghĩa trang để làm công viên Lê Văn Tám (quận 1, TpHCM), chúng tôi chưa biết tiền bối được cải táng về đâu.

Nếu hiền hữu may duyên tìm được các tài liệu đã hỏi (mà chúng tôi hiện chưa có), rất mong hiền hữu hoan hỷ chia sẻ lại với Văn Uyển. Cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn lành đến hiền hữu.

*

✉ **Hiền tỷ Ngọc Sương.** Thư Bình Phước ngày 07-6-2017:

Đọc Sống Đẹp Là Sống Đạo (quyển 105-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo), thấy ở trang 123 viết: “Để cảm hóa tù nhân, trong hai mươi một năm làm giám ngục (1920-1941), Lawes giúp họ lập đội bóng Những Con Cừu Đen (Black Sheep) với trình độ gần như chuyên nghiệp.” Tại sao lại lấy tên là “cừu đen”? Kính nhờ Văn Uyển vui lòng giải thích.

Huệ Khải: Thưa hiền tỷ, ở trang 52 quyển *Nhịp Cầu Tương Tri* (Nxb Tôn Giáo 2013, quyển 42-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống), tôi viết:

“Trong một bầy cừu trắng tình cờ có một con lẻ loi sanh ra mang bộ lông đen vì cái mà di truyền học gọi là tính lặn (recessive trait). Khi làm len thì lông cừu đen không thể nhuộm màu được như lông cừu trắng, do đó lông cừu đen bị chê vì không có giá trị thương mại. Người

Anh thế kỷ 18, 19 xem cừu đen như một dấu hiệu của quỷ sứ. Về sau, trong tiếng Anh, cừu đen (black sheep) là thành ngữ (idiom) diễn tả một phần tử bị cộng đồng, phe nhóm, tập thể, gia đình... cho ra rìa, bị phân biệt đối xử.”

Đội bóng nhà tù mang tên *Những Con Cừu Đen* để ngụ ý rằng những người tù là phần tử bị xã hội xa lánh, chối bỏ...

*

✉ **Hiền hữu Ngô Văn Biên.** Điện thư ngày 10-6-2017:

Là một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, qua lời giới thiệu của đồng đạo, tôi có vào daidaovanuyen.blogspot.com, và thấy blog có trích đoạn văn này của ông Lâm Võ Hoàng:

“Khi Thủ Tướng Chính Phủ ký quyết định cho phép Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo hoạt động hành đạo công khai trở lại, tôi là một trong những người vui mừng nhất (...). Đức Thầy vắng mặt, nền đạo chuyên lo tu hành vẫn tiếp tục tồn tại. Với sức sống âm thầm bền bỉ, gắn liền với sức bật của đồng bằng sông Cửu Long, nền đạo biểu hiện khả năng thích nghi dẻo dai phi thường với mọi hoàn cảnh: rộng càng tốt, hẹp không sao, thất tới đâu chịu cũng thấu, mỗi người cứ sống theo tâm đạo, và với niềm tin của riêng mình, ai sao mặc ai, mọi việc có Phật Trời chứng giám.”

Là môn đồ của Đức Thầy, tôi cảm động thấy ông Lâm Võ Hoàng viết ra như vậy. Kính nhờ Đại Đạo Văn Uyển vui lòng cho tôi biết Lâm tiên sinh là ai?

Huệ Khải: Thừa đạo hữu, trong *Nhịp Cầu Tương Tri* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2013, tr. 221, quyển 42-2 của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo) có ảnh ông Lâm Võ Hoàng như dưới đây:



Thánh thất Bàu Sen (Giáng Sinh 2007). Từ trái sang: Đh Đạt Truyền (*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo*), Đh Lâm Võ Hoàng (*hiển sinh Đan Viện Biển Đức Thiên Phước, Thủ Đức*), Đh Phaolô Giang Quốc Chung (*báo Công Giáo và Dân Tộc*), Đh Đạt Linh (*Chánh Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen*).

Một thân hữu của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống là thầy Tú Đoàn (có thể nói là bạn vong niên và hàng xóm lâu năm của ông Lâm Võ Hoàng) cho tôi biết như sau:

Trước tháng 4-1975, ông Lâm Võ Hoàng làm việc ở

Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín (Sài Gòn), sống độc thân tại cư xá của ngân hàng này tọa lạc ở đường Thoại Ngọc Hầu, Gia Định (nay là đường Phạm Văn Hai, phường 1, quận Tân Bình). Những người khác, ngoài giờ làm việc, có thể chơi tennis (sân lập ngay trong cư xá), đi xem phim, nhà hàng... nhưng ông Hoàng lại dành thời giờ nói chuyện với thể hệ sau, tuy chẳng có nhiều thanh niên “đồng thanh khí” để ông trò chuyện.

Đời ông trải qua nhiều thăng trầm: chuyên viên ngân hàng, sĩ quan (bị động viên), thứ trưởng thương mại... Sau tháng 4-1975, ông đi tập trung cải tạo, mất hết nhà cửa (vì ông sống độc thân, ngôi nhà trở thành vắng chủ). Khi mãn hạn cải tạo trở về, ông đến tá túc nhà người em (đường Hồ Xuân Hương, quận 3). Sau đó, ông tham gia “Nhóm Nghiên Cứu Chuyên Đề Kinh Tế Của Thành Ủy” (do ông Võ Trần Chí, bí thư Thành Ủy, chánh thức thành lập năm 1986 tại Tp.HCM). Nhóm này thường được gọi là “Nhóm Thứ Sáu” vì các thành viên gặp nhau định kỳ vào chiều Thứ Sáu hàng tuần. Về sau nữa, ông Hoàng tham gia Tổ Tư Vấn Cải Cách của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt (từ năm 1993)...

Thủ Tướng Võ Văn Kiệt bình sinh rất quan tâm hoàn cảnh khó khăn của giới trí thức Sài Gòn, hết lòng giúp đỡ nên một số vị lần hồi đã được trả lại nhà cũ. Riêng ông Hoàng dù có điều kiện thường gần gũi Thủ Tướng, nhưng không hề “tranh thủ” cơ hội để lấy lại nhà cũ.

Ông Lâm Võ Hoàng tâm sự với người thân quen rằng

ông “tay trắng” nhưng “lòng thanh” là nhờ đức tin tôn giáo. Ông coi thời gian đi tập trung cải tạo là vào một “trường chuyên” do Chúa gởi ông đến để học bổ túc những gì còn thiếu sót trong chương trình đào tạo trước đây – đó là đói rét, lao động cực nhọc, thiếu thốn mọi thứ, lòng lân tuất chia sẻ nhường nhịn với mọi anh em đồng cảnh.

Hành trình đến với đức tin Công Giáo của ông cũng lạ: Mẹ ông theo đạo Hòa Hảo, khai mở tâm đạo cho ông là những bài sấm giảng; cha ông theo đạo Cao Đài và ông rất say mê hầu đàn nghe cơ bút giảng dạy. Rồi một hôm, ngồi học bài ở công viên, ông gặp một nữ bác sĩ quân y người Pháp, bà này khuyên ông đến nhà thờ Mỹ Tho gặp cha phó xứ (thuộc Hội Thừa Sai Paris). Ông bắt đầu đến với đức tin Công Giáo như thế.

Hiện nay ông Lâm Võ Hoàng đã ngoài bát tuần, là hiến sinh đang tu dưỡng tại Đan Viện Biển Đức Thiên Phước (thuộc Đan Hội Subiacô, gốc bên Ý), số 18 Đường Số 7, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, TpHCM. Ông sức khỏe tốt, chỉ phiền thính lực suy giảm do tuổi tác.

Huệ Khải vài lần có gặp ông Lâm Võ Hoàng trong dịp báo Công Giáo Và Dân Tộc họp mặt cộng tác viên. Qua trò chuyện, tôi thấy rõ ông là người đạo đức, sẵn tình thần liên tôn từ bé (sinh trưởng trong gia đình liên tôn: mẹ Hòa Hảo, cha Cao Đài). Qua thông tin do thầy Tú Đoàn kể, qua báo chí tường thuật nhân kỷ niệm “ba mươi năm của Nhóm Thứ Sáu” (1986-2016), v.v... tôi

cảm nhận rõ thêm ông Lâm Võ Hoàng là người có tài và có tâm, nặng lòng phụng sự dân tộc và không cầu tư lợi. Ông là một nhà tu nhập thế, dẫu lao đao với thế sự mà trước sau vẫn trong sạch và thanh thản, để rồi khi việc xong, chí thỏa, ông nhẹ nhàng trở gót vào đan viện, dành hết những năm tháng cuối đời bên Chúa. Con người ấy, nhân cách ấy, cao quý biết bao!

*

✉ **Hiền huynh Bùi Tấn Nhã.** Điện thư ngày 14-6-2017:

(...) Riêng với Huệ Khải tiên sinh, tôi cũng chưa có cơ duyên hạnh ngộ, nhưng đã đọc nhiều tác phẩm của ông, như Giải Mã Truyện Tây Du, chuyên mục liên tôn trên báo Công Giáo Và Dân Tộc, một số sách về đạo Cao Đài xuất bản sau năm 1975. Nhưng ấn tượng đọng lại trong tôi là bài phát biểu, tại hội trường Bảo tàng Phụ Nữ Nam Bộ nhân đại lễ Khai Đạo Phật Giáo Hòa Hảo 18-5. Tôi không có mặt hôm ấy, và nhờ cô Kim Thoa (Trưởng Ban Đại Diện Phật Giáo Hòa Hảo tại Tp.HCM chuyển cho video clip đại lễ, nhờ vậy mà nghe tiếng và thấy người, cùng toàn văn bài phát biểu. Có thể nói bài văn này đã chinh phục tất cả người nghe, trong ấy có tôi. Khi nhắc đến đây, tôi vẫn nhớ như in, giọng nói từ hòa, trầm ấm, với một văn phong minh triết, nhưng vô cùng khiêm tốn, tiên sinh Huệ Khải đã làm cho tôi xúc động và ngưỡng mộ tột cùng, khi đã “thay lời muốn nói” cho cộng đồng Phật Giáo Hòa Hảo, rằng sự công nhận Phật Giáo Hòa Hảo, dù muộn màng

nhưng vẫn tốt, chỉ có điều, thừa nhận Đức Huỳnh Giáo Chủ là nhà yêu nước thì vẫn chưa đúng vị trí của Đấng cứu thế, Đấng tiên tri...⁽¹⁾ Nói ra điều này hẳn là Huệ Khải tiên sinh muốn có sự khách quan, công bằng cho Phật Giáo Hòa Hảo. Mặc dù ông thừa biết vị Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo đã vượt qua cái bản ngã phàm nhân, khi mà Ngài xưng hiệu Khùng Diên và nói “Mặc tình thế sự kêu thẳng hay ông”, nhưng tấm lòng mà ông dành cho Phật Giáo Hòa Hảo hôm nay càng sâu đậm hơn

Được biết anh Chánh là bạn thân của tiên sinh Huệ Khải, xin phép được qua anh mà chuyển đến ông lời biết ơn chân thành nhất của một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo ở miền Tây.

Thánh Địa Hòa Hảo, mùa đại lễ 18-5 Đinh Dậu, 2017.

Bùi Tấn Nhã, kính bút.

Huệ Khải: Kính thưa Bùi tiên sinh, sau đây tỳ đệ xin gọi tiên sinh là hiền huynh cho thân mật, như cách xưng hô quen thuộc trong cộng đồng tín hữu Cao Đài.

Ơn Trần Văn Chánh, ngay sau khi nhận được thư hiền huynh, thể theo nhã ý của hiền huynh đã chuyển ngay lá thư dài dạt dào tình cảm, chan chứa tâm đạo của người viết. Tỳ đệ vô vàn cảm kích trước những mỹ ý, thiện cảm mà hiền huynh sẵn dành cho tỳ đệ.

⁽¹⁾ Xem thêm Huệ Khải, *Nhịp Cầu Tương Tri*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2013, tr. 216. (Văn Uyển chú)

Nhà thơ Mỹ Henry Wadsworth Longfellow (1807-1882) từng ví kẻ cầm bút viết văn, làm thơ chẳng khác chi cung thủ bắn mũi tên vào không trung mà chả hề biết mũi tên của mình sẽ ghim vào nơi nào. Lá thư của hiền huynh vì vậy là niềm vui đối với tỳ đệ, vì tỳ đệ biết “mũi tên” của mình may mắn không mất hút vào hư vô.

Những tình cảm chân thật, tự nhiên của tỳ đệ đối với Phật Giáo Hòa Hảo một phần là do chánh pháp Cao Đài un đúc từ tuổi đôi mươi suốt tới hôm nay; ngoài ra, còn có yếu tố nữa là những năm tháng thiếu thời sống ở miền quê, gần gũi sinh hoạt của tín đồ đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

Thật vậy, thuở bé là học trò trường làng (xã Mỹ Luông, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang), tỳ đệ chơi thân với đám bạn nhỏ có ba má là tín đồ Hòa Hảo. Ông thân một đứa là thành viên ban trị sự của Phật Giáo Hòa Hảo ở xã; ông lại là bằng hữu của thân phụ tỳ đệ (bấy giờ đang theo đạo Phật). Do đó, khi bộ *Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ* của Đức Huỳnh Giáo Chủ (Sài Gòn, 1966) vừa phát hành, ông biểu ngay thân phụ tỳ đệ một bộ. Đến bây giờ trong ký ức tỳ đệ vẫn còn giữ được hình dạng trang bìa thanh nhã của bộ bửu kinh ấy.

Rồi chú bé trường làng và hai đứa bạn nhỏ (gia đình Hòa Hảo) xa nhà qua Long Xuyên lạ lẫm, cùng theo học trường trung học công lập Thoại Ngọc Hầu, cùng ở trọ trên đường Nguyễn Trường Tộ ở chân cầu Hoàng Diệu, cặp theo bờ sông. Ngay đầu hẻm để rẽ vào nhà trọ là

một cơ sở khang trang của Phật Giáo Hòa Hảo. Vuông sân mát mẻ nơi đó thường phủ đầy hoa sứ trắng rụng rơi... Hình ảnh ấy cũng là một kỷ niệm thiếu thời, dai bền nơi tâm tưởng.

Kính chúc hiền huynh và bửu quyến an khang. Xin hiệp tâm cầu nguyện Đức Thầy ban ơn phù trì để chánh pháp Phật Giáo Hòa Hảo hoằng dương, bốn đạo Hòa Hảo đâu đâu cũng được hạnh hưởng trọn vị pháp lạc.

*

✉ **Hiền hữu Nguyễn Quang Tín** (thánh thất Trung Dương, Lâm Đồng). Điện thư ngày 12-7-2017:

Theo “Tiểu Sử Quan Thánh Đế Quân”, di cáo của đạo trưởng Huệ Lương in trong Sống Đạo Đỉnh Dâu 4 (Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2017, tr. 15) có viết “Ngài Vân Trường với con nuôi là Quan Bình (...) bị hại nhằm ngày 18 tháng 10 năm Kiến 𠄎 thứ hai mươi bốn, thọ đặng 58 tuổi.” Vậy, tại sao ngày vía của ngài lại là 24 tháng 6 âm lịch hằng năm?

Huệ Khải: Kính thưa hiền hữu, trước hết nên nhớ rằng đồng bào chúng ta thoát đầu dùng chữ *vía* để nói tới ngày sinh (birthday) của một đấng thiêng liêng. Về sau, bà con dùng theo nghĩa rộng, cứ ngày kỷ niệm (anniversary) một đấng thiêng liêng thì lại gọi là *vía*. Chẳng hạn, theo dân gian, Đức Quan Âm có ba ngày vía như sau:

Ngày 19 tháng 02: Vía Quan Âm dẫn sanh.

Ngày 19 tháng 6: Vía Quan Âm thành đạo.

Ngày 19 tháng 9: Vía Quan Âm xuất gia.

Trở lại ngày vía của Đức Quan Thánh trong tín ngưỡng dân gian và trong đạo Cao Đài, tôi đã trình bày chi tiết trong quyển *Quan Thánh Xưa Và Nay* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 93-96; quyển 59-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo). Hiền hữu vui lòng xem lại sách này.

*

✉ **Hiền huynh Biên Nhân** (Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang). Điện thư ngày 20-7-2017:

Tháng trước, tôi được anh Trần Văn Chánh trao tặng quyển “Tưởng Nhớ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ” do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014).

Gặp sách đã mừng, gặp sách in được chăm chút sạch đẹp mừng hơn, nhưng gặp sách tưởng niệm về một nhà văn hóa Việt có tâm và tầm mà mình từng có dịp kính quý, thì vui và mừng khó tả! Già, lại cư ngụ nơi vùng biên địa mà bao người phải lo cái ăn mặc ở chưa đủ thì ít ai ngó mong chi sách báo, lại sách báo tưởng niệm một người xa lạ giới nông dân thì...

Khoảng 1974, lúc tuổi thanh niên tầm 25 tuổi, tôi đã “thỉnh” được ông về nhà qua tác phẩm “Khổng Học Tinh Hoa” (Sài Gòn: nhà sách Khai Trí 1970), mà lúc đó phải

nhịn ăn sáng hơn tháng mới đủ tiền mua, nhưng rồi với vốn kiến thức còn nghèo thua ấy tôi thất vọng về ông! Sau đó qua nguyệt san Đông Phương, Bách Khoa... tôi có được hiểu thêm và "quen, kính nể" về ông, nhưng gần mười năm gần đây qua Internet và hôm nay gặp lại ông qua sách tưởng nhớ ông, tôi mới tạm đủ hối tiếc và tạm đủ kính quý ông – khi ông đã thành người thiên cổ.

Tôi gửi vài dòng này là vì muốn cảm ơn Chương Trình Chung Tay Ấn Tống và những tác giả tưởng nhớ về ông đã cho tôi được cùng tưởng nhớ, dù đã trễ tràng!

Ban Ấn Tống: Kính thưa hiền huynh, chúng tôi rất vui và cảm kích những lời chứa chan tình cảm của một bạn đọc đồng điệu như hiền huynh, nhất là một bạn văn ở nơi biên địa như hiền huynh tự giới thiệu.

Hiền huynh tỏ rõ lòng hân thưởng quyển “*Tưởng Nhớ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ*” khiến chúng tôi lòng vui không ít mà ngậm ngùi cũng nhiều, bởi lẽ quyển sách này là một trong những nhan đề mà chúng tôi bị tồn đọng, đến nay số sách cũ hãy còn nhiều! Thú thật như vậy để hiểu vì sao lá thư hiền huynh gửi làm chúng tôi vui và biết ơn lắm. Kính chúc hiền huynh an lạc.

*

✉ **Hiền tử Đinh Thanh Út** (xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre). Tin nhắn ngày 23-7-2017:

Vui lòng cho đạo muội hỏi chín mươi hai ức nguyên

nhân, cụ thể là bao nhiêu vị? Đạo muội cảm ơn Văn Uyển.

Huệ Khải: Kính thưa hiền tử, trong bài *Hỗn Độn Tôn Sư*, cần khôn chủ tế có câu *Cửu thập nhị tào chi mê muội*, tức là nhắc tới chín mươi hai (*cửu thập nhị*) ức nguyên nhân. Một ức 億 ngày xưa tính là mười vạn (10x10.000), hay một trăm ngàn (100.000). Như vậy chín mươi hai ức là chín triệu hai (92x100.000 = 9.200.000).

Ngày nay, một ức là một vạn lần một vạn (10.000x10.000), tức là một trăm triệu (100.000.000). Như vậy, chín mươi hai ức là chín tỷ hai (92x100.000.000 = 9.200.000.000).

Theo Liên Hiệp Quốc, dân số thế giới tính tới ngày 31-12-2011 là bảy tỷ. Theo Đồng Hồ Dân Số Thế Giới (*World Population Clock*) hiện nay dân số thế giới là khoảng bảy tỷ rưỡi (www.worldometers.info/world-population).

Do đó, chín mươi hai ức (nguyên nhân) nên hiểu theo xưa, tức là chín triệu hai.

*

✉ **Hiền hữu Trần Thanh Tạo** (quầy kinh sách ấn tống ở Tam Kỳ, Quảng Nam). Điện thư ngày 24-7-2017:

Qua hai tháng hoạt động, quầy kinh sách ấn tống ở Tam Kỳ đã phát hành được một số lượng kinh sách, chủ yếu cho các thành phần sau:

- *Phổ Tế và các họ đạo: Phát hành các đầu sách mới do*

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống gửi về và sách phục vụ nghiên cứu thuyết trình.

- Tín hữu mới nhập môn (loại kinh sách riêng).

- Khách thập phương ghé quầy thỉnh kinh sách (khoảng hai mươi người).

- Khách thông qua Internet xin thỉnh sách: ba người.

Thông qua kết quả phát hành nói trên, chúng đệ muội biết được hai đạo tâm có ý nguyện nhập môn nên đã thông tin về cho họ đạo gần nhất để tìm cách hướng dẫn.

Các hoạt động của quầy vẫn tiếp tục triển khai tốt.

Đạo đệ kính chia sẻ thông tin để Chương Trình Chung Tay Ấn Tống cùng vui với quầy phát hành ở Tam Kỳ...

Ban Ấn Tống: Kính thưa hiền hữu, chúng tôi rất vui khi nhận được tin tức tốt đẹp do hiền hữu chia sẻ. Như vậy, công việc pháp thí đã có chút “hoa trái đầu mùa”. Chúng tôi tin rằng với lòng nhiệt thành chăm lo quầy phát hành kinh sách ở Tam Kỳ, quý hiền sẽ gặt hái thêm nhiều kết quả hơn nữa. Chậm mà chắc. Luôn luôn có các Đấng và nhất là Liệt Thánh Tông Đồ miền Trung phù trợ chúng ta. Kính chúc hiền hữu và các đồng sự an hảo, quầy phát hành kinh sách ở Tam Kỳ được phát triển. Chúng tôi rất hân hạnh được sát cánh cùng quý hiền.

*

✉ **Hiền huynh Trương Văn Ba** (Long An). Điện thư ngày 04-8-2017:

Tôi có đọc “Bài Thơ Xuống Núi” in trong Văn Uyển tập 23, và nhớ tới lời của Bạch Tẩn Lão Nhơn in trong cuốn Dưỡng Chơn Tập (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012). Ngài Bạch Tẩn chẳng những xem sắc đẹp đàn bà đối với người tu thiền (hành giả) là cọp mà còn gọi đó là quỷ, là rắn, là trộm cướp. Ngài Minh Thiện dịch như sau:

“Người đều sợ quỷ, duy không sợ thú quỷ đội lốt [quỷ đội lốt giai nhân, ý nói người đàn bà đẹp] ở trong nhà, nó câu thần hồn con người. Người đều sợ cọp, duy không sợ thú cọp ngủ chung với mình trên giường, nó ăn cốt tủy con người. Người đều sợ rắn, duy không sợ thú rắn bao quấn người trong mền, nó hút khí huyết con người. Người đều sợ trộm cướp, duy không sợ thú trộm cướp đoạt khí dương ban đêm, nó hại tánh mạng con người. Sắc nó hại người lớn lắm thay!” (trang 73)

Bài thơ “Nhị bát giai nhân” in trong Văn Uyển tập 23 không nói ai là tác giả, nhưng theo “Dưỡng Chơn Tập” (sách đã dẫn, trang 74) thì tác giả là Đức Lữ Động Tân. Đáng nói hơn nữa là bốn câu trong “Bài Thơ Xuống Núi” và bốn câu trong “Dưỡng Chơn Tập” lại không giống nhau. Đó là chi tiết tôi thắc mắc, muốn nêu ra với Văn Uyển.

Dũ Lan: Kính thưa hiền huynh, quả là Dưỡng Chơn Tập (bản in 2012) nói rằng tác giả bài thơ “Nhị bát giai nhân” là Đức Lữ Tổ (Lữ Động Tân). Một số tài liệu khác cũng nói như vậy, nhưng cũng không ít tài liệu chỉ nhắc tới bài thơ mà không nói rõ ai là tác giả. Vì vậy, tề đệ dè

dặt, chỉ viết “từ xưa tới nay còn lưu truyền bốn câu thơ”:
*Nhị bát giai nhân, thể tợ tô / Yêu gian trượng kiếm
trảm ngu phu / Tuy nhiên bất kiến nhân đầu lạc / Âm lý
giao quân cốt tủy khô.* (Lẽ ra tậ đệ nên nói thêm: *Tương
truyền tác giả là Đức Lữ Tổ.*)

Bài thơ trong Dưỡng Chơn Tập (bản in 2012) có ba từ
khác hơn như sau: *Nhị bát giai nhân, thể tợ tô / Yêu
huyền lợi kiếm trảm ngu phu / Tuy nhiên bất kiến nhân
đầu lạc / Âm lý giao quân cốt tủy khô.*

Bốn câu tậ đệ dẫn trong “Bài Thơ Xuống Núi” dường
như phổ biến hơn cả (qua truy tìm trên Google). Tuy
nhiên, lại thấy không ít dị bản. Như câu hai, có bản chép:

腰中仗劍斬愚夫: *Yêu trung trượng kiếm trảm ngu
phu.*⁽²⁾ (Trong lưng đeo kiếm chém trai ngu.)

Hoặc có bản khác chép câu hai và câu bốn như sau:

腰肢如劍斬凡夫 / 暗里叫君精神枯: *Yêu chi như kiếm
trảm phàm phu / Âm lý khiêu quân tinh thần khô.*⁽³⁾
(Sống lưng giống như kiếm chém kẻ tầm thường / Bên
trong ngầm làm cho chàng bị khô tinh thần.)

Bốn câu trong Dưỡng Chơn Tập thì giống với một bản
khác nữa,⁽⁴⁾ và bản ấy cũng cho tác giả là Đức Lữ Thuần

⁽²⁾ <http://www.xys.org/forum/db/2/77/84.html>

⁽³⁾ <http://www.ximalaya.com/1016942/sound/4632704>

⁽⁴⁾ http://blog.sina.com.cn/s/blog_4c5f5df80102dqt.html

Dương (Lữ Tổ):

二八佳人體似酥 / 腰懸利劍斬愚夫 / 雖然不見人頭落
/ 暗里教君骨髓枯: *Nhị bát giai nhân, thể tợ tô / Yêu
huyền lợi kiếm trảm ngu phu / Tuy nhiên bất kiến nhân
đầu lạc / Âm lý giao quân cốt tủy khô.*

Huyền là treo. **Lợi kiếm** là gươm sắc bén. Vậy câu hai
nghĩa là: Lưng đeo gươm bén chém trai ngu.

Riêng câu bốn, các bản tìm thấy (như dẫn trên) đều
viết là **ám** 暗. Vậy, bản in Dưỡng Chơn Tập 2012 (không
có chữ Hán kèm theo) rất có thể đã ghi nhầm chữ **ám**
thành chữ **âm** khi người sau sao chép văn bản xưa của
ngài Minh Thiện chẳng?

*

✉ **Hiền hữu Châu Kim Lan** (Ninh Kiều, Cần Thơ).
Thư ngày 24-8-2017:

Cháu thấy trên Internet khi nói về tiên tri Cao Đài xuất
thế hay nhắc câu “Cao Đài tiên bút **thi** văn tự”. Nhưng
xem sách thì thấy có người viết “Cao Đài tiên bút **thơ** văn
tự”. Cháu bèn hỏi một vị đạo trưởng quen biết thì vị ấy
bảo rằng câu “Cao Đài tiên bút **thi** văn tự” gồm bảy từ
Hán-Việt, vậy rất đúng. **Thi văn** tức là thơ phú văn
chương. Vị ấy quả quyết câu “Cao Đài tiên bút **thơ** văn
tự” chắc chắn sai, vì **thơ** là từ thuần Việt, không thể lọt
vào một câu đọc theo âm Hán-Việt được. Cháu nghe
giảng như vậy mà lòng vẫn chưa hết phân vân. Kính

mong Văn Uyển giải thích giúp cháu ạ.

Huệ Khải: Chào hiền hữu. Hiền hữu quả là thận trọng với chữ nghĩa. Nếu phần đông bà con Cao Đài của mình cũng đều có đức tính này giống như hiền hữu thì sách vở (thư tịch) Cao Đài sẽ bớt đi rất nhiều lỗi sai đáng tiếc.

Trước hết, xin xác định rằng câu “Cao Đài tiên bút **thi** văn tự” là SẼI. Câu ĐÚNG phải là “Cao Đài tiên bút **thơ** văn tự”. Tại sao vậy?

Chữ THƯ 書 người miền Nam quen đọc là THƠ. Cho nên ngoài Bắc bảo THƯ SINH 書生, THƯ PHÒNG 書房, THƯ TÍN 書信, VĂN THƯ 文書, v.v... thì trong Nam nói THƠ SẼNH, THƠ PHÒNG, THƠ TÍN, VĂN THƠ, v.v...

Nói cách khác, chữ THƯ/THƠ 書 này chẳng liên quan gì tới chữ THI/THƠ 詩 theo nghĩa bài thơ (*poem*).

Câu “Cao Đài tiên bút **thơ** văn tự” vì vậy còn viết là “Cao Đài tiên bút **thư** văn tự”. Câu này vốn nằm trong một bài kinh xưa của đạo Lão (Trung Quốc), dùng để tụng đọc mỗi khi lập đàn cơ thỉnh Tiên. Nguyên văn: 高臺仙筆書文字 ...

Giải thích từng từ trong câu như sau:

Tiên bút: Bút tiên, ngọn cơ (chữ Nho là kê; cầu cơ là *phù kê* 扶乩, người miền Nam đọc là *phò cơ*).

Thư: Nghĩa là viết (*writing*). *Thư pháp* 書法 là nghệ thuật viết chữ đẹp (*calligraphy*).

Văn tự: Chữ viết (*characters, script*).

Cao Đài tiên bút thư văn tự: Bút tiên Cao Đài viết ra chữ.

Qua câu hỏi của hiền hữu, chúng ta liên tưởng tới thực trạng chữ nghĩa trong sách vở Cao Đài xưa nay rất đáng lo ngại, nhất là với phương tiện Internet thời @. Đơn cử, câu “Cao Đài tiên bút **thi** văn tự” viết sai, giảng sai có thể tìm thấy khoảng 78 lần trên Internet.

Nhiều đạo hữu chúng ta tuy viết tiếng Việt còn quá sai chánh tả, lại hay ngộ nhận về các từ Hán-Việt, nhưng có thừa nhiệt tâm tự phổ biến các bài viết của mình lên Internet (blogs, facebook, v.v...). Các sai lầm chữ nghĩa như thế khiến cho người ngoài đạo Cao Đài hoặc không hiểu đúng Đạo Thầy, hoặc dễ đem lòng thiếu tin cậy thư tịch nhà Đạo chúng ta.

Tự đăng bài lên Internet (blogs, facebook, v.v...) là một cám dỗ của thời @. Tự đăng bài viết của mình trên Internet mà không có người thạo việc giúp biên tập câu văn, sửa lỗi chánh tả, sửa từ dùng sai... thì tai hại chẳng ít. Ngôn ngữ là lợi khí truyền giáo. Có lòng hăng say viết lách để truyền giáo mà không trau giồi, mài giũa tiếng Việt cho tinh xác, sắc sảo thì chẳng khác gì người lính xông pha bảo vệ đất nước với gươm cùn, giáo lụt, súng ống rỉ sét. Bởi vậy, nhận được câu hỏi của hiền hữu, chúng tôi hoan hỷ được thấy thêm một đồng đạo có đức tính cẩn thận chữ nghĩa như hiền hữu. Quý mến.



KINH SÁCH MỚI IN

*“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyền.”* Đức GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO

Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2017:

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN (Hiệp tuyển). **Tập Trinh (24)** – Quý Bốn năm 2017, ấn tống 2.000 quyển, do công quả **23.900.000 đồng** của quý huynh tử phương danh như sau:

PHẦN A (gồm 5 đạo tâm) = 11.900.000 đồng

- | | | |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 01 | Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM (Tt Thanh Tịnh Đàn): Gởi đợt 126. | 1,200,000 |
| 02 | LÊ QUANG HỒNG, NGUYỄN THỊ BẢY (Tt An Nhứt, HT Ban Chính Đạo): Long Điền, Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồi hương tứ thân phụ mẫu. Gởi đợt 116, 118, 124. | 1,700,000 |
| 03 | MINH THANH (Chiếu Minh, đàn Toàn Chơn). Gởi đợt 126. | 1,000,000 |
| 04 | NGÔ NHỨ TÂM (Khổng Thánh Miếu, Trà Vinh). Gởi đợt 126. | 2,000,000 |
| 05 | NGUYỄN TUYẾT HẠNH, TRƯƠNG THỊ KIM DUNG (Tt Nhựt Chánh, HT Ban Chính Đạo). Gởi đợt 115, 118, 124, 127. | 2,000,000 |
| 06 | NGÔ KIM HỒNG (Tp Cà Mau). Từ Phước chuyển giúp. Gởi đợt 127. | 1,000,000 |
| 05 | VÕ THỊ CÚC (Tt Minh Hữu Huyền Quang, HTCĐ Tiên Thiên). Gởi đợt 127. | 3,000,000 |

PHẦN B (gồm 12 đạo tâm x 500.000 đồng) = 6.000.000 đồng

06. Gia đình đạo hữu BẢO TIẾN (Tt Thanh Tịnh Đàn): Gởi đợt 116.
07. ĐẠI CƠ MINH (Minh Lý Thánh Hội). Gởi đợt 121.
08. HUỲNH VĂN MẬT (80 tuổi). Tt Khổ Hiên Trang (HTCĐ Tây Ninh). Tiên Giang. Gởi đợt 124.
09. LÊ MINH TRÍ (Tt Đô Thành, HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 121.
10. LÊ THỊ VÂN (67 tuổi). Đường Lê Niệm, Tân Phú, TpHCM. Gởi đợt 124.
11. Giáo Hữu NGỌC PHI THANH (Tt Phước Long Thọ, HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 117.
12. NGÔ KIM HIẾN (Tt Thanh Tịnh Đàn): Gởi đợt 126.
13. PHẠM THỊ THANH LAN (Thanh Tịnh Đàn): H/hướng cha mẹ (Phạm Văn Sáu, Đình Thị Mùi). Gởi đợt 114.
14. Lê Sanh THƯỢNG ĐỜI THANH (Tt Nhựt Chánh, HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 117.
15. Lê Sanh THƯỢNG TRUNG THANH, ĐT NGUYỄN THỊ LỆ (Tt Thanh Tịnh Đàn). Gởi đợt 118.
16. TRẦN AN (Mỹ). Hồi hương cha mẹ (ĐH Trần Sum, ĐT La Liền). Gởi đợt 127.
17. TRINH VĂN LÝ (Tt Trung Nam). Hồi hương giác linh LS Trịnh Phùng. Gởi đợt 120.

PHẦN C (gồm 30 đạo tâm x 200.000 đồng) = 6.000.000 đồng

18. Ban Cai Quản TT AN PHONG (Đồng Tháp). Gởi đợt 48B.
19. BẢY LIÊM (Tt Long Định): Bình Đại, Bến Tre. Gởi đợt 24, 48B.
20. Thánh thất CHỢ LỚN: Ngô Quyền, Q10. Gởi đợt 77.
21. DƯ THỊ PHƯƠNG HẢO (Tt Bình Thạnh): Gởi đợt 84.

22. DƯƠNG THỊ THIẾP (Tt An Giang): Bình Khánh, L/Xuyên. H/hướng cữu huyền thất tổ. Gởi đợt 61HK.
23. ĐÀO THỊ CHÂU. Ninh Diên, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 125, 126.
24. ĐÌNH THỊ ANGA: Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115.
25. Thánh thất ĐỨC HÒA: Long An. Gởi đợt 50.
26. HỒ THU THỦY (Tt Quận 3): An Bình, P7, Q5. Gởi đợt 60HK.
27. HUỲNH THỊ MẮT: Ninh Diên, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 114.
28. HUỲNH THỊ RƯỢI: Phước Vinh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115, 117.
29. Lê Sanh HƯƠNG LỆ Hồng Thị Mỹ Lệ (Tt Thị Trấn Nhà Bè): Hồi hương chơn linh mẹ (Nguyễn Thị Nhỏ, pháp danh Tắc Nhiệm, quy vị 08-4 Canh Dần). Gởi đợt 28, 32.
30. LÊ NGỌC THỦY (họ đạo Bình Khánh), Cán Giờ. Hồi hương giác linh cha (Nguyễn Văn Quang, 75 tuổi, ấp Bình Thuận) và mẹ (Lê Thị Sậm, 72 tuổi, ấp An Nghĩa). Gởi đợt 109.
31. LÊ THỊ BÍCH HẠNH. Hiệp Phước, Châu Thành, Tây Ninh. Hồi hương cữu huyền thất tổ. Gởi đợt 123.
32. LÊ THỊ CỤC. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 125, 126.
33. LÊ THỊ THANH HẢI. Bàu Đôn, Gò Dầu, Tây Ninh. Gởi đợt 125, 126.
34. LÊ THỊ NA: Ninh Diên, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 120.
35. LÊ VĂN THẨM: Gởi đợt 76.
36. MAI THỊ KIM NHUNG: Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 118.
37. Ban Cai Quản thánh thất TP MỸ THO. Gởi đợt 45.
38. NGUYỄN KIM HOÀNG (Tt Hiệp Ninh): Gởi đợt 68.
39. NGUYỄN NGỌC VỰC (Tt Long Định): Bình Đại, Bến Tre. Gởi đợt 62HK.
40. NGUYỄN PHƯƠNG THẢO (Tt Hiệp An): Gởi đợt 76.
41. NGUYỄN QUỐC HÙNG. KP3, Phường 1, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 118, 123.
42. PTS NGUYỄN THANH HIẾN (Tt Chợ Lớn): Bình Trị Đông, Q 6. Hồi hương song thân (Nguyễn Văn Triều và Nguyễn Thị Thứ). Gởi đợt 20, 23.
43. NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT. Phước Lợi, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 118.
44. NGUYỄN THỊ HÀ: Long Chữ, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 118 (2 lần).
45. NGUYỄN THỊ HOA (Tt Sài Gòn): Gởi đợt 65.
46. NGUYỄN THỊ HÒA (Tt Chợ Lớn): Gởi đợt 84.
47. NGUYỄN THỊ KIM CHI (Tt Quận 3): An Bình, Q5. Gởi đợt 50.

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUẢN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Hai Mươi Lăm: Từ ngày 01-7-2017 đến ngày 31-7-2017

Môn sanh, đạo tâm:

- | | | |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 01 | TẠ VĂN TUẤN. Gởi 17-7. | 100,000 |
| HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU) | | |
| 02 | HỒ QUỐC HÙNG (Tt Thành Tâm Đàn). Gởi 20-7. | 100,000 |
| 03 | LÊ THỊ TÚ PHONG. An Xuyên. Gởi 20-7. | 250,000 |
| 04 | NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (Tt Thành Tâm Đàn). Gởi 20-7. | 500,000 |

05	TRẦN AN (Mỹ). Hối hướng cha mẹ (ĐH Trần Sum, ĐT La Liên). Gởi 20-7.	500,000
06	TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý): Gởi 20-7.	200,000
07	TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 20-7.	200,000
08	TỬ VĂN AN. An Xuyên. Gởi 20-7.	250,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

09	ĐÀO THỊ CHÂU. Ninh Diên, Châu Thành, TN. Gởi 05-7.	100,000
10	LÊ THỊ CUỘC. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi 05-7.	100,000
11	LÊ THỊ THANH HẢI. Bàu Đồn, Gò Dầu, TN. Gởi 05-7.	100,000
12	LÝ THỊ DUNG. Tân Hưng, Tân Châu, TN. Gởi 05-7.	200,000
13	NGUYỄN THỊ DUNG. Cẩm Thăng, Cẩm Giang, Gò Dầu, Tây Ninh. Hối hướng giác linh Cha (ĐH. Nguyễn Văn Đước). Gởi 11-7.	2,000,000
14	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH. Bàu Năng, Dương M Châu, TN. Gởi 05-7.	100,000
15	VÕ THỊ KIM HẰNG. Cầu Khởi, Dương M Châu, TN. Gởi 05-7.	100,000
16	VÕ VĂN KHANG. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi 05-7.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

17	Giác linh Lễ Sanh truy phong LỄ SỰ, TT Châu Long Đài. Gởi 15-7.	300,000
----	-----------------------------------------------------------------	---------

Tổng cộng: **5,200,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Hai Mươi Sáu: Từ ngày 01-8-2017 đến ngày 31-8-2017

Môn sanh, đạo tâm:

01	Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM (TTi Thanh Tịnh Đàn): Gởi 23-8.	1,200,000
02	MINH THẠNH (Chiếu Minh, đàn Toàn Chơn). Gởi 13-8.	1,000,000
03	NGỌC BÍCH HƯƠNG (TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang). Gởi 23-8.	200,000
04	NGÔ KIM HIỂN (TTi Thanh Tịnh Đàn): Gởi 23-8.	500,000
05	NGÔ NHƯ TÂM (Khổng Thánh Miếu, Trà Vinh). Gởi 19-8.	2,000,000
06	TẠ VĂN TUẤN. Gởi 03-8.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

07	ĐÀO THỊ CHÂU. Ninh Diên, Châu Thành, TN. Gởi 07-8.	100,000
08	LÊ THỊ CUỘC. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi 07-8.	100,000
09	LÊ THỊ THANH HẢI. Bàu Đồn, Gò Dầu, TN. Gởi 07-8.	100,000
10	LÝ THỊ DUNG: Tân Hòa (Tân Hưng), Tân Châu, Tây Ninh. Gởi 07-8.	200,000
11	NGUYỄN THỊ EM. Long Bình, Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 06-8.	500,000
12	TRẦN THỊ ĐIỀU HIỂN: KP Hiệp Nghĩa, P Hiệp Ninh, TP Tây Ninh. Gởi 07-8.	4,000,000
13	VÕ THỊ KHANG. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi 07-8.	100,000
14	VÕ THỊ KIM VÀNG. Cầu Khởi, Dương Minh Châu, TN. Gởi 07-8.	100,000

Tổng cộng: **10,200,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Hai Mươi Bảy: Từ ngày 01-9-2017 đến ngày 30-9-2017

Môn sanh, đạo tâm:

01	KIM THANH (thánh thất Úc Châu). Gởi 100 AUD ngày 06-9.	1,778,000
02	KIM Y (thánh thất Úc Châu). Gởi 100 AUD ngày 06-9.	1,778,000

03	TRẦN NGA (thánh thất Úc Châu). Gởi 50 AUD ngày 06-9.	889,000
04	ẨN DANH. Gởi qua ACB, 28-9.	100,000
05	CAO HỒNG DUYÊN (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
06	CAO TRỌNG HUẾ (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	50,000
07	HỒ ĐẠI LÝ (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	200,000
08	HỒ ĐẠI SỰ (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
09	HỒ HOÀNG ĐĂNG KHOA (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
10	HỒ HOÀNG GIA HƯNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
11	HỒ HOÀNG TẤT HIỂN (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
12	HỒ PHƯƠNG VI (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
13	HỒ THỊ MỸ DUNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
14	HOÀNG AN (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	250,000
15	HOÀNG ANH (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	250,000
16	HỒNG HẰNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	200,000
17	LÊ THỊ PHƯƠNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
18	NGÔ KIM HỒNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	1,000,000
19	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
20	NGUYỄN THỊ THU THỦY (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	200,000
21	NGUYỄN THỊ TỬ PHƯỢNG (Mỹ). Gởi 07-9.	200,000
22	TẠ VĂN TUẤN. Đà Nẵng. Gởi 25-9.	150,000
23	TRẦN AN (Mỹ). Hối hướng cha mẹ (ĐH Trần Sum, ĐT La Liên). Gởi 07-9.	500,000
24	TRƯƠNG NGỌC LÝ (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000
25	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT (Tp Cà Mau). Gởi 07-9.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

26	LÊ THỊ THANH HƯƠNG (Hòa Long, ấp Đông, Tp Bà Rịa). Hối hướng thân phụ Lê Châu, quy 2005. Gởi 20-9.	250,000
27	LÊ THỊ THỦY (An Nhứt, Long Diên, Bà Rịa – VT). Hối hướng song thân. Gởi 20-9.	400,000
28	NGUYỄN TUYẾT HẠNH, TRƯƠNG THỊ KIM DUNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 12-9.	500,000
29	PHẠM THANH LONG (TT Nhựt Chánh, Bến Lức). Gởi 20-9.	500,000
30	PHẠM THỊ DIỄM HƯƠNG (TT Nhựt Chánh, Bến Lức). Gởi 20-9.	500,000
31	PHẠM TRUNG QUỐC, NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh, Bến Lức). Gởi 20-9.	1,000,000
32	TRẦN THỊ LỆ HẰNG (TT Long Phú): Nguyễn Thượng Hiến, Phú Nhuận. Gởi 20-9.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

33	Cố ĐT HUỖNH THỊ TƯỜNG (TT Ngọc Ân). Gởi 26-9.	200,000
34	NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 07-9.	500,000
35	NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 07-9.	200,000
36	NGUYỄN THỊ THÁNH (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 07-9.	100,000
37	TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý): Gởi 07-9.	200,000
38	TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 07-9.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

39	LÝ THỊ DUNG (Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh). Gởi 08-9.	100,000
40	LƯƠNG THỊ BẠCH LÊ (Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 08-9.	100,000
41	NGUYỄN THỊ NGÀ (Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi 08-9.	50,000
42	PHAN THỊ HỒNG GẮM (Bàu Đón, Gò Dầu, Tây Ninh). Gởi 08-9.	100,000
43	TRANG THỊ LAN NHI (Hiệp Ninh, Tp Tây Ninh). Gởi 08-9.	2,000,000
44	VÕ THỊ KHANG (Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi 08-9.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

45	ĐOÀN THỊ SON (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	100,000
46	LÊ NGỌC ĐIẾP (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
47	LÊ THỊ KIM EM (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	100,000
48	NGUYỄN THỊ BẠCH MAI (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
49	NGUYỄN THỊ BẠCH CHÂU (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
50	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIẾP (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
51	NGUYỄN XUÂN NGỌC (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	100,000
52	TRẦN NGỌC THU TRÂM (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	100,000
53	TRẦN QUAN TRỊ (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
54	TRẦN VĂN THỨ (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	100,000
55	VÕ MINH VĂN (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
56	VÕ THỊ BẠCH HUỆ (Tt An Tiên), Chợ Lách, Bến Tre. Gởi 04-9.	200,000
57	VÕ THỊ CÚC (Tt Minh Hữu Huyền Quang), Bến Tre. Gởi 20-9.	3,000,000

Tổng cộng: **21,045,000 VNĐ**

Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bà Rịa - VT:	TẶNG NHƯ HẪN	☎ 0907663832
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	Lê Sanh TRẦN THANH TỬ	☎ 0912949657
	ĐỖ THỊ KẾT	☎ 0985780369
	NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0905008999
Đắc Lắc:	TRẦN VĂN SANG	☎ 01654173181
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Quảng Nam:	Giáo Hữu THUỶNG THUẦN THANH	☎ 0905870081
	TRẦN THANH TẠO	☎ 0945057595
	CHÂU THỊ KIM TƯỚI	☎ 0914730595
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang	☎ 0913613653
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

**ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN**

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý. HUỆ KHẢI chủ biên.
Tập Trình (24), quý Bốn năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
☎ (24) 37822845 – Fax: (24) 37822841
E-mail: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám Đốc - Tổng Biên Tập: **TS. NGUYỄN CÔNG OÁNH**

Biên tập: **LÊ HỒNG SƠN**

Vẽ bìa: **LÊ ANH THƯ**

Trình bày và kỹ thuật: **NGHÊ DỪ LAN**

Sửa bản in: **LÊ ANH MINH, NGÔ BÁI THIÊN**

Đơn vị liên kết: Ông Lê Anh Dũng

Địa chỉ: 87/3 Đinh Tiên Hoàng, P. 3, Q. Bình Thạnh, TpHCM

In 2.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí Nghiệp In FAHASA:
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (28) 38153971 – Fax: (28) 38153297

Số ĐKXB: 1799-2017/CXBIPH/16-124/TG.

Mã số ISBN: 978-604-61-4834-0

QĐXB: 593/QĐ-NXB TG, ngày 23-10-2017.

In xong và nộp lưu chiểu quý Bốn năm 2017.

SÁCH ẤN TỐNG (KHÔNG BÁN)

Thư từ, bài viết... xin gửi về: daidaovanuyen@gmail.com

Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com